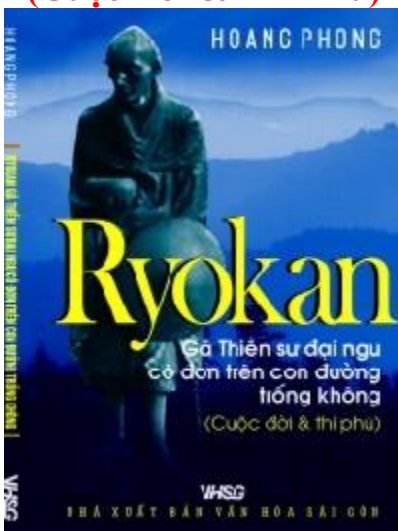


**Ryokan**  
**Gã Thiên Sư Đại Ngu**  
**Cô Đơn Trên Con Đường**  
**Trống Không**  
(Cuộc Đời & Thi Phú)



**Cs Hoang Phong Dịch**

---o0o---

*Nguồn*

<http://thuvienhoasen.org>

*Chuyển sang ebook 11-07-2015*

*Người thực hiện :*

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

### LỜI NÓI ĐẦU

#### PHẦN I. CUỘC ĐỜI CỦA RYOKAN

#### PHẦN II. THƠ TUYỂN CHỌN

1. Những vần thơ cô quạnh
2. Những vần thơ lang thang
3. Những vần thơ hội ngộ
4. Những vần thơ khát thực
5. Những vần thơ đau buồn
6. Những vần thơ quá khứ
7. Những vần thơ Đạo Pháp
8. Vài vần Haiku
9. Vài vần thơ bằng Nhật ngữ

#### PHẦN III. BIẾN CỐ VÀ GIAI THOẠI TRONG CUỘC ĐỜI CỦA RYOKAN

1. Một vài biến cố trong cuộc đời của Ryokan
2. Xuất gia
3. Con đường Thiền
4. Cầu an
5. Một nhân chứng
6. Cửa hiệu bán mì và nước tương
7. Giọt nước mắt
8. Teishin và những vần thơ trao đổi
9. Ryokan và Teishin

### LỜI CUỐI SÁCH

#### SƠ LƯỢC THƯ MỤC THAM KHẢO

---o0o---

### LỜI NÓI ĐẦU

Nếu Dogen (Đạo Nguyên, 1200-1253) là một thiền sư và tư tưởng gia lớn nhất nước Nhật, thì Ryokan (Lương Khoan, 1758-1831) là một thiền sư thi sĩ được người dân Nhật quý chuộng nhất. Ngày nay, nếu tư tưởng của Đạo Nguyên và học phái Tào Động trong Thiền học Zen đã lan tràn và ảnh hưởng sang các nước Tây phương và cả thế giới, thì thi ca của Ryokan ngày càng làm say mê những người phương Tây. Sách nói đến cuộc đời và thi phú của Ryokan bằng các ngôn ngữ phương Tây thật hết sức phong phú.

Trước hết phải nói ông là một thiền sư ngoại lệ, một con người khác thường, gần như suốt đời sống ẩn dật, trong đơn sơ và cô quạnh. Chẳng những ông không thích cuộc sống thế tục đầy giả dối, nhưng ông cũng không chịu nổi cả cuộc sống của tăng đoàn nơi tu viện.



Ngày còn nhỏ trong gia đình, ông đã mơ tưởng một cuộc sống ẩn dật và phiêu bạt của một nhà sư. Năm 1776, vào lúc nước Mỹ tuyên bố độc lập thì ông mới mười bảy tuổi, và còn là một viên chức tập sự trong xã nhưng đã thốt lên một câu như sau: “Thế giới này đã làm lẫn rồi khi xem nghệ thuật lường gạt là biểu hiện của trí thông minh”. Có phải ông muốn nhắn nhủ với những người của thế hệ ông hay là cho cả chúng ta hôm nay? Sau đó ông đã quyết định xuất gia.

Mười bảy tuổi, ông từ giả cha mẹ để vào chùa. Hai mươi một tuổi theo thầy đi về phương nam và sau này ông đã nhắc lại phút giây từ biệt ấy trong một bài thơ:

*Tôi từ biệt mẹ và nói với mẹ rằng:  
“Biết đâu đây là lần cuối cùng,  
Hai mẹ con ta nhìn nhau”.  
Mẹ tôi khóc,  
Nắm lấy tay tôi và nhìn tôi thật lâu.  
Và lúc này trước mắt tôi,  
Gương mặt mẹ vẫn còn đó.  
Khi bước vào chào cha,  
Cha bảo với tôi rằng:  
“Con nhớ đừng để cho thiên hạ  
Bảo rằng con từ bỏ thế tục một cách vô ích”  
Và tiếng cha vẫn còn văng vẳng bên tai.*



*Ryokan, tranh của Kawai Gyokudo (1873-1957)*

Ryokan đi tu để chọn một kiếp sống ẩn dật, hoàn toàn ẩn dật:

*“Trong cảnh rừng xanh mướt,  
Là chiếc am cỏ của tôi.  
Chỉ có những người đi lạc đường,  
Mới tìm ra được nó.  
Chẳng một tiếng ồn ào của thế tục,  
Họa chẳng thỉnh thoảng,  
Mới nghe thấy tiếng hát của một gã tiêu phu.  
Một nghìn đỉnh núi cao, một vạn con suối chảy,  
Chẳng có một bóng người ”.*

Tuy thế một hôm chiếc am cỏ cũng bị trộm và tên trộm đã vơ sạch những vật dụng nghèo nàn của ông. Ông lấy bút viết một câu thơ như sau:

*"Tên trộm đã bỏ quên  
khuôn trăng  
bên thềm cửa sổ"  
(musibito  
tori nokosareshi  
mado no tsuki)*

Cũng thật khó hiểu, không biết Ryokan là một thiền sư, hay một thi sĩ. Tâm hồn thi sĩ đã biến Ryokan thành một thiền sư, hay sự giác ngộ đã biến ông thành một thi sĩ. Có thể đây chỉ là hai khía cạnh của một tâm hồn bén nhạy. Ông đã để lại cho chúng ta hơn 2800 bài thơ:

*“Có ai dám bảo thơ tôi là thơ,  
Thơ tôi đâu phải thơ,  
Khi nào anh hiểu được thơ tôi không phải là thơ,  
Lúc ấy chúng ta mới có thể đàm đạo về thi phú với nhau ”*

Cái tánh Không trong Phật pháp đã đạt đến chỗ tuyệt đỉnh trong lòng Ryokan. Thật vậy, thơ Ryokan không phải là thơ, vì nó quá giản dị để có thể

gọi là thơ, nó chỉ là những gì sờ sờ ngay trước mặt: một cọng cỏ, một hạt mưa, con chim cu trong bụi tre, manh áo cà-sa bạc màu hay chiếc bình bát khát thực trên tay, những xúc cảm trần trụi, đơn sơ, mong manh như hơi thở của rừng thu, như tiếng gõ nhẹ của một hoa tuyết đập vào tấm phen của cửa am khi ông ngồi thiền trong đêm,... tất cả tạo thành những xúc cảm vô hình, len rất sâu vào tim ta và tan đi trong tận cùng của tâm hồn ta. Tất cả đều tan biến, không còn gì cả để gọi là những vần thơ. Nếu có thể gọi là thơ thì đây chỉ là những gì thật lung linh, thật nhẹ nhàng, vô hình nhưng đầy ắp rung động và xót xa... Tất cả những thứ ấy đều nằm bên ngoài những dòng chữ mà ông viết, và hình như đang nằm thật sâu trong tim ta.

Ngoài ra cũng phải nói là thơ của ông lạnh lắm, lạnh như cái nôi đất bằm đầy bụi bặm đặt trên chiếc bếp lạnh tanh, lạnh như những giọt mưa đêm lã lã trên mái cỏ của chiếc am trong rừng núi Kugami, hoặc buốt như cơn rét của những luồng gió cuối thu luồn vào chiếc áo cà-sa mong manh của ông.

Không những ông là một thi sĩ mà còn là một nhà thư pháp tuyệt vời. Thư pháp là một kỹ thuật thiền định: những nét bút chính xác, lưu loát, phản ánh sự tập trung tâm thức và cách điều hoà hơi thở của một người hành thiền. Những tờ thư pháp của Ryokan còn lưu giữ đến ngày nay đã trở thành vô giá. Các bảo tàng viện trên thế giới tìm mua với bất cứ giá nào.

Trên đây là những khía cạnh của cuộc đời ông, của thiên tài Ryokan mà người ta có thể ghi nhận được, nắm bắt được. Nhưng có những “thể dạng” khác của tâm hồn Ryokan mà người ta đành chịu thua, không hiểu được, không với tới được, chúng vượt hẳn ra ngoài sự hiểu biết công thức của chúng ta. Cái vô minh của sự hiểu biết quy ước không cho phép chúng ta nhìn thấy cái bản thể đích thực của một con người giác ngộ. Cái bản thể ấy Ryokan cũng không thể bày tỏ hay nói ra được bằng lời hay bằng những vần thơ:

*Trong khóm liễu bên bờ suối, tiếng côn trùng khóc than*

*Con chó sủa dưới trăng trong ngôi làng ngủ yên*

*Không có gì làm dao động được dòng cảm nhận thanh thoát của tôi*

*Xúc cảm trong những giây phút này, biết làm sao ghi lại?*

Ryokan có rất nhiều tên gọi hay biệt danh. Tên cha mẹ đặt cho ông là Eizo, có nghĩa là nơi an trú của sự thành đạt. Nhưng thật ra thuở nhỏ ông là một đứa trẻ thật ngây ngô và khờ khạo, chậm chạp và đần độn đến đáng thương. Cả nhà và dân làng đều nhìn nhận điều ấy. Sau khi xuất gia và được thụ phong tỳ kheo thì ông mang pháp danh là Ryokan, có nghĩa là từ tâm và rộng lượng.

Nhưng khi đắc đạo thì thầy ông lại gán cho một “pháp danh” khác là Taigu (Daigu), tức là Đại Ngu. Quả thật như thế, khó tìm thấy ai có thể “ngu” hơn ông. Thầy ông ban cho ông cái biệt danh Đại Ngu, nhưng đồng thời ông cũng là người duy nhất thấy được những gì phía sau cái “đại ngu” của Ryokan. Sau đây là những lời trích trong tờ ấn tín do thầy ông viết để chứng nhận sự đắc đạo của ông: “... con giống như một thằng Đại Ngu, nhưng con đường của con thênh thang... Ngoài ta ra chắc chẳng có người nào khác có thể nhìn thấy điều ấy...”

Dân làng chung quanh khu rừng nơi ông ẩn dật đều gọi ông là “nhà sư chơi bóng ném” (temari-shônin), vì ông rất thích chơi ú-tim, vật lộn và nhất là ném bóng với bọn trẻ con trong làng. Họ còn gọi ông là lão già ngô nghê hay gã thiên sư khùng... Tuy thế cũng có người cho ông là “kẻ ngay thật”, “nhà tu hành khiêm tốn”, “nhà sư có tâm hồn trẻ con”. Đám người trí thức đôi khi gọi ông là tên “khinh khỉnh”, hay tên “bất cần”.

Tóm lại khó có thể xét đoán được ông bằng sự hiểu biết công thức của chúng ta. Khi đọc qua tiểu sử của ông, mỗi người trong chúng ta sẽ tự đánh giá ông theo sự hiểu biết của chính mình. Thiên sư người Pháp Dominique Blain vừa xuất bản một quyển sách nói về Ryokan, khi người ta phỏng vấn và hỏi ông nghĩ gì về Ryokan, ông trả lời rằng theo ông thì Ryokan là “sự tượng trưng đẹp nhất của trí thông minh con người”.

Sự thông minh đó có lẽ chúng ta không cần biết, vì nó không giống với sự thông minh của chúng ta, rất khác với sự hiểu biết trong sách vở, khác với những gì tiếp nhận từ giáo dục, gặt hái từ kinh nghiệm của bản năng. Thôi ta hãy cứ xem ông như một gã ngô nghê cũng chẳng sao:

*“Có những đêm  
ngồi đếm rận  
mãi cho đến hừng đông”*

Có một giai thoại kể rằng vào những ngày đẹp trời, ông ngồi phơi nắng trước cửa am, bắt những con rận trong áo cà-sa cho chúng sưởi ấm, tối lại nhặt vào.

Ngoài phần mở đầu và vài lời cuối sách, quyển sách nhỏ này gồm có ba phần chính. Phần thứ nhất tóm lược tiểu sử của Ryokan. Tiểu sử của ông rất đầy đủ và phong phú, phong phú vì có rất nhiều giai thoại về ông. Điểm nổi bật nhất trong cuộc đời Ryokan là khó có thể tìm thấy một người nào khác nghèo khổ, khiêm tốn và cô đơn hơn ông, nhưng chính sự nghèo khổ và khiêm tốn đến cùng cực đã biến ông thành một con người cao cả và khác thường, làm cho mọi người biết đến và kính nể.

Rất có thể ông chọn một kiếp sống nghèo khổ và cô đơn không phải chính vì mục đích muốn nghèo khổ và cô đơn, nhưng ta cũng không nên xem đây là phương cách làm cho kẻ thế tục chú ý để ngưỡng mộ ông. Lý tưởng và hoài bão của ông đứng ra ngoài những thứ ấy và cũng là những gì mà chúng ta khó thấy nhất nơi ông, như đã trình bày trong phần trên đây. May ra ta có thể hé thấy và thoáng nhận ra một chút nào những hoài bão đó trong ông qua một vài thi chứng của ông:

*“... tôi nguyện cầu  
chiếc áo cà-sa của một người tu hành như tôi  
sẽ trở nên thật rộng lớn  
để có thể gom lại và quàng lên tất cả chúng sinh  
đang đau khổ trong thế gian này”*

Hoặc một hôm ông ngòi nhớ đến những đứa trẻ đã chết trong dịch đậu mùa từ năm ngoái:

*“Này các em bé đã chết vì dịch đậu mùa.  
Kìa xuân đã đến rồi,  
Mầm non đâm chồi trên cành lá,  
Trăm hoa rồi lại nở.  
Nhưng các em đã nằm xuống,  
Với những chiếc lá vàng cuối cùng,  
Của mùa thu năm ngoái,  
Các em sẽ không bao giờ trở lại”.*

Phần thứ hai của quyển sách này dành cho một số bài thơ của Ryokan. Nếu viết về tiểu sử của ông là một công việc không đến nỗi quá khó nhờ vào tài liệu phong phú, chỉ cần gạn lọc, thì dịch thơ của ông là một chuyện có thể nói là liêu lĩnh. Nói chung thơ không thể dịch được, làm thế nào “dịch” được một xúc cảm. Một cách tổng quát, thơ gồm có ba thành phần: ý, xúc cảm và kỹ thuật. Xúc cảm và kỹ thuật không thể chuyển dịch một cách trung thực bằng một ngôn ngữ khác ; ý thì may ra, nếu ta đủ sức nắm bắt được những gì sâu kín trong một vần thơ.

Nếu dịch thơ là một sự đánh liều, thì dịch thơ đã dịch sang một ngôn ngữ khác là một sự điên rồ. Các vần thơ góp nhặt trong tập sách này được căn cứ trên các tài liệu bằng ngôn ngữ Tây phương. Ngay khi so sánh cùng một bài thơ nhưng do nhiều tác giả dịch, ta cũng có thể thấy sự bén nặng khác nhau giữa các dịch giả, nếu không muốn nói là có nhiều người dịch không đúng nghĩa lắm.

Thơ xưa của Nhật cũng như thơ cổ Việt Nam gồm có hai loại: loại thứ nhất bằng Hán văn, loại thứ hai bằng tiếng Nhật thông dụng, đối với Việt

Nam loại thơ thứ hai là thơ tiếng Nôm. Tuy thơ bằng Hán văn của Ryokan rất phong phú, nhưng ông cũng để lại rất nhiều thơ bằng tiếng Nhật. Mỗi nền văn hoá đều có những kỹ thuật làm thơ đặc thù. Đối với ngôn ngữ Việt Nam thơ lục bát chẳng hạn là thể thơ tiêu biểu nhất, trong thi ca Nhật bản thể thơ 5-7-5-7-7, gọi là thơ waka là một thể thơ rất xưa và rất được phổ biến. Một loại thơ tiêu biểu khác của ngôn ngữ Nhật là thơ haiku, một thể thơ rất ngắn xuất phát từ thể thơ waka, bằng cách chỉ giữ lại ba câu đầu là 5-7-5. Vì tiếng Nhật đa âm, nên tuy là một chữ nhưng cũng gồm có nhiều âm vận, do đó 5-7-5 cũng đủ tạo ra nhạc tính cho một bài thơ. Nếu dịch sang một ngôn ngữ độc âm, chẳng hạn như tiếng Việt, bài thơ chỉ còn có vài vần và nhạc tính sẽ biến mất hẳn. Thơ haiku của Ryokan tương đối hiếm, ông chỉ viết độ một trăm bài trong thể thơ này. Nói chung, thơ của ông thường không mang tựa, ông chỉ viết vì xúc cảm mà thôi, không có một chủ đích gì cả.

Sở dĩ phải dông dài như trên đây cũng vì người dịch muốn nhắc nhở người đọc hãy tha thứ khi xem những dòng thơ dịch. Người đọc cần lắng mình trong ý thơ đã được chuyển ngữ để tự tìm thấy xúc cảm cho riêng mình. Mặc dù cố gắng, nhưng người dịch không thể chuyển tải những xúc cảm của một bài thơ sang một ngôn ngữ khác. Chỉ có xúc cảm mới có thể tìm thấy xúc cảm để hội nhập trực tiếp với xúc cảm mà thôi.

Thông thường các bài thơ dài hoặc các câu thơ dài và gồm nhiều chữ là các bài thơ viết bằng tiếng Hán, các bài thơ viết bằng tiếng Nhật thường ngắn hơn, mỗi câu cũng ít chữ hơn. Một vài bài thơ tiếng Nhật và vài câu thơ haiku sẽ được trình bày kèm theo tiếng Nhật bên cạnh để những người đọc nào muốn thưởng thức nhạc tính nguyên thủy của bài thơ.

Phần thứ ba của quyển sách nêu lên một vài biến cố và giai thoại trong cuộc đời của Ryokan. Nếu tiểu sử trong phần một của sách được viết dựa trên xúc cảm và những ảnh hưởng sâu kín nhất trong một kiếp người, đồng thời cố ý xoá mờ đi bối cảnh và những tình tiết phụ thuộc, thì trong phần ba của sách cũng sẽ có một phân đoạn nhỏ ghi chép lại những biến cố trong cuộc đời của Ryokan, nhưng lại được viết một cách ngược hẳn lại, cố gắng trình bày một cách vô tư cuộc đời của ông qua những biến cố dính liền với không gian và thời gian, trong mục đích tạo ra một bối cảnh trung thực để người đọc tự tìm lấy xúc cảm cho chính mình.

Một số thư pháp của Ryokan cũng được chọn lựa và trình bày chen kẽ trong sách. Sau hết là vài lời cuối sách thay cho phần kết luận.



## PHẦN I. CUỘC ĐỜI CỦA RYOKAN

Ryokan sinh vào cuối năm 1758 trong một làng chài, đồng thời cũng là một bến cảng heo hút trên bờ biển Tây Bắc nước Nhật, một nơi gió rét, mưa bão và sương mù quanh năm. Ngôi làng tên là Izumozaki thuộc thị trấn Schigo.

Lúc ấy nước Nhật lâm vào một thời kỳ thật biến động và khó khăn, lụt lội, nạn đói hoành hành, nông dân nổi loạn, bệnh dịch lan tràn, chính trị lại bất ổn, tranh giành quyền lực triền miên.

Gia đình ông họ Tachibana, cha của ông là người ngay thẳng, học rộng và cũng là một thi sĩ từng xuất bản nhiều tập thơ loại haiku, tức là những bài thơ thật ngắn chỉ gồm ba câu, tiêu biểu của thi ca Nhật bản. Cha của ông đứng về phe Hoàng triều chống lại phe quân phiệt đương quyền là Shogun, vì thế lắm khi phải bỏ trốn và sống ẩn dật, sau cùng thì nhảy xuống sông Katsuragawa tự tử vào năm 1795, năm ấy ông được 59 tuổi.

Mẹ ông là bà Hidé, sinh mười lần, nhưng chỉ nuôi được bốn trai và ba gái. Người con cả tên Eizo chính là nhà sư Ryokan sau này.

Tất cả những ai biết cậu bé Eizo ngày còn nhỏ đều công nhận cậu là một đứa trẻ trí óc chậm chạp, lúc nào cũng như đang “ngái ngủ”. Tánh tình rất cô đơn, buồn, không nhất quyết, lơ đãng và lười. Ngày ấu thơ, cả làng xem cậu như một thằng ngốc, một đứa bé ngu đần, đáng thương. Thật vậy, thưở nhỏ ông ngây ngô và thật thà quá độ. Cái ngây ngô và thật thà ấy ông không bỏ được và đó cũng là những nét đã in đậm trong suốt cuộc đời ông sau này.

Gia đình thường kể lại giai thoại sau đây, một hôm người cha rầy la cậu bé Eizo thậm tệ. Cậu nhìn cha với đôi mắt tức giận, người cha liền bảo với cậu: “Này, con mà nhìn cha như thế, con sẽ hoá thành con cá lười trâu đấy!”. Cậu bé Eizo vụt bỏ chạy ra khỏi nhà và biến mất, cả nhà chờ mãi không thấy trở về đành phải đi tìm. Sau cùng, khi chiều đã xuống, mẹ cậu tìm thấy cậu đang ngồi một mình trên bãi cát nhìn ra biển. Bà bèn hỏi: “Sao con lại ngồi ở đây?”. Cậu vô cùng ngạc nhiên và hỏi lại mẹ: “Ra là thế hả mẹ, con chưa hoá thành con cá lười trâu hay sao?”, và rồi cậu đã kể với mẹ rằng vì lỡ nhìn cha như thế nên cậu phải hoá thành con cá lười trâu, cậu đành phải chạy ra bờ biển để ngồi chờ nước lên.

Năm lên bảy, cậu được gọi vào học mẫu giáo trong chùa Kôshôji. Mười hai tuổi, cậu được chuyển đến trường Kyôsen, một ngôi trường dành riêng cho người giàu có và địa vị trong vùng. Hiệu trưởng là ông Omori Shiyô, một học giả uyên bác, không ham danh vọng, từ quan về quê dạy học. Ông dạy văn chương Trung hoa, Khổng giáo và cả Lão giáo. Lão giáo đã ảnh

hưởng khá sâu đậm suốt cuộc đời của Ryokan. Trong thời gian ở trường, Ryokan cũng học về thơ Đường và nhà thơ mà ông say mê hơn hết là Hàn San, thường được Ryokan nhắc đến và xem như vị thầy của ông.

Năm mười bảy tuổi, gia đình cho ông nghỉ học và gởi ông tập sự ở xã để sau này thay cha trong chức xã trưởng, ông chuyên lo việc trật tự trong thành phố và việc thu thuế. Nhiều giai thoại khôi hài được truyền tụng về ông trong thời gian này vì cái tính quá đỗi thật thà và lương thiện của ông. Ông bảo rằng: “Bất lương và nói dối là những thứ tôi đành phải chịu, không làm được”. Thất bại ấy làm ông quyết định đi tu. Thật ra từ ngày còn nhỏ trong gia đình, ông cũng đã có ý định sẽ xuất gia, ông thường bảo rằng ông thích cuộc sống của một người tu hành ẩn dật.

Ông quyết định xin làm sa di trong một ngôi chùa tên là Kôshô tại thôn Amaze. Chùa Kôshô là một tu viện Thiên học thuộc học phái Tào động. Học phái này chú trọng vào kỹ thuật và tư thế ngồi thiền nhiều hơn là thuyết giảng, trái lại học phái Lâm tế thì quan tâm nhiều hơn đến các công án. Vị sư trụ trì là Genjô Haryô, thầy của ông, là một thiền sư rất nghiêm túc, giữ đúng cách tu tập của học phái Tào động, lưu truyền từ khi Thiền sư Đạo Nguyên thiết lập trên đất Nhật vào thế kỷ XIII. Sau bốn năm tu học ông được thầy chính thức thụ phong tỳ kheo với pháp danh là Ryokan, Ryo có nghĩa là từ tâm, kan có nghĩa là rộng lượng, bao dung.

Nhưng một hôm, có một vị thiền sư khác là Tainin Kokunen từ tu viện Entzu nơi thị trấn Okayama tận phương Nam đến viếng và chủ trì một khoá học. Phong thái và cách chủ trì của vị sư này làm cho Ryokan hết sức khâm phục. Nhất là khi Ryokan biết được vị sư này cũng là một thi sĩ tài ba, một nhà thư pháp nổi danh, một người cũng như ông rất mến phục thi sĩ Hàn San của thời Đường, do đó Ryokan lại càng quý mến ông nhiều hơn nữa.

Sau khoá tu tập, Ryokan nài nỉ xin thầy được rời chùa theo thiền sư Tainin Kokunen về phương Nam, nơi thị trấn Tamashima, cách quê ông đến 1200 kilômét. Cuộc hành trình kéo dài năm tháng, từ tháng sáu đến tháng 11 năm 1779. Trên đường, hai thầy trò dừng lại để nghỉ chân trong nhiều tu viện và chùa chiền nổi tiếng thời bấy giờ.

Lúc ấy Ryokan đã 21 tuổi.

Ngôi chùa nơi ông tiếp tục tu học tên là Entzu, vị trụ trì và đồng thời cũng là người sáng lập tên là Tokuô Ryoko, vị này vô cùng nghiêm khắc và kỷ luật. Vị thầy mới của Ryokan là Kukonen thì lại quan tâm đến các công việc tay chân nhiều hơn là việc nghiên cứu kinh sách.

Cũng cần nhắc thêm là các nhà sư Thiền tông luôn luôn cố gắng giữ giới luật và noi theo lối sống của Tăng đoàn theo tiêu chuẩn do chính Đức Phật đặt ra. Điều ấy có nghĩa là họ tự khép mình trong một đời sống vật chất thật đơn sơ. Cũng như các đồng đạo khác, Ryokan được phân phát:

- Một bình bát để khát thực.
- Một bộ quần áo cà-sa gồm ba mảnh: một mảnh váy màu đen, một áo cà-sa đen mặc bên ngoài và một áo lót màu trắng mặc bên trong ; một áo toi che mưa, một cái nón lá rộng vành và một đôi dép kết bằng rơm dùng đi quanh năm, mùa hè cũng như mùa đông. Ryokan thường nhắc đến đôi dép rơm trong thơ của ông.
- Một con dao nhỏ để cạo tóc.
- Một cái kim và một ít chỉ để vá áo.
- Một ít kinh sách, nhất là quyển kinh Kim cương, mỗi ngày phải tụng từ đầu đến cuối quyển kinh này, ít nhất một lần.
- Một cái mền mỏng.
- Một cái gối và một tấm đệm lót (tatami) bằng rơm để ngồi thiền và để nằm ngủ.

Tuy nhiên bấy nhiêu thứ cũng quá rườm rà đối với Ryokan.

Sinh hoạt trong chùa bắt đầu từ ba giờ sáng đến chín giờ tối. Ngoài hai buổi ngồi thiền, hai giờ vào buổi sáng và hai giờ vào buổi chiều, tất cả mọi người phải học tập kinh điển, học thuộc lòng một số kinh sách, làm việc vườn tược và đồng áng: như trồng cây, trồng rau, đốn củi, hái trà..., thêm vào đó là việc trùng tu và sửa sang chùa. Mỗi ngày phải đi khát thực, việc khát thực là một hành vi tập cho người tu hành biết khiêm tốn và giúp người thế tục ý thức về bổn phận của họ đối với hàng tăng sĩ.

Cuộc sống xuất gia rất cực khổ và khát khe, và trên đây chỉ là sinh hoạt thường nhật. Mỗi tháng đều có nhiều dịp lễ, trong các ngày đặc biệt ấy các buổi ngồi thiền kéo dài, có khi đến mười sáu giờ mỗi ngày, công việc đồng áng lại đổ dồn.

Ryokan là một thiền sinh rất nhiệt tâm và chuyên cần, không bao giờ xao lãng hay lười biếng. Ông trải qua nhiều năm trong ngôi chùa Entzu bận rộn và khắc khổ, nhưng luôn luôn say mê ngồi thiền. Ngoài những buổi thiền định tập thể hoặc từng nhóm bốn người, ông cố gắng tìm những lúc ít việc để ngồi thiền thêm, có những đêm ông thiền định một mình rất khuya nơi chính điện, có khi ngồi đến sáng quên cả ngủ.

Mỗi đêm ông thường xin gặp thầy để hỏi han về Phật pháp. Một hôm ông ngờ ý xin thầy dạy thêm, vị sư già Kokunen nói với ông rằng: “Con không thấy biển xanh tràn đầy cả nước hay sao?”. Có lẽ ý ông muốn nói Phật pháp tràn đầy khắp nơi, đâu có gì phải học thêm.

Ryokan rất uyên bác về kinh sách, viết các bài luận giải, biết cả tiếng Phạn. Ông nghiên cứu rất tinh tường toàn thể 95 quyển trước tác Shobogenzo (Chính Pháp nhãn tạng) của Đạo Nguyên, người thiết lập học phái Tào Động trên đất Nhật. Ryokan rất say mê bộ sách Shobogenzo, ông thường đi tra cứu thêm ở các tu viện và chùa chiền khác, xem có nơi nào cất giữ những bản thảo khác lạ và đầy đủ hơn hay không. Ông thường dùng thư pháp để viết lại các câu trong Shobogenzo.

Ryokan cố gắng noi theo lối sống của Đức Phật trong từng chi tiết một, vẫn mơ tưởng được sống ẩn dật, đơn sơ, không trụ vào một nơi cố định nào cả. Ông cẩn thận trong từng ngôn từ và từng tư duy của tâm thức, cố gắng theo đúng với Giáo pháp của Phật. Một hôm đi khát thực trong một ngôi làng gần thị trấn Tamashima, nhưng không ngờ hôm ấy trong làng có nhà bị mất trộm. Người ta nghi ông là kẻ bắt lương liền bắt ông để hỏi tội. Ông không hé một lời nào để tự bào chữa. Các quan chức trong làng sắp ra lệnh chôn sống ông theo luật pháp thời bấy giờ thì có một người nông dân giàu có đứng ra bênh vực cho ông, bảo rằng một người không thốt ra một lời bào chữa nào cả nhất định phải là một người can đảm và khác thường, có lẽ đây là nhà sư mà nhiều người kính nể thường hay đi khát thực trong vùng. Lúc đó dân làng hỏi ông, ông mới nhận chính ông là nhà sư Ryokan của tu viện Entzu. Ông bảo rằng ông không muốn cải chính và chấp nhận sự oan ức, vì biết đâu chính là cái nghiệp từ kiếp trước mà ông phải trả. Lúc ấy dân làng mới xin lỗi và thả ông ra.

Thầy của ông là Kokunen bắt đầu già yếu, chuẩn bị để rút lui, phong cho ông chức vụ sư trưởng. Năm ấy là năm 1789, sau khi ông đã tu học được mười năm trong chùa. Từ lúc đó ông phải giữ thêm trọng trách điều khiển và chăm lo cho 50 vị sư khác.

Sang năm sau, ông lại được thầy giao cho ấn tín gọi là “inka”, chứng tỏ ông đã đắc đạo và có thể tự “bay nhảy một mình”. Ấn tín tượng trưng bằng một bài thơ do người thầy viết theo lối thư pháp, ghi rõ bản thể thâm sâu và những khả năng của người đệ tử. Thầy ông lại cho ông cả chiếc gậy làm bằng gỗ của cây hoa đậu tím (glycine) và ban cho ông một biệt danh mới là Tai Gu (Taigu, Daigu), có nghĩa là Đại Ngu. Trong bài thơ tượng trưng cho ấn tín, thầy của ông đã viết như sau:

*“Này Ryo, con giống như một thằng Đại Ngu, nhưng con đường của con thênh thang. Tự do và không một chút ràng buộc, con chuyển động cùng với những chuyển động tự nhiên của vạn vật. Ngoài ta ra có lẽ chẳng có kẻ nào khác có thể nhìn thấy điều ấy? Vì thế, ta cho con chiếc gậy bằng gỗ cây hoa đậu tím này của ta, nó được uốn nắn để mang hình dáng của một ngọn núi cao. Ta cầu mong nó sẽ làm bạn với con trên khắp nẻo đường, trong một gian phòng hay cả lúc con đang ngủ.*

*Mùa đông năm thứ hai triều đại Kansei.  
Người sư già của am Suigetsu” (ấn ký).*

Ryokan giữ gìn thật cẩn thận tờ thư pháp này và cả chiếc gậy trong suốt cuộc đời của ông. Năm ấy Ryokan được 32 tuổi.

Ít lâu sau thì thầy ông mất, vào năm 1791, và trước khi nhắm mắt vẫn còn cố gắng dặn dò các đệ tử của ông phải noi gương những vị bồ-tát, phải sống như những vị bồ-tát và phải tái sinh để tiếp tục trở thành những vị bồ-tát.

Nhưng tiếc thay vị trụ trì mới là Gentô, được trung ương cử xuống chỉ là một người quản lý tài giỏi, nhưng về Đạo Pháp thì không có gì. Ryokan không tâm đầu ý hợp với vị trụ trì mới và có ý ra đi.

Năm 1792, Ryokan rời bỏ chùa và chu du khắp nơi trên một hòn đảo lớn ở miền nam nước Nhật là Shikoku, sống cuộc sống của một nhà sư phiêu bạt. Đôi khi ông cũng tìm đến các vị thầy nổi tiếng đương thời để được nghe và học hỏi.

Đồng thời ông cũng nhận thấy học phái Tào động cũng đã suy vi, người tu hành chỉ lo kinh sách mà không thực tập thiền định. Trong một số bài thơ, Ryokan có nói đến việc những người tu hành lập đi lập lại và học thuộc những lời thầy dạy để chờ ngày thăng chức, hàng tăng lữ lo kiếm tiền bằng lễ lạc và tụng niệm cho bá tánh. Trước cảnh suy vi của Phật pháp và cảnh áp đặt các chức vị cho chùa chiền tu viện, Ryokan nhất định chọn lối sống tự do, xa lánh các nơi tu hành. Ông chọn lối sống khát thực, cô đơn trong những chiếc am cỏ ở những nơi hẻo lánh. Dù sao thì suốt bốn năm phiêu bạt vừa kể ông không để lại vết chân của ông ở bất cứ nơi nào, không lưu lại một giai thoại nào.

Sau cùng vào năm 1796 ông quay về quê quán nơi miền Tây Bắc nước Nhật, một nơi lạnh lẽo lại mưa nhiều. Ông sống trong một chiếc am cỏ bỏ hoang nhìn ra biển, nhưng về sau lại dọn đến một nơi gọi là Gogôan, trong một chiếc am mang tên là “Năm lượng gạo”. Am này trước đây là nơi trú ngụ của một vị thiền sư khác, vị này được ngôi chùa gần đó cấp cho mỗi ngày năm lượng gạo. Chiếc am khá hẻo lánh, ngôi làng gần nhất cũng phải cách

đó đến chín cây số. Am lợp cỏ, gồm ba gian: một gian bếp vừa dùng để nấu ăn lại vừa dùng để sưởi, một gian đặt bàn Phật, một gian để ngủ. Trên bàn thờ có đặt một tượng Phật nhỏ và tượng của Bồ-tát Địa Tạng, vị bồ-tát chuyên cứu độ trẻ em yếu tử dưới địa ngục.

Ryokan rất thích sống trong chiếc am này, hoang vắng giữa chốn rừng thông, rừng tùng. Trong một bài thơ Ryokan có viết như sau:

*“Dưới bóng mát của cây rừng,  
Trên ngọn núi Kugami  
Tôi ước muốn được già đi,  
Trong chiếc am cỏ này”.*

Ryokan được 38 tuổi khi ông dọn về đây và ông đã sống suốt 15 năm trong chiếc am ấy. Đó cũng là thời kỳ mà tài nghệ của ông đã hoàn toàn nảy nở, từ Đạo pháp, thi phú cho đến thư pháp. Ông được người trong vùng xem như một vị Thánh nhân, một người “thực sự đã đắc đạo”, một con người tinh khiết không một chút màu mè giả tạo.

Cuộc sống của ông thật đơn giản, đơn giản như một cọng cỏ nơi rừng núi Gogôan.

Mỗi sáng ông đi khát thực trong các làng mạc quanh đây. Dáng người mảnh khảnh, chân mang dép rơm, khoác một chiếc áo cà-sa màu đen, trên đầu một chiếc nón rộng vành, lẳng lẳng và chậm rãi lần theo các đường mòn xuyên qua các khu rừng và thôn xóm.

Vừa đi ông vừa khua cây gậy tích trượng có tra sáu chiếc khoen đồng. Tiếng len ken báo hiệu với dân làng có kẻ đến xin ăn. Chiếc gậy tích trượng vừa để báo hiệu có người khát thực đi qua vừa dùng để xua đuổi thú dữ. Sáu chiếc khoen tượng trưng cho lục đạo, tức sáu nẻo của luân hồi. Đến cửa một căn nhà nào đó, ông dừng lại đọc một bài kinh. Người trong nhà cúng dường một chút thực phẩm, ông cúi đầu, nâng chiếc bình bát bằng hai tay. Sau đó ông nhắm mắt lại, đọc hết một bài kinh để cảm tạ rồi lại tiếp tục lên đường.

Hôm nào được nhiều thức ăn, ông lại chia cho trẻ con và những người ăn mày, hoặc chia cho chim rừng. Có khi dân làng cho ông áo mặc, nếu chiếc áo cà-sa của ông chưa rách hết thì ông cũng không nhận và thoái thác rằng thừa áo ông cũng chẳng biết phải làm gì.

Đúng thật như thế, ngoài một manh áo cà-sa, ông chỉ có hai cái bút lông và một nghiên mực bằng đá, dùng vào việc viết lách và làm thơ, một vài quyển kinh, một bình bát để khát thực, một cái nồi bằng đất để nấu ăn, phòng khi tuyết đổ hay mưa bão không ra ngoài được.

Ông rất thương cái bình bát, thỉnh thoảng ông nói chuyện với nó và gọi nó bằng con. Nhưng khổ nỗi ông lại hay đăng trí, sau khi khát thực ông ngồi ăn ở bìa rừng, dưới một gốc cây hay trên một tảng đá, ăn xong đứng lên ông lại quên cái bình bát. Ông thú nhận rằng mỗi lần đánh mất như thế ông rất xao xuyến trong lòng, nhưng thường thì ông tìm lại được, hoặc bọn trẻ con hoặc dân làng tìm thấy thì đưa lại cho ông, vì ai cũng nhận ra cái bình bát của ông.

Sinh hoạt hằng ngày của ông là ngồi thiền, đọc sách, làm thơ hay lãng lạng đi tản bộ trong những khu rừng quanh đó.

Tuy thế ông không hề cắt đứt mọi liên lạc với thế tục. Ông giao du với dân chúng trong các làng mạc và thôn xóm chung quanh, ông thương họ lắm và họ cũng quý ông. Trong nhiều bài thơ ông kể chuyện vào làng uống sa-kê với những người nông dân, hàn huyên với họ và mỗi khi có lẽ lạc ông cũng bỏ am để vui đùa với họ.

Ông thường vẽ những người nông dân lam lũ đang làm việc đồng áng, treo tranh lên tường rồi thắp hương, cắm hoa và lạy họ.

Nhưng ông thích nhất là nô đùa với trẻ con, trong tay áo cà-sa lúc nào ông cũng giấu một quả bóng ném, tiếng Nhật gọi là temari, do chính ông khâu lấy bằng vải. Trẻ con mà gặp ông là bầu chung quanh rồi nô đùa, ném bóng với ông.

Ryokan rất quý các quả bóng do tay ông tự làm lấy và bảo rằng chúng đáng giá hàng trăm tiền vàng. Đây là một trò chơi của người Nhật, xuất hiện từ thế kỷ thứ VII, các quả bóng ghép bằng vải màu, thêu thùa công phu và cầu kỳ, mẫu thêu dựa theo từng mùa. Ngày nay người ta vẫn còn lưu giữ được những quả bóng do chính Ryokan khâu lấy.

Một học giả đương thời với ông là Watanobe kể chuyện lại rằng một hôm ông chơi ú-tim với trẻ con, ông chạy trốn trong một đồng rơm, nhưng quên băng đi là đang chơi. Bọn trẻ con đã về hết. Những người đi đường thấy ông chui trong đồng rơm ngỡ là tên trộm, liền tóm lấy ông trói lại và giao cho dân làng gần đó. May có một người dân trong làng nhận ra ông và cởi trói cho ông. Học giả Watanobe cũng kể lại trong sách của ông là khi Ryokan làm thơ hay viết thư pháp trước am cỏ, chim muông đến đậu trên vai hay trên đầu ông như đang đậu trên những cành cây. Watanobe viết rằng khi nhìn ông người ta có cảm giác ông đã trút bỏ hẳn cái “ngã” của ông, lột bỏ “cái tôi” của một con người, trông ông giống như “một cành cây khô hay một nhúm tro đã nguội lạnh”. Nhưng thật ra bên trong cái cành cây khô và bên dưới nhúm tro nguội lạnh đó đã phảng phất cả một sức sống, một thiên tài, một lòng từ bi vô biên và một tâm hồn bén nhạy và trong sáng bao la.

Thỉnh thoảng ông cũng tiếp một vài người từ xa đến viếng vì họ nghe tin đồn về ông, nhất là họ muốn xem những bức thư pháp do ông viết. Nhưng đôi khi cũng có người mời ông về nhà họ. Một trong số các người ấy là Abé Sadayoshi, một người bạn của ông, chuyên cất rượu sa-kê, người này thường mời ông về nhà tắm nước nóng và uống sa-kê.

Người em họ của ông là Yamado Tôko, cũng cất rượu sa-kê và rất thích thơ, thường mang cho ông gạo và bánh ngọt. Mỗi lần như thế ông lại chia cho người nghèo trong làng.

Một người bạn khác là Yoshida thì cho ông mượn các tác phẩm bằng tiếng Hán, tiếng Nhật nói về Phật pháp, thi ca và thư pháp... để ông đọc thêm.

Ông cũng đến thăm các nhà sư ẩn dật khác trong vùng, chẳng hạn như nhà sư Ugan, vị này dạy cho ông hội họa. Ông thường đến thăm hỏi vị trụ trì của chùa To Rushô là Kohan. Ai cũng kể lại rằng Ryokan là một con người thật dịu dàng, từ tốn, lúc nào cũng thư giãn. Cử chỉ chậm chạp gần như vụng về, cách ăn uống tự nhiên như một người ngốc nghếch.

Những người tiếp xúc với ông đều kể lại rằng, khi hàn huyên với ông được một lúc thì thấy lồng ngực như “nở to ra”, nhẹ nhõm và thoải mái hẳn đi. Ông thường ngồi xuống một cách tự nhiên và giản dị để thiền định ngay trong gian phòng mà người ta tiếp ông. Tuy thế ông không bao giờ giảng kinh, không bao giờ tự xem như một vị thầy, dù đứng trước những thiền sinh trẻ tuổi, và ông cũng chưa bao giờ nhận ai làm đệ tử. Ông chỉ biết đối đãi với tất cả mọi người bằng tình bạn hữu mà thôi.

Cũng phải nói ông là người vô cùng đấng trí và vô tâm, cái áo tôi cũng quên, cái gậy cũng quên, kể cả cái quạt cho đến cái tay nải cũng quên, nhất là hay quên cái bình bát khát thực mà ông thường kể trong nhiều bài thơ. Ngày nay người ta còn tìm lại được các mẫu giấy trên đó ông ghi những món cần phải nhớ trước khi quay lại chiếc am cỏ trong rừng, chẳng hạn ông ghi: tsue (cái gậy), zori (đôi dép), kiriabure (giấy), hachi (bình bát), mino (tay nải), v.v...

Một hôm, một vị thư pháp nổi tiếng là Kameda Bosạ từ kinh đô đến tận am để thăm ông. Trời đã xế chiều, ông bảo Bosạ cứ chờ trong am, ông vào làng tìm rượu sa-kê để uống mừng. Bosạ chờ mãi không thấy ông về, càng lúc càng lo lắng. Sau cùng, mặc dù đêm đã xuống, ông cũng đi tìm và bất ngờ lại gặp Ryokan đang ngồi im lìm ngắm trăng dưới một gốc cây trên đường vào làng.

Chẳng qua Ryokan bất chợt nhìn thấy vàng trăng đẹp quá, nên quên cả việc mua rượu và quên cả khách đang ngồi chờ trong am.



Nhưng đâu phải lúc nào ông cũng được ngắm trăng, cuộc sống ảm đạm thật cam go. Mùa hè muỗi mòng đầy đặc, mùa đông thì giá rét, tuyết phủ khắp nơi, không vào làng khát thực được, phải đào rễ cây để ăn, phải hốt lá rừng đổ đóng trong am để chui vào đó cho đỡ rét.

Tuy thế, ông vẫn thường xuyên mài mực và thảo các bài thơ thành những tờ thư pháp. Ông dùng thư pháp như một cách luyện tập tâm thức, quan trọng ngang hàng với việc ngồi thiền. Có khi ông viết trên mặt đất hay nhìn trời và vạch bút trong không trung. Ông cũng dùng thư pháp để chép lại các bài thơ của các thi sĩ khác mà ông thích. Nhiều thi sĩ và học giả muốn nhờ tay ông thảo giúp cho các câu thơ của họ, nhưng không mấy khi được ông viết giúp, vì thư pháp chỉ có thể thực hiện khi tâm thức đạt được thể dạng cực mạnh của cảm ứng và sức chú tâm cao độ, những giây phút ấy chỉ thoáng qua hay bộc phát một cách bất thần mà thôi.

Đôi khi ông tỏ ra bất động và đồ lười, “chẳng làm gì cả”, không ngồi thiền, không làm thơ, không tụng niệm, nghiền mực đã khô cũng chẳng cầm thỏi mực để mài. Ông không ra khỏi am, buồn bã và yên lặng, không cố gắng, hình như không còn gì quan trọng với ông nữa. Tất cả đều lắng xuống trong ông, trống không và êm ả, không gian tan thành nước và thời gian đọng lại.

Theo nhân chứng của một người đương thời kể lại thì ông là một người gầy và xanh xao, gương mặt xương, ít nói, không ngồi thiền, không tụng niệm, rất ít ngủ hoặc không cần ngủ. Mỗi khi có ai kể cho ông một mẩu chuyện, ông chỉ mỉm cười, có vẻ thân nhiên và ngớ ngẩn như một người điên hay một người hoàn toàn ngốc ngếch. Cũng theo nhân chứng này thì tài sản của ông chỉ gồm có một pho tượng Phật nhỏ bằng gỗ giấu trong áo cà-sa, một vài trước tác của Trang tử và vài tờ thư pháp mà ông thảo bằng chữ Hán.

Sau một mùa đông quá khát khe, ông phải bỏ chiếc am Gogôan để sống trong một am khác tên là Otogo, tuy cũng trong vùng nhưng khí hậu dễ chịu hơn. Chiếc am mới nằm trong một khu rừng mênh mông dưới chân núi Kugami.

Một hôm, có một rễ tre ăn luôn vào góc am, nơi đặt lu nước tắm rửa và từ đất mọc lên một gốc tre. Ông lấy nền định đốt một lỗ trên mái cỏ để ngọn tre mọc ra ngoài, nhưng không may lửa bốc cháy cả chiếc am của ông.

Tuy sống ảm đạm nhưng càng ngày càng có nhiều người biết đến. Vị vương công cai quản vùng Nagaoka đến thăm và ngỏ ý mời ông về tu trong một ngôi chùa thuộc lãnh thổ của ông, nhưng Ryokan đã trả lời là “gió thổi lá rừng đến trước cửa am cũng đủ cho ông đốt để sưởi ấm trong mùa đông”.

Ryokan trải qua đúng 10 năm nơi am Otogo.

Ông rất mến khu rừng chung quanh và ngọn núi Kugami nhìn ra biển cả. Nhưng bạn bè càng lúc lại càng ái ngại cho ông vì mùa đông trở nên quá dài và quá khắt khe với ông.

Ông đành rời am để về sống trong một túp lều nhỏ bên bờ làng Shimazaki. Căn lều thuộc tài sản của một nông dân khá giả, rất ngưỡng mộ ông, tên là Kimura Motouemon, và cũng chính người nông dân này đã cung cấp các thứ cần thiết cho ông.

Ryokan cảm thấy gò bó trong căn lều chật hẹp bên bờ làng, nhưng ông không làm gì hơn được, vì đã 69 tuổi, sức lực không còn như xưa. Nhưng chính thời gian này đã đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong cuộc sống tình cảm của ông.

Trong thời gian sống trong làng, Ryokan bất ngờ gặp một người phụ nữ đưa ông vào một thế giới khác, một thế giới của đậm đà, của nhớ nhung và hy vọng. Ngày xưa, những đêm rằm, bóng trăng vàng vạc hiện ra trên khung cửa sổ của túp lều nơi rừng núi Kugami, để cùng trò chuyện với ông. Ông ước mơ được già đi và nằm xuống trong chiếc am vắng vẻ này.

Nhưng rồi vì già yếu, giấc mơ ấy có vẻ xa vời, ông phải rời chiếc am cỏ của núi rừng để về sống trong ngôi làng Shimazaki chật hẹp. Rồi bỗng một hôm, một bóng dáng dịu dàng bất chợt hiện ra trước khung cửa: một bóng dáng không yên lặng như ánh trăng, nhưng lung linh và ma quái. Họ gặp nhau vào mùa thu 1827.

Người phụ nữ 29 tuổi. Bà là một ni sư tên là Teishin, có nghĩa là “tấm lòng thủy chung”. Các nhân chứng đương thời cho biết bà đẹp lắm. Bà là một phụ nữ đã ly dị chồng và đi tu. Lần đầu bà được nghe kể chuyện về Ryokan là nhờ vợ một người cháu gọi ông bằng bác tên là Umanosuke.

Thật khó nói là họ yêu nhau, nhưng cũng không thể nói là họ không yêu nhau. Bà là người học rộng và cũng là một thi sĩ như Ryokan. Mặc dù ít khi gặp nhau, nhưng một thứ tình cảm đậm đà, nhớ nhung đã buộc chặt hai người, dệt thành những bài thơ bất hủ.

Họ nghĩ đến nhau, Teishin lui tới thăm Ryokan, đem cho ông những giây phút âm cúng và những cử chỉ dịu dàng, cho đến ngày ông nhắm mắt. Khi Ryokan qua đời chính Teishin là người góp nhặt những tác phẩm của ông để lưu lại đời sau.

Họ rất ít nói với nhau, hoặc không bao giờ nói với nhau, cả hai là những người ngoại cuộc, có lẽ chỉ có thi ca thay họ để yêu nhau. Những bài thơ mà họ trao đổi với nhau đã làm say mê bao nhiêu thế hệ. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, Teishin tự hỏi niềm vui sướng được biết Ryokan có phải đã thoát ra từ

một giấc mơ hay chẳng, và Ryokan đã trả lời Teishin rằng khi nói đến những giấc mơ cũng đã là một giấc mơ rồi, khi mà tất cả chúng ta đang ngủ mê trong một thế giới của ảo mộng... và Ryokan đã khuyên Teishin như sau: “Này Teishin, hãy buông thả tất cả để chìm vào những chuyển động của từng giây phút trong hiện tại”.

Họ làm những bài thơ đề gởi cho nhau, và mỗi lần vắng bóng Teishin lâu ngày, Ryokan lại viết thư mong Teishin đến thăm.

Thật ra bà vẫn ước muốn được ngao du đây đó với Ryokan, nhưng chính Ryokan là người e ngại miệng đời đồn đại thị phi, “thiên hạ thấy sẽ nghi ngờ”. Teishin đáp lại rằng: “Những con điều hâu đi với nhau..., tại sao những con quạ lại không thể đi với những con quạ?”. Câu này có ý nói những nhà tu hành mặc áo cà-sa đen tại sao lại không thể cùng đi với nhau.

Năm 1828, Ryokan gặp lại người em trai là Yushi, người này cũng đã xuất gia. Cả hai thật hể hả, uống sa-kê và nô đùa như hai đứa trẻ, trông thật “ngô nghê”. Cả hai sáng tác và tặng cho nhau nhiều bài thơ.

Nhưng rồi Ryokan càng già đi. Ông đi đứng khó khăn và vào giữa năm 1830 thì lâm bệnh nặng. Có lẽ ông bị ung thư đại tràng, đi tiêu chảy và ói mửa luôn. Một người bạn y sĩ chữa chạy cho ông, tuy có bớt đau đớn nhưng bệnh tình ngày càng trở nên trầm trọng. Ông đóng cửa giam mình trong túp lều để tìm lại cảnh sống ẩn dật và không tiếp ai cả. Trong những bài thơ cuối cùng do em ông tìm được, ông có viết như sau: “Rất dễ khi nói đến một cái bụng trống không, nhưng chịu đựng nó là một việc thật khó...”. Trong những ngày sau cùng ông không ăn gì cả, cũng không uống thuốc, và càng yếu thêm.

*“Không phải bỗng dưng tôi bỏ ăn  
Nhưng vì tôi muốn tinh khiết hoá cả tâm thức lẫn thân xác  
để chờ đợi phút ra đi”*

Teishin đến thăm ông vào tháng hai năm 1831. Ryokan chờ bà từ lâu. Teishin đã ở lại và chăm sóc cho Ryokan, không quản ngại ngày đêm, cho đến khi ông trút hơi thở cuối cùng. Ryokan mất ngày mùng 6 Tết (18 tháng 2, năm 1831) lúc bốn giờ chiều, ông gồi đầu và nhắm mắt trên cánh tay của Teishin, bên cạnh có em ông là Yushi và người nông dân hàng xóm là Kimura, người đã cấp cho ông túp lều. Ông yên lặng nhắm mắt không tỏ ra đau đớn một chút nào.

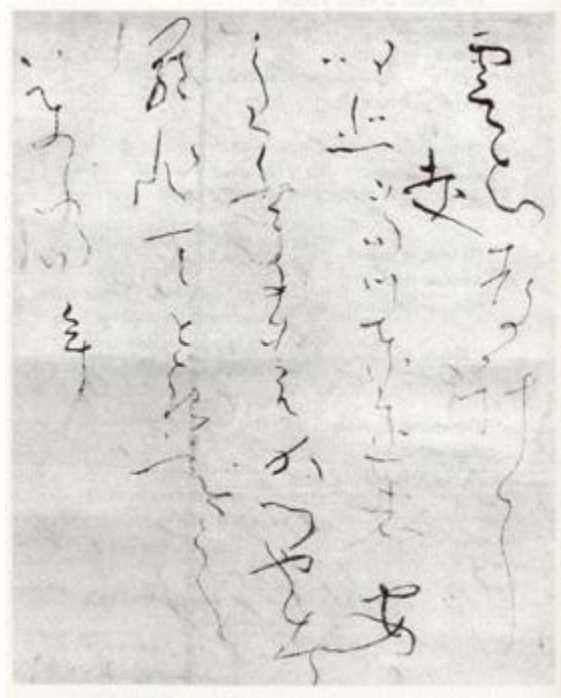
Thật vậy, buổi chiều hôm ấy Ryokan còn nắm tay Teishin và nói với bà bằng một câu thơ haiku cuối cùng:

"Có khi lật ngửa  
Có khi nằm sấp,  
Những chiếc lá phong tung bay trong  
con gió mùa thu"

Ý ông muốn nói sống chết chẳng qua như chiếc lá lật ngửa hay nằm xấp thế thôi. Teishin cũng mượn một câu thơ haiku để đáp lại:

“Chúng đến gần,  
Rồi lại lặn xa  
Những ngọn sóng ngoài khơi”

Lễ hoả táng cử hành ngày mùng 8 tháng giêng (tức 20 tháng 2, năm 1831). Những người tham dự cho biết khi mở quan tài ra, họ đều ngạc nhiên vì thân xác của ông tươi tốt, thanh thản như một người “đang ngủ”, không có vẻ gì là một người đã chết.



*Tuy ốm đau và phân khí lực đã kém hẳn đi,  
nhưng trong từng nét bút sự rắn rỏi vẫn còn nguyên.*

Không! Ryokan đã chết rồi, như một chiếc lá phong lật sấp, như một ngọn sóng lặn xa... Nhưng thật ra, những vần thơ của gã “thiền sư Đại Ngu của mùa thu năm ngoái”, vẫn còn đó, vẫn đỏ thắm như những chiếc lá phong đang tung bay trong gió, như những làn sóng dồn dập đến gần và tràn vào tim ta hôm nay.

Có một vị sư già quần một manh áo cà-sa đen đã bạc màu, hai tay ôm bình bát đi ngang cổng chùa Hachiman, bọn trẻ con bắt gặp và kháu với nhau rằng:

“*Gã sư khùng  
của mùa thu năm ngoái  
năm nay lại trở về*”.



*Ngôi mộ chôn cất năm tro hỏa táng của Ryokan*

---o0o---

## **PHẦN II. THƠ TUYỂN CHỌN**

### ***1. Những vần thơ cô quạnh***

Khu rừng Gogôan hoang vắng,  
Chiếc am cỏ như treo giữa không trung.  
Phía sau là rừng tùng bát ngát.  
Vài bài thơ cài trên vách,  
Chiếc nồi đất bảm đầy bụi bặm,  
Đặt trên chiếc bếp lạnh tanh.  
Thình thoáng mới thấy lão già nơi ngôi làng phía đông,  
Đến gõ cửa dưới ánh trăng.

Túp lều nơi tận cùng trong khu rừng vắng.  
Mỗi năm những giây hoa đậu tím mọc càng nhiều.

Xa lìa cõi thế tục,  
Thỉnh thoảng mới nghe thấy tiếng hát của một gã tiểu phu.  
Giữ chiếc áo cà-sa trong nắng sớm,  
Đọc một vần thơ dưới ánh trăng,  
Tôi muốn nhắn với kẻ thế tục rằng,  
Muru cầu hạnh phúc cũng đâu cần gì nhiều.

Một túp lều đồ nát và chật hẹp,  
Suốt ngày chẳng thấy một bóng người.  
Yên lặng một mình bên cửa sổ,  
Chỉ nghe thấy tiếng lá rơi trên mặt đất mà thôi.

Sau một ngày khất thực, trở về am,  
Khép lại tám phen cửa kết bằng cành ngải hương.  
Đốt bếp với vài cành khô còn lá,  
Yên lặng đọc vài vần thơ của Hàn San.  
Gió Tây lại thổi về, mưa đêm lã trên mái cỏ.  
Thỉnh thoảng lại duỗi chân,  
Có gì đâu để bận tâm,  
Chẳng có một hoài nghi nào trong tâm thức.

Suốt đời lười biếng nên chẳng giữ được một giới luật nào,  
Hân hoan, và chỉ biết hân hoan, buông trôi theo bản thể.  
Trong tay nải có ba lượng gạo,  
Cạnh bếp một bó củi khô.  
Tại sao phải thắc mắc về giác ngộ và ảo giác để làm gì?  
Chẳng hề quan tâm đến những ai chỉ biết có danh vọng  
lẫn bạc tiền.  
Mưa đêm lã lã rơi trên mái am lợp cỏ,  
Nhẹ nhàng tôi duỗi thẳng hai chân.

Một nghìn ngọn núi cao, im lìm trong giá rét,  
Một vọn con đường mòn, không một bóng người đi.  
Mỗi ngày quay vào vách để ngồi thiền,  
Thỉnh thoảng lại nghe thấy tiếng tuyết rơi,  
Gõ nhẹ vào tám phen cửa khép.

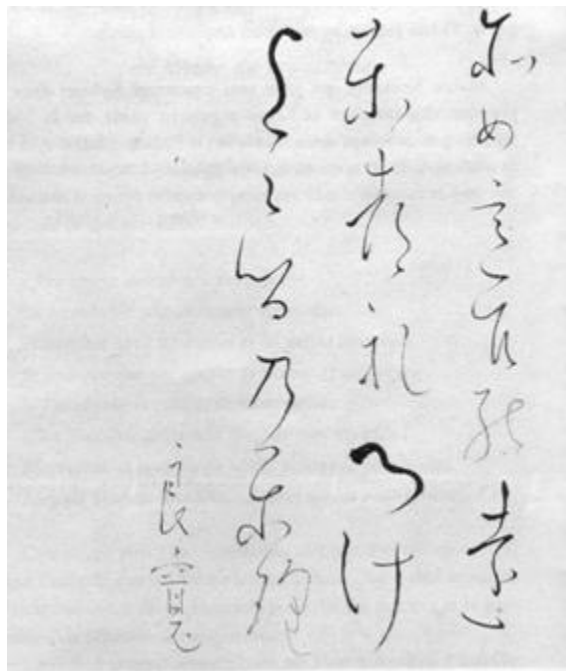
Đêm lạnh và gian phòng vắng vẻ,  
Những nén hương cháy dở, thời gian trôi.  
Ngoài kia rừng tre,  
Trên giường vài quyển sách.  
Mặt trăng ló dạng bên khung cửa trắng xoá.  
Tiếng côn trùng rả rích, cả bốn bề lặng im.

Hân hoan tràn ngập trong tôi,  
Nhưng không sao mô tả được bằng lời.

Từ khi tôi đến đây,  
Không biết đã được bao năm rồi.  
Khi mệt, tôi duỗi hai chân để ngủ,  
Lúc khoẻ, lại xỏ đôi dép rom đê ra ngoài.

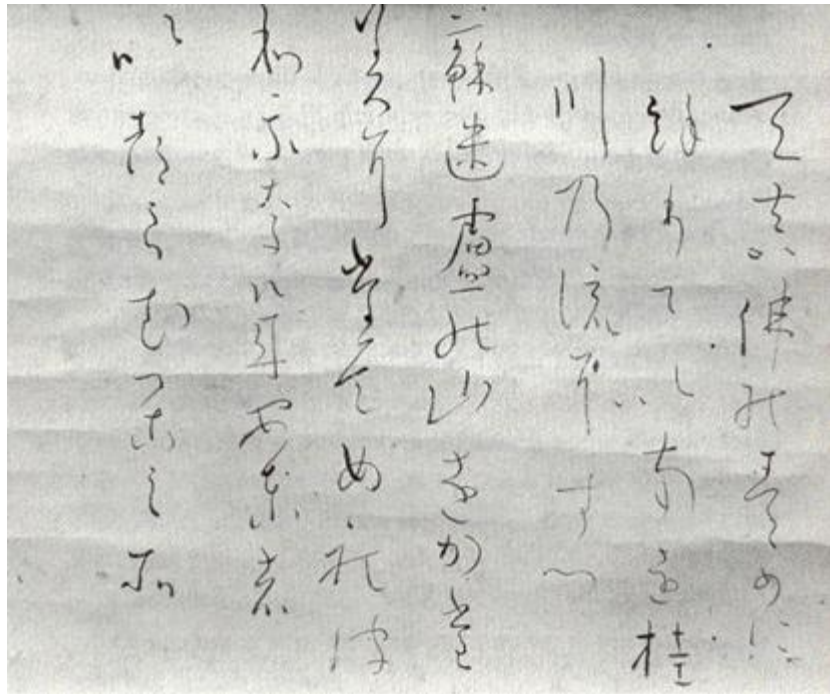
Ngợi khen của thế tục,  
Chẳng làm tôi xao xuyến.  
Ngợi khen thì có khác gì với nhạo báng?  
Thân xác này do cha mẹ sinh ra,  
Thì nó cứ theo cái nghiệp của nó mà đi,  
Được như thế cũng đã là hạnh phúc lắm rồi.

Cánh cửa sổ mở ra trong đêm tối an bình.  
Ngôi yên để thiền định, manh cà-sa quấn lên người.  
Hai lỗ mũi thẳng hàng với rốn,  
Hai vai thẳng,  
Mặt trăng ló dạng và khung cửa sổ trắng xoá.  
Mưa đã dứt, nhưng vẫn còn rơi vài hạt.  
Trong cái khoảnh khắc đó, một xúc cảm tuyệt vời lan  
rộng trong tôi,  
Và chỉ riêng tôi mới ý thức được xúc cảm ấy mà thôi.



*“Này cánh nhạn của đêm đen! Trên đỉnh Tu-di,  
nơi cha ta đang sống trong cõi nghìn thu,  
hãy gửi về cho ta tin tức nhé”  
do nhà sư Ryokan viết*

Có thể đây là bài thơ mà Ryokan đã viết khi hay tin cha qua đời. Theo vũ trụ quan Phật giáo, núi Tu-di là trung tâm của thế giới trong số hàng muôn nghìn thế giới trong vũ trụ này. Nét bút cho thấy rất nhiều xúc động.



*“Được tiếp dẫn bởi Thiên Chân Phật,  
một thân xác mang tên Inan  
đã gieo mình xuống dòng sông Katsura”*

Inan là bút hiệu của cha Ryokan. Chính thức thì ông đã gieo mình trong dòng sông Katsura, nhưng cái chết của ông vẫn còn nhiều nghi vấn. Ông không để lại một di bút nào để giải thích về cái chết của ông. Trong tờ thư pháp của Ryokan trên đây, các dòng chữ như đang bập bênh và trôi giạt trên mặt nước.

Ryokan đã khóc khi tìm thấy một di cảo với nét bút của cha:

Những nét bút của cha,  
Nhoè đi trong nước mắt.



Một thời quá khứ của cha,  
Hiện về trong trí nhớ.

Khi biết từ bỏ dục vọng,  
Tất cả sẽ an bài.

Khi dục vọng còn nguyên,  
Vạn thứ cũng chưa vữa.  
Một ít rau cũng đủ sống,  
Manh áo của người tu hành,  
Cũng đủ ấm để che thân.

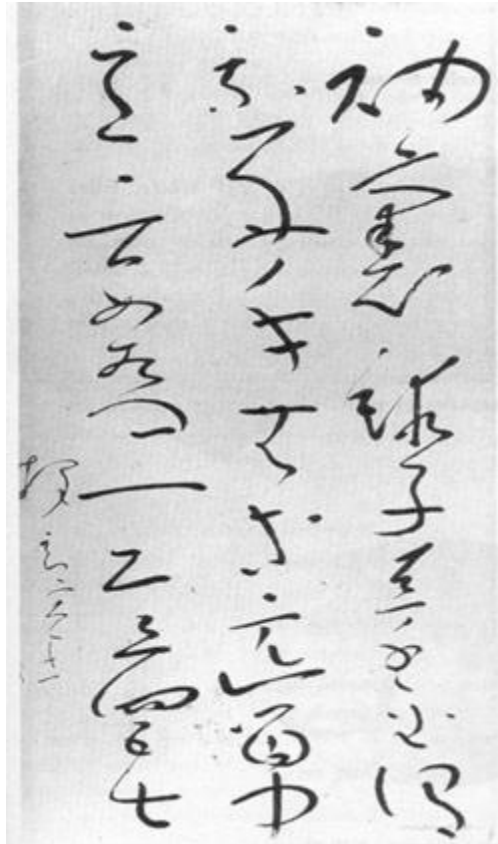
Lang thang một mình, tôi đi giữa đàn hươu,  
Vào làng, tôi hát với đám trẻ con.  
Rửa tai trong khe suối,  
Ngước nhìn lên đỉnh núi,  
Vẻ đẹp của nghìn thông.

Cô đơn, mùa xuân đã hết rồi,  
Lặng câm, im lìm phen cửa khép.  
Vài dây hoa đậu tím,  
Dăm ngọn tre che khuất cả bầu trời.  
Cỏ hoang giăng kín lối,  
Trên vách, tay nải và chiếc bình bát vẫn còn treo.  
Bình hương không một làn khói mỏng.  
Thanh thản và an bình, chẳng một lo toan thế tục.  
Con chim gáy kêu mãi suốt trong đêm.

Thuở nhỏ tôi bỏ việc bút nghiên,  
Xuất gia nơi thiền viện.  
Chiếc tay nải trên vai, hai tay ôm bình bát,  
Tôi lang thang, đã những mấy mùa xuân?  
Cổ hương quay trở lại, dưới chân ngọn núi này,  
Tôi sống an bình trong am cỏ.  
Chim hót là tiếng nhạc chồn rừng hoang.  
Ngắm mây, ngỡ lảng giềng quanh bốn phía.  
Cạnh bên bờ đá dốc, một con suối dưới khe,  
Bước xuống giặt áo, lại giặt khăn.  
Trên kia, rừng thông và rừng tùng,  
Đủ cảnh khô đốt bếp.  
An nhàn tôi tản bộ,  
Tận hưởng cái hiện tại của những giây phút này.

Một túp lều lợp cỏ,  
Giữa hàng nghìn đỉnh cao.  
Vải thô, manh cà-sa trên người.  
Mặc kệ cứ rêu mốc quanh môi,  
Quá lười để phủ bụi trên tóc.  
Chẳng thấy con chim nào,  
Cấp một cành hoa trên mỏ.  
Trên giá đầu cần tấm gương soi.  
Lòng thênh thang không vướng mắc,  
Xá gì đâu những lo toan thế tục.  
Cứ mặc ai bảo tôi là kẻ điên hay ngốc nghếch,  
Dưới chân núi Kugami, trong khu rừng Otogo,  
Tôi sống trong một túp lều lợp cỏ.  
Một cửa cổng màu đỏ, một lầu đài sơn vàng,  
Đời sống trong dinh thự, sẽ buồn chán biết bao.  
Sống hoà mình với gió, với ánh trăng vắng vặc,  
Gặp được đàn trẻ và cùng nhau ném bóng.  
Buông thả trong hân hoan, tôi viết lên những vần thơ này.  
Một hôm, hình như có một người nào đó bỗng hỏi rằng:  
“Gã thiền sư mê mãi đến hoá điên,  
Hôm nay hấn đâu rồi?”  
Đêm đông dài, một đêm đông thật dài,  
Một đêm dài bất tận của mùa đông,  
Khi nào trời sẽ sáng?  
Gác đầu lên gối, chỉ nghe thấy tiếng mưa rơi.  
Bỗng nhiên lại nghĩ đến những ngày tuổi thơ,  
Khi đang ngồi đây đọc sách,  
Trong gian phòng trống không.  
Đã mấy lần đứng lên để châm dầu,  
Nhưng chẳng bao giờ tôi nguyện rửa  
Những đêm dài đặng đặng của mùa đông.  
Già nua và mòn mỏi,  
Thường hay giật mình tỉnh giấc giữa cơn mơ.  
Thức dậy trong gian phòng trống rỗng,  
Trong am tối, một ngọn đèn,  
Tôi coi thêm ngọn lửa, đêm đông dài.  
Trên đường mòn đưa đến chân núi,  
Ngón ngang vô số những ngôi mộ cỏ.

Những cội thông và tùng đã xưa từ ngàn năm.  
Suốt ngày những cơn gió buồn thảm,  
Dần dần xóa hết tên tuổi trên mộ bia.  
Con cháu họ đã quên mất họ rồi.  
Tôi bật khóc trong yên lặng, không thốt được lời nào,  
Lẳng lặng chống gậy tôi bước đi.



*“Quả bóng trong tay áo của tôi  
Đáng giá hơn ngàn tiền vàng  
Trò chơi này à, khó có ai bì kịp!  
Nhưng nếu hỏi tôi ý nghĩa là gì  
Tôi sẽ trả lời: 1 2 3 4 5 6 7”  
do nhà sư Ryokan viết*

Các nét bút được phác thật nhanh và thật mạnh, có khi nhịp nhàng và đều, có khi lệch lạc và xiên xẹo giống như khi quả bóng được đánh tung lên cao và vạch ra những đường nét trong không trung.

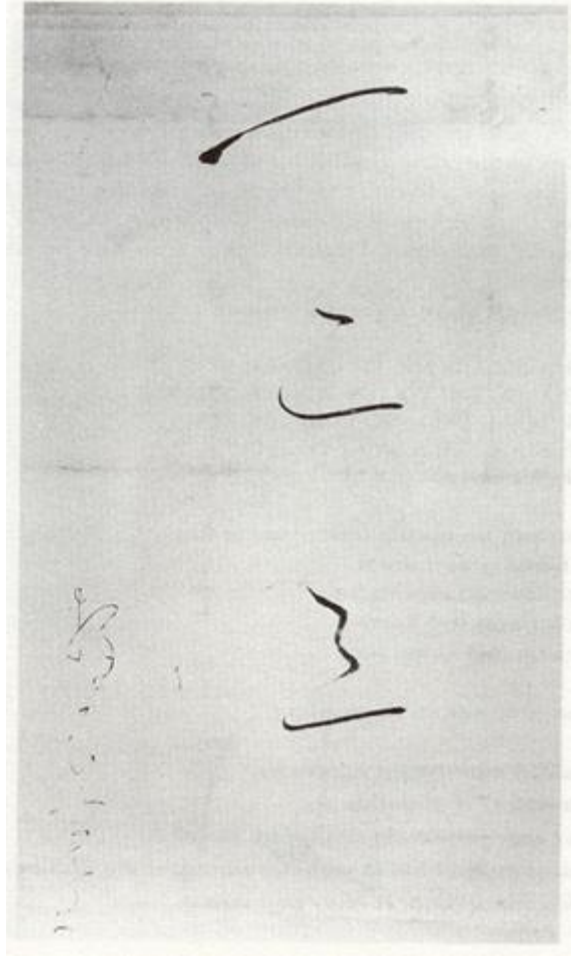
Đã bước sang tháng tám, trời vào thu giá rét.  
Trong khu vườn trồng trái, nhìn thấy cả những chiếc gai  
nhọn trên các quả hạt dẻ.  
Dưới bầu trời thênh thang, tiếng ve đã ngưng bật.  
Bản tính của tôi là mặc kệ những gì của thế tục,  
Dù đang đứng hay đang ngồi, tâm thức tôi không bờ bến.  
Tám bộ kinh Liên hoa đặt ở đầu giường,  
Quyển thì mở quyển thì khép.

Một ngọn đèn dầu trên tay,  
Giữa đêm trên núi, tuyết rơi đầy.  
Trong yên lặng của đêm dài, hoa tuyết ngập trời bay.  
Cái đúng và cái sai có gì đâu hệ trọng?

Vừa sương mù lại mưa phùn, thế là mùa xuân đã hết rồi.  
Một nghìn ngọn núi một vạn thung lũng mờ khuất trong  
sương mù.  
Con chim gáy kêu vang lúc ban chiều,  
Nửa đêm đã đến gần, kìa nó đang kêu trong bụi tre cạnh nhà.

Thật xa trong núi thẳm, những con chim nằm nghỉ.  
Thầm lặng, những chiếc lá rơi trong vườn.  
Cô đơn trong gió thu,  
Quần một manh áo cà-sa đen,  
Đứng yên, một bóng người.

Trong bếp khói tro tàn,  
Ngọn đèn dầu đã tắt.  
Cô đơn, đã quá nửa đêm rồi,  
Chỉ nghe thấy tiếng thác đổ từ xa.



*“Một – Hai – Ba”*  
*“Nhất Nhị Tam” (tiếng Hán),*  
*“Ichi Ni San” (Tiếng Nhật)*

Ba con số 1 – 2 – 3 là những gì nhân lên, làm phát sinh ra mọi vật thể và biến cố trong thế giới hiện tượng. Trên tờ giấy với khuôn khổ và kích thước nhất định, nhưng Ryokan đã phóng bút viết ba chữ nhất, nhị, tam một cách thật tuyệt vời, tạo ra cảm giác của một không gian rộng lớn. Nếu nhìn lâu vào tờ thư pháp ta sẽ nhận ra một không gian mênh mông và trống không, trong cái không gian trống không ấy hiện lên những chuyển động hết sức linh hoạt, tượng trưng bằng những chấm phá lơ lửng trong không trung. Xin chú ý thêm là dòng chữ ký tên (viết bởi nhà sư Ryokan) với nét bút thật nhỏ không lôi kéo sự chú ý của người nhìn và cũng không phá “hông” cái không gian bát ngát của tờ giấy.

Ngày đã hết, tất cả đều im lìm,  
Khép tấm phen cửa bằng cảnh khô,

Tiếng dế cũng từ từ im bật.  
Cây cỏ tối sẫm,  
Đêm dài, mấy lần thức giấc để thấp hương.  
Hơi lạnh thấm vào da, tôi khoác thêm manh áo,  
Ngồi xuống để thiên định,  
Thời gian trôi đi trong hạnh phúc.

Một buổi tối an bình, ra phía sau am cỏ,  
Ngồi dạo một khúc hát với cây đàn không dây.  
Tiếng nhạc tan trong mây, quyện theo làn gió thổi,  
Rời hoá thành dòng suối,  
Lan xa và ngập tràn thung lũng,  
Thấm vào rừng sâu, xuyên qua cả núi đồi.  
Chỉ có kẻ nào ngăn được tiếng động bên ngoài,  
Mới có thể nghe thấy tiếng nhạc huyền diệu ấy mà thôi.

Từ khi tôi bước vào con đường của Thiên,  
Một nghìn ngọn núi cao khép lại ngưỡng cửa chốn ản cư.  
Cổ thụ, leo đầy những dây hoa đậu tím, che khuất chốn  
thâm u.  
Rêu mọc dày, con suối sâu nước buốt,  
Chiếc gậy đã mục vì mưa đêm,  
Manh áo cà-sa bạc màu vì sương sớm.  
Không một ai nhắn hỏi đến tên tôi,  
Trôi đi những năm tháng dài.

Dưới chân núi Kugami, trong chiếc am của một người  
tu hành,  
Hắn ngồi uống trà và ăn thật ít.  
Năm tháng trôi đi, hắn chưa gặp được một người nào có  
tâm hồn cởi mở,  
Chỉ thấy những kẻ đi nhặt hạt dẻ trong khu rừng trống  
không.

Già yếu và lợm khọm  
Hay thức giấc giữa đêm khuya  
Một ngọn đèn lung linh, mưa đêm trên mái cỏ  
Nấn lại chiếc gối, lắng lắng nghe tiếng mưa rơi  
trên những tàu lá chuối  
Biết chia sẻ với ai xúc cảm của những giây phút này?  
Một mảnh cà-sa một bình bát là tất cả những gì tôi có  
trong thế gian này

Gương dầy để đốt một nén hương và ngồi xuống thiền định  
Suốt đêm, mưa nhẹ rơi trong bóng đen bên ngoài cửa sổ  
Những năm tháng dài lang thang và cực khổ cũng đã qua rồi.

---o0o---

## 2. Những vần thơ lang thang

Láng giềng toàn là núi cao và sông suối,  
Mây che cả bóng tôi đang bước đi trên đường vắng.  
Bên gành đá, một con chim xuýt chạm cả vào vai.  
Chân mang dép rơm, tôi xuyên ngang một ngôi làng heo hút, trong một vùng  
tuyết phủ.

Mùa xuân, lại chống gậy lang thang trong cánh đồng ngập nắng.  
Trong sáng thay, nếu năm được bản thể đích thực của chính mình.  
Hoa chỉ là những hạt bụi bám trong thế gian này.  
Tôi thường trèo lên ngôi chùa “Vô lượng từ bi”,  
Để ngắm mây và sương mù.

Những gốc thông và gốc tùng cổ thụ xưa cả nghìn năm,  
Một ngọn gió tinh khiết thổi xuyên ngang muôn ngàn thế hệ.  
Bốn mùa và chim muông sống hài hoà,  
Róc rách tiếng suối lạnh không ngưng.  
Tôi muốn nhắn với những ai có thể trút bỏ được gánh nặng,  
Để cùng tôi lang thang trên đỉnh biếc ngọn núi này.

Từ ngày rời bỏ gia đình ra đi,  
Tôi để lại vết chân trong mây và trong sương mù.  
Thỉnh thoảng giao du với những người chài lưới và những kẻ tiều phu.

Từ lâu tôi quen nô đùa với trẻ con,  
Làm thế nào có thể sống với những vị đế vương?  
Tôi cũng chẳng muốn được làm một vị Trời hay một Thánh nhân,  
Vì tôi đang trú ngụ trong hiện hữu của tôi.

Tại sao tôi muốn phải được đứng trên đỉnh núi Song?  
Tôi buông thả với những chuyển động của từng ngày,  
Và chấm dứt đời tôi trong những niềm vui an bình.  
Bất cần đến giàu sang và danh vọng,  
Tôi cũng chẳng muốn trở thành bất tử để làm gì.  
Cảnh cơ hàn của một người tu hành cũng giúp tôi đủ sống.  
Chẳng có nghĩa gì cả một danh xưng, nào có lợi ích gì?  
Ôm bình bát và đeo lên người một chiếc túi vải thô,  
Thỉnh thoảng tôi đi ngang cổng chùa,  
Gặp được một đàn trẻ con.

Làm thế nào để ý thức được sự hiện hữu của tôi?  
Chỉ biết sống như thế này đây, trong thanh thản của tâm hồn.

Từ ngày rời ngôi chùa “Bạch liên”,  
Cuộc sống của tôi trải qua trong thanh thản và vô tư.  
Tôi mang theo bên người chiếc gậy bằng gỗ hoa đậu tím.  
Chiếc áo cà-sa đã rách nhưng chẳng hề gì.  
Đêm khuya trong túp lều cỏ, tôi ngồi bên cửa sổ để nghe tiếng mưa rơi.  
Mùa xuân, lại chơi ném bóng trên đường cái,  
Nếu kẻ qua đường đứng hỏi, tôi sẽ trả lời rằng:  
“Tôi là một người không bận rộn, sống trong an bình”.  
Một gã sư già bên góc trời phía Tây,  
Đang xoa vết chân mình trên đỉnh núi Kugami.  
Hắn không đếm những năm tháng dài,  
Chẳng biết đã mặc mòn bao nhiêu chiếc áo cà-sa?  
Những manh áo ấy đã biến thành khói mỏng và sương mù.  
Chỉ còn lại độc nhất một chiếc gậy bằng gỗ hoa đậu tím.  
Hắn tản bộ bên bờ nước trong thung lũng để ngâm thơ,  
Ngồi xuống để thiên đình, ngắm mây trắng bao quanh trên đỉnh núi.  
Thương thay cho những ai đang chạy theo danh vọng và bạc tiền trong thế  
giới nổi trôi.  
Suốt đời họ lang thang trong gió cuốn, bụi mù bay.

Rách bươm, chỉ toàn là áo rách,  
Tả tôi là số phận của tôi.  
Cái ăn, tôi khát thực ở vệ đường.  
Phó mặc cả túp lều, mọc hoang hoa cúc dại.  
Đêm khuya tôi nhìn trăng để hát.  
Ngắm hoa quên mất cả đường về.  
Từ ngày rời khỏi chùa,  
Dù không muốn như thế,  
Nhưng tôi vẫn trở thành một lão già ngô nghê.

Từ khi rời tổ ấm, ngày tháng trôi theo những chuyển động của cuộc đời.  
Hôm qua vẫn còn trong vùng núi biếc,  
Hôm nay đang tản bộ chốn phồn hoa.  
Chiếc áo cà-sa đã sờn vai,  
Bình bát, vẫn nguyên một chiếc từ những năm tháng dài.  
Chống gậy, tôi đứng hát giữa đêm sâu rạng rỡ.  
Ngồi im trên manh chiếu dưới trăng.  
Người ta có thể cho đây là một kiếp sống vô ích,  
Nhưng nó lại thích hợp với tôi.



Mảnh cà-sa quá ngắn, chiếc áo tôi lại dài,  
Tôi bước đi trong thanh thảo của vô tư.  
Bọn trẻ con gặp tôi trên đường cái,  
Chúng vừa vỗ tay vừa hát và rủ tôi cùng nhau chơi ném bóng.

Tháng tám gió thu về,  
Đàn nhạn bay xuống phương Nam.  
Tôi rời chiếc am trong núi,  
Quần lên người mảnh cà-sa, hai tay ôm bình bát,  
Chợt ngửi thấy mùi thơm hoa cúc dại,  
Núi và sông bỗng hoá đẹp lạ lùng.  
Xúc cảm trong lòng cũng biến đổi theo,  
Làm thế nào có thể tập trung để thiền định,  
Cho đến lúc tuổi già?

Tôi vẫn tiếp tục lang thang với manh áo cà-sa trên người và chiếc bình bát trên tay.  
Mặc dù thân xác đang ồm đau, nhưng vẫn đứng lên để thắp một nén hương.  
Đêm xuống nhìn mưa yên lặng rơi bên cửa sổ tối đen,  
Bỗng nhiên hiện ra trước mắt mười năm dài của kiếp sống tha phương.

Chiều xuống, vừa đến được ngôi chùa của các vị tu hành,  
Tôi rửa mặt, súc miệng rồi quỳ lạy một đoá sen màu biếc.  
Một ngọn đèn dầu leo lét trong một gian phòng tối đen,  
Tất cả đều yên lặng.  
Bốn giờ sáng, chuông nổi lên vang rền,  
Tiếng ngân làm giao động cả lá cành trong bụi rậm và mặt nước trong dòng suối.

Mặt trời ló dạng ở phương Đông,  
Bầu trời trống rỗng và yên lặng sau cơn mưa.  
Đúng là cái lạnh khi bước vào tháng thứ hai và thứ ba của mùa thu.  
Một cơn gió căm căm mài mòn cả núi đồi và sông suối,  
Chỉ có sương mù toả rộng trong thung lũng tối om.

Ngày đã lên trên đỉnh núi,  
Ngôi chùa hiện ra trong bầu trời trống rỗng.  
Toàn cảnh ngôi chùa vàng như lơ lửng trên đỉnh các ngọn cây.  
Nước đổ như thác bên triền núi.  
Từ xa, những gợn sóng như chạm với bầu trời biếc...  
Ngày xưa, bước theo con đường Phật pháp, tôi lê gót trên khắp địa cầu,  
Hôm nay, không biết làm thế nào để mô tả hết cái vẻ đẹp của thế gian này.

Kẻ tu hành chân chính đâu có thể lười biếng được  
Đeo bầu nước lên vai và già biệt thầy tôi  
Hãng say và quả quyết tôi rời bỏ quê nhà  
Ban ngày, trèo lên những đỉnh núi cô đơn  
Hoàng hôn, lội ngang những đại dương nước đục  
Thề nguyện khi nào chưa đạt được mục đích  
Thì tôi sẽ còn bước tới cho đến cuối cuộc đời.

Bướng bỉnh và đần độn, tôi chọn kiếp sống cô đơn,  
Làm bạn với cây rừng và cỏ dại.  
Quá lười để phân biệt thế nào đúng, thế nào sai.  
Tôi bật cười chẳng quan tâm gì cả  
Kéo vạt áo đưa đôi chân khăng khiu, lội ngang con suối nhỏ,  
Tay nải đeo lên vai, tiết xuân về tươi mát.  
Sống như thế tôi đâu cầu mong gì hơn nữa,  
Ngoài sự bình an cho tất cả thế gian này.

---o0o---

### ***3. Những vần thơ hội ngộ***

Túp lều của tôi cheo leo trên đỉnh một ngọn núi cô đơn,  
Thân xác tôi lang thang giữa mây trời.  
Trong ngôi làng buổi tối, gió, trăng.  
Thật bình thản, nhưng rồi đây tôi sẽ dùng chiếc gậy này để gõ vào cửa nhà anh đấy.

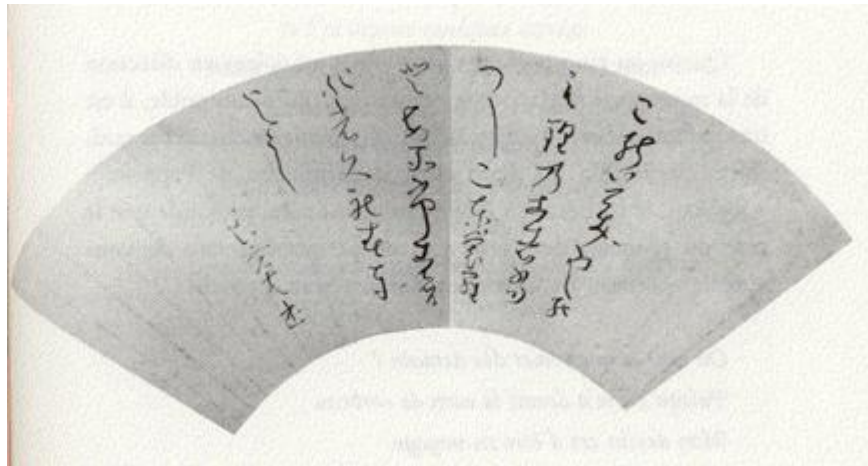
Lòng tôi chẳng một tham vọng nào của mưu toan thế tục.  
Cạnh giường, mùi hương trà bốc cao,  
Chậm chạp đêm thu đang cạn dần.  
Vẫn còn cháy, ngọn nến đặt bên thềm cửa sổ mở vào phương Nam.

Tháng thứ nhất khi vào hạ là mùa gieo trồng,  
Tôi chống gậy lang thang.  
Một người nông dân già bắt gặp và lôi tôi đi đánh chén.  
Lau sậy và cỏ khô làm ghé,  
Lấy lá cây đồng làm đĩa.  
Giữa cánh đồng, sau khi uống và đã uống không biết bao nhiêu chén,  
Hả hê tôi nằm ngủ, gối đầu lên vệ đường.

Thu tàn, bầu trời tháng chín xanh biếc,  
Một mình hai tay ôm bình bát,  
Tuy không báo trước, nhưng tôi sẽ đến gõ cửa nhà anh đấy.  
Tôi à, tôi là một người tu hành đã trút bỏ mọi thèm khát thế tục.  
Còn anh, một người lười biếng, sống trong một thời đại an bình,

Suốt ngày chẳng biết làm gì,  
Chỉ uống rượu sa-kê rồi nhìn núi non mà cười.

Đầu tháng hai xuân lại về,  
Màu sắc của thiên nhiên đều đổi mới.  
Đi xuống phố, chiếc bình bát trên tay,  
Một đứa trẻ trông thấy,  
Chúng gọi nhau đến hàng đàn và vui vẻ đứng nhìn tôi,  
Lại rủ tôi cùng nhau đến công chùa,  
Chúng chậm rãi bước theo tôi.  
Đặt bình bát lên một tảng đá trắng,  
Tay nải treo lên một cành cây xanh.  
Nào, chúng ta vật nhau trên cỏ.  
Này, chúng ta chơi ném bóng.  
Tôi chơi thì chúng hát,  
Tôi hát, chúng lại chơi.  
Cứ thế và cứ thế,  
Tôi quên cả thời gian đang trôi,  
Một người đi đường quay cổ lại và cười:  
“Tại sao lại chơi đùa như thế?”  
Tôi cúi đầu nhưng không trả lời gì cả,  
Thực ra nếu tôi có đủ sức giải thích đi nữa, thì tại sao phải giải thích?  
Nếu ai muốn hiểu chốn tận cùng của tâm hồn tôi:  
thì nó chỉ là như thế, không có lý do gì cả.



*“Bên cạnh chùa  
Trong khu rừng mùa xuân  
Tôi chơi ném bóng với đàn trẻ con*

*Và ước mong rằng  
Ngày hôm nay  
Chẳng bao giờ sụp tối”  
Thủ bút của Ryokan*



*Quả bóng ném khâu bằng vải của Ryokan vẫn còn giữ được đến nay*

---o0o---

#### ***4. Những vần thơ khát thực***

Vào độ con trăng đầu tháng tám,  
Tôi vào làng khát thực.  
Từ hừng đông hàng nghìn nhà đã mở cửa,  
Hàng vạn gia đình, khói bếp bốc lên cao.  
Mưa đêm rửa sạch cả phố phường,  
Gió thu thổi luồn ngang các khoen đồng trên chiếc gậy.  
Tôi thăm hỏi cả đàn ông lẫn đàn bà,  
Của bố thí họ cho, đáp lại tôi hiến dâng Phật pháp,  
Cùng nhau khép lại một vòng tròn.  
Khát thực hết nhà này sang nhà khác,  
Ấy là Phật pháp trải rộng đến vô biên.

Sau khi xin được thức ăn  
Tôi đi về phía ngôi chùa Hachiman  
Bọn trẻ con bắt gặp và kêu với nhau rằng  
“Gã sư khùng của mùa thu năm ngoái, năm nay lại trở về”.

Ngay cả những lúc  
Tôi còn đói  
Nhưng mặt nước cháo trong đáy bình bát  
Vẫn hiện lên hình bóng của tôi.

Dù nâng bằng hai tay, nhưng hôm nay trở về,  
Lại thêm một lần, chiếc bình bát trống không.  
Trong Thiên đâu có gì là lạ,

Một chiếc bình bát, một mảnh cà-sa,  
Tôi ngao du trên con đường tuyết vời, tận phương trời phía Tây.

Hôm nay đi khát thực bị một cơn mưa rào,  
Đứng trú mưa một lúc trong ngôi đền Thần đạo cổ xưa.  
Kiếp sống của một nhà sư phiêu bạt bỗng làm cho tôi bật cười.  
Cô đơn và tinh khiết, cái kiếp sống ấy cũng giống như chiếc gậy hư nát của  
tôi đây.

Vừa khát thực trong làng xong,  
Quay về trong sương sớm, chiếc tay nải trên vai.  
Nhưng có ai muốn biết tôi quay về đâu không?  
Chỗ tôi ở, bên cạnh những đám mây trắng phía đằng kia.

Hôm qua tôi xuống phố,  
Khát thực cả hướng Tây và cả hướng Đông,  
Tay nải quá nặng trên đôi vai già yếu.  
Băng giá đóng đầy, mảnh cà-sa mong manh.  
Những người bạn ngày xưa nay đâu rồi?  
Bạn bè mới chẳng có ai.  
Tôi đi ngang khu ăn chơi ngày trước,  
Một cơn gió buồn thiu thổi ngang những cành thông và cành tùng.

Bên vệ đường,  
Tôi bỏ quên thẳng con bình bát của tôi,  
Dù có bỏ quên nó,  
Cũng chẳng ai thèm nhặt.  
Nào có ai thèm nhặt một chiếc bình bát bao giờ,  
Tủi thân cho con tôi quá!

Buồn đau, trong chiếc am chật hẹp,  
Co ro và mòn mỏi tấm thân già.  
Trong sâu thẳm của mùa đông,  
Lại còn khó giải thích hơn nữa những ray rút trong tôi?  
Húp một bát cháo để đuổi cái lạnh của đêm dài.

Chờ mãi mấy hôm rồi, mùa xuân sao chậm đến,  
Nếu không khát thực được lượng gạo nào,  
Lấy gì chống lại giá rét những ngày đông?  
Chẳng có gì làm, nghĩ vẩn vơ những chuyện ấy trong yên lặng,  
Rồi viết lên những vần thơ này,  
Để gửi đến một người bạn những ngày xưa.

Sáng sớm đi khát thực  
Qua cánh đồng mùa xuân  
Mải mê hái hoa tím  
Hoàng hôn xuống không hay.

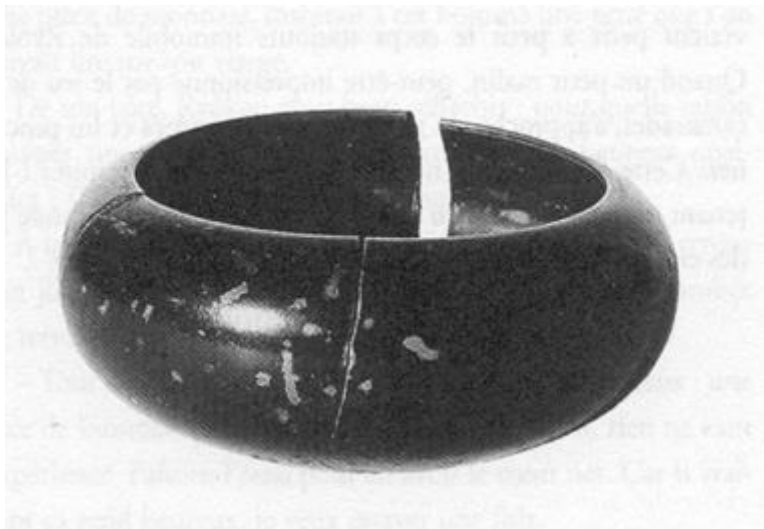
Sự dằn dộng và bướng bỉnh này đến bao giờ mới dứt  
Nghèo đói và cô đơn là cuộc sống của tôi  
Chiều xuống trên đường phố của một thị trấn điêu tàn  
Lại thêm một lần quay về với chiếc bình bát trống không.

Chiếc bình bát đựng cơm của nghìn nhà  
Mảnh cà-sa khoác lên thân xác nhẹ tênh  
Ăn no, có gì đâu để lo toan  
Tôi già đi trong an bình mệnh mông, bay bổng trong êm đềm và thanh thoát.

Đi xuống phố để khát thực,  
Trên đường bắt gặp một cụ già thông thái,  
Cụ hỏi tôi: “Này, Thầy làm gì đấy  
Trên những đỉnh non, mây trắng phủ?”  
Tôi hỏi cụ: “Còn cụ, cụ làm gì đấy,  
Hay chỉ để già đi trong những đám bụi hồng?”  
Chúng tôi định giải đáp cho nhau, nhưng chưa kịp cất lời,  
Bỗng tiếng chuông canh năm vụt lôi tôi ra khỏi cơn mê này.

Trời cao, lạnh buốt tiếng nhạn kêu  
Trên ngọn đồi trơ trụi, những cánh lá tung bay  
Hoàng hôn xuống, xuyên ngang một ngôi làng mờ sương  
Trên đường về, hai tay ôm chiếc bình bát trống không.

Đã bao năm mới quay lại chốn này?  
Biết bao nhiêu đổi thay?  
Những người gặp trên đường, tôi không quen biết họ  
Họ cũng chưa hề biết tôi  
Đổi với họ, tôi cũng chỉ là một kẻ ăn mày khác mà họ bắt gặp ở ngã tư đường



*Chiếc bình bát bằng gỗ sơn đen của Ryokan  
(ngày nay đã nứt rạn)*

---o0o---

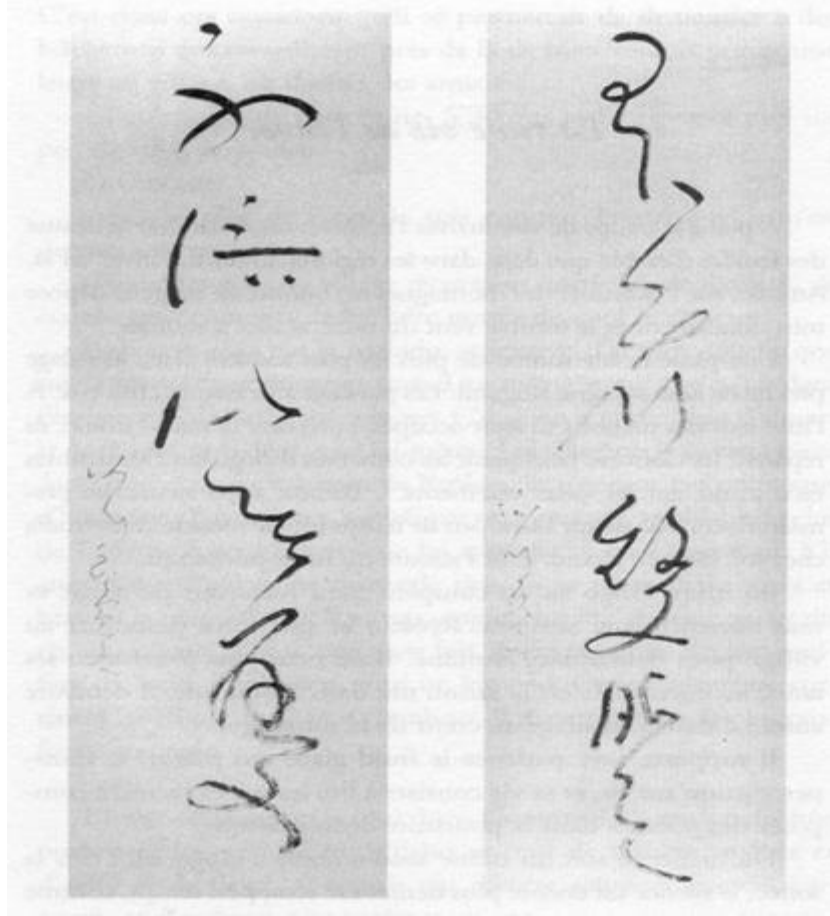
### ***5. Những vần thơ đau buồn***

Đêm cô đơn trong núi,  
Vừa mưa lại vừa tuyết, buồn tênh.  
Tiếng vượn kêu vang rền trên đỉnh non.  
Hơi lạnh trong thung lũng làm ngưng cả tiếng nước chảy.  
Cạnh cửa sổ, ngọn lửa của chiếc đèn dầu im lìm.  
Đầu giường, mực trong nghiên đã khô.  
Suốt đêm không ngủ được,  
Hà hơi vào đầu bút, cố viết một vần thơ.

Một mùa thu buồn bã,  
Phía ngoài kia gió lạnh.  
Ngôi làng cô đơn chìm khuất trong sương mù.  
Dân làng trở về trên chiếc cầu cũ kỹ,  
Đàn quạ tụ lại trong lùm cây,  
Trên bầu trời, những con nhạn xa dân,  
Lẻ loi một nhà sư, quán một mảnh cà-sa đen,  
Đứng lặng nhìn dòng sông, khi trời chiều nghiêng xuống.

Già nua và mòn mỏi  
Thường hay giật mình tỉnh giấc giữa cơn mơ  
Thức dậy trong gian phòng trống không  
Trong am tối, một ngọn đèn  
Tôi coi thêm ngọn lửa, đêm đông dài

Đêm đông dài, một đêm đông thật dài,  
Một đêm dài bất tận của mùa đông,



*“Nếu tôi không nói một lời nào  
Ai đoán được nỗi sầu muộn trong tôi”  
do nhà sư Ryokan viết*

*“Cứ nhìn vào bóng tôi  
Trong tận cùng của mắt tôi”  
do nhà sư Ryokan viết*

Khi nào trời sẽ sáng?  
Gác đầu lên gối, chỉ nghe thấy tiếng mưa rơi.

Một đêm mùa thu quá dài,  
Hơi lạnh thấm cả vào giường.



Sắp đến cái tuổi sáu mươi rồi,  
Nào có ai nghĩ đến một kẻ như tôi, cô đơn và thâm lặng.  
Mưa đã dứt, nhưng còn rơi vài hạt,  
Tiếng côn trùng tăng thêm.  
Thức giấc nhưng không ngủ lại được,  
Dựa lưng vào gối, tôi ngồi chờ một buổi bình minh trong sáng.  
Đã già lại ốm đau, thức giấc không sao ngủ lại được,  
Giữa bốn vách, thật yên lặng.  
Bên ngoài, đêm thật sâu.  
Ngọn đèn dầu không ánh sáng, trong bếp đã hết củi.  
Hơi lạnh thấm vào giường,  
Làm thế nào sưởi ấm được lòng tôi.  
Chống chiếc gậy bằng gỗ hoa đậu tím,  
Tôi bước đi trong bóng tối của khu vườn.  
Sao trời giống như những cánh hoa trên những cành cây trơ trụi.  
Tiếng thác đổ trong thung lũng xa xa,  
Giống như tiếng nhạc từ một chiếc đàn không dây.  
Trong đêm tối bỗng bật lên trong tôi những xúc cảm này,  
Nhưng rồi ngày mai, nào biết sẽ đọc bài thơ này cho ai nghe?  
Biết có ai lo lắng cho cuộc đời tôi?  
Cánh cửa kết bằng cành khô heo hút trên đỉnh núi.  
Hoa cúc dại xoá mất cả ba con đường mòn.  
Chiếc bầu đựng nước vẫn còn treo trên vách,  
Nghe thấy tiếng đẵn cây xa xa phía bên kia thung lũng.  
Gác đầu lên gối, một buổi sáng êm đềm đang dần trôi.  
Một con chim bay ngang và cất tiếng,  
Như an ủi cho cảnh hiu quạnh của riêng tôi.  
Gió đã chết  
Nhưng hoa vẫn rụng.  
Tiếng chim réo gọi  
Nhưng yên lặng vẫn thâm sâu  
Trong từng tiếng hót.  
Trong mưa tuyết nhẹ rơi,  
Có ba nghìn thế giới.  
Nơi ba nghìn thế giới,  
Có mưa tuyết nhẹ rơi.

---o0o---

## ***6. Những vần thơ quá khứ***

Đi ngang ngôi chùa Arima,  
Nghe tiếng mưa đá rơi trên lá tre.  
Nhưng nơi chôn quê nhà,  
Biết đâu dân làng có thể trông thấy,  
Trăng sáng tối hôm nay.

Năm sắp hết, êm ả thời gian trôi.  
Dưới bầu trời, băng giá đóng dày.  
Một ngàn ngọn núi cao, những cây rừng trụi lá.  
Một vạt lối mòn, chẳng một bóng người đi.  
Tôi đốt lá khô trong đêm,  
Thỉnh thoảng lại nghe thấy tiếng gió lẫn tiếng mưa.  
Bỗng nhớ lại một quãng đời quá khứ,  
Hiện lên như một giấc mộng mênh mông.

Trong thế giới này, danh vọng và bạc tiền là những đám mây muôn hình.  
Hơn năm mươi năm trôi đi như một giấc mộng,  
Bỗng nghe thấy tiếng mưa rơi trên mái am.  
Chẳng phải làm gì cả, thu mình trong manh áo cà-sa,  
Tôi ngồi im, chống khuỷu tay lên thêm cửa sổ.

Ngày còn trẻ tôi rời tổ ấm ngao du khắp quê hương,  
Cố tập tành để biến thành một con cọp,  
Nhưng lại không đủ sức để bắt chước một con mèo.  
Nếu có ai hỏi tôi thật sự đang nghĩ gì, tôi sẽ trả lời rằng:  
“Tôi vẫn là thằng Eizo ngày còn nhỏ, nhưng đã già...”

Hơn bảy mươi năm trôi qua,  
Những gì người ta gọi là đích thực hay sai lầm,  
Nào tôi có quan tâm.  
Tuyết đổ trong đêm xoá cả vết chân tôi,  
Cạnh cửa sổ, những nén hương đang cháy dở.

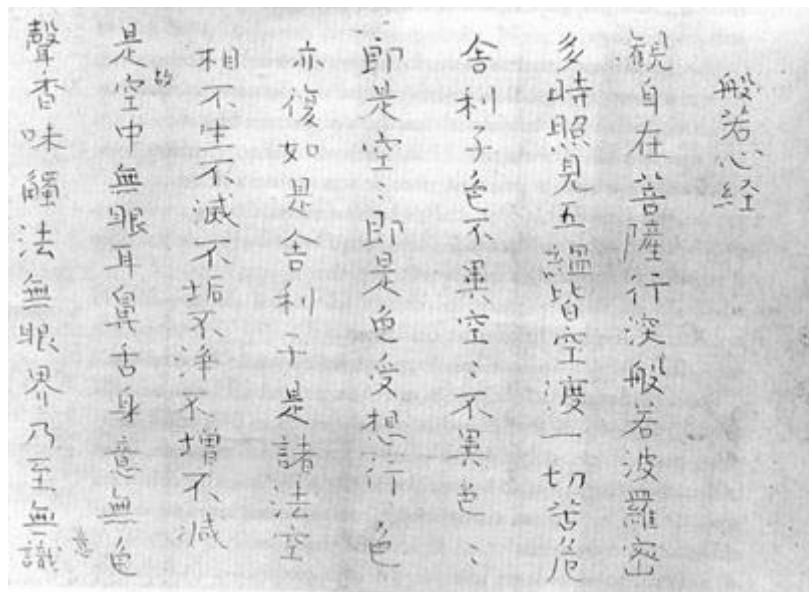
Tôi nghĩ đến ngày còn trẻ,  
Chẳng biết khổ đau là gì.  
Mặc chiếc áo bằng lông ngỗng vàng,  
Cưỡi con ngựa màu nâu mồm trắng.  
Buổi sáng, tôi uống rượu ở Xingpeng  
Buổi chiều, tôi ngắm hoa mạn ở Heyang  
Nhưng khi trở về, nếu trong nhà có hỏi,  
Tôi sẽ lấy tay để chỉ căn nhà của người con gái làng chơi  
Mô Lhor.

Bỗng nhiên lại nghĩ đến những ngày tuổi thơ,  
Khi đang ngồi đây đọc sách,  
Trong gian phòng trống không.  
Đã mấy lần đứng lên để châm dầu,  
Nhưng chẳng bao giờ tôi nguyện rửa  
Những đêm dài đặng đặng của mùa đông.

Trên đường mòn đưa đến chân núi,  
Ngôn ngữ vô số những ngôi mộ cổ.  
Những cội thông và tùng đã xưa từ ngàn năm.  
Suốt ngày những cơn gió buồn thảm,  
Dần dần xóa hết tên tuổi trên mộ bia.  
Con cháu họ đã quên mất họ rồi.  
Tôi bật khóc trong yên lặng, không thốt được lời nào,  
Lặng lặng chống gậy tôi bước đi.

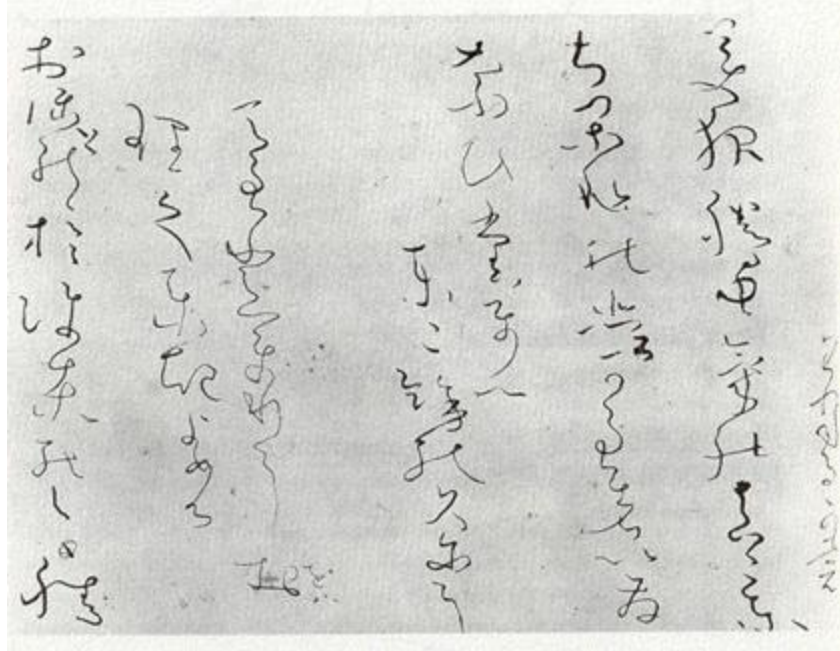
---o0o---

### 7. Những vần thơ Đạo Pháp



Trên đây là một đoạn trong bản Tâm Kinh, do chính tay của Ryokan chép. Thông thường khi chép kinh phải tuân theo các lối viết và những quy ước rõ rệt, nhưng Ryokan đã sử dụng bút pháp riêng của ông, lưu loát, đơn giản và nhẹ nhàng. Tuy nhiên các nét chữ rất minh bạch có thể dùng làm bản mẫu để khắc vào gỗ. Tâm kinh là một bản kinh rất phổ biến và quan trọng trong Thiền học và cả Đại thừa. Bài kinh rất ngắn, chỉ gồm có 262 chữ và được người tu tập thường xuyên tụng niệm như một man-tra.

Con đường Chánh Đạo không có lối đi,  
Tôi hiểu được sự an bình trong tâm thức đang ở đâu  
Người ta vẫn xem Tánh không hay sự hiện hữu là mục đích  
Nào có khác gì đâu giữa một kẻ bình thường và một người giác ngộ  
Nếu bám víu vào thế gian này, ta sẽ chạy theo chiếc bóng của chính ta  
Chiếc bóng ngày càng xa thêm  
Nếu ta xô bỏ cái sai để tìm cái đúng  
Cái đúng sẽ trở thành một vết xẹo  
Nên hiểu lấy điều ấy bằng chính kinh nghiệm của mình  
một cách thật thâm sâu  
Trong tâm thức, chỉ cần trượt chân một li như sợi tóc  
Ta sẽ tách rời với chân như bằng khoảng cách của một nghìn vũ trụ.  
Ngày xưa tôi học được sự trong sáng của tập trung tâm thức và biết kiểm  
soát hơi thở của chính mình  
Vượt ngang sao trời và giá băng trắng xoá  
Tôi quên cả ngủ và cả ăn  
Hiểu được sự an bình là gì  
Có thể chính là nhờ vào tu tập  
Nhưng nếu không tỏ ra trong hành động  
Làm thế nào có thể chứng minh được là nó sẽ trường tồn mãi mãi?  
Từ nguyên thủy con đường Chánh Đạo không có lối đi  
Tôi cũng chẳng hiểu sự hoàn thiện của nó sẽ là gì  
Càng chạy theo nó, càng lúc nó càng xa  
Nếu tìm nó, sẽ không tìm thấy nó



*“Những lời Phật dạy chân thật và mênh mông như không gian vô tận đã đưa tôi vào cảnh giới của vô biên” do nhà sư Rykan viết*

Nét bút và các hàng chữ giống như đang cuộn theo những làn gió và tung bay trong không trung.

Ngay khi thuyết giảng cho thiên hạ về thực thể của trống không  
Phân ta thì noi theo con đường Trung đạo, nhưng rồi cả họ và cả ta sẽ gặp  
nhau trong ngõ cụt,

Chỉ vì điều ấy không thể mô tả được,

Nếu diễn đạt bằng lời, nó sẽ mất đi ý nghĩa.

Giác ngộ lệ thuộc vào Áo giác.

Đạo pháp và hiện tượng buộc chặt với nhau.

Suốt ngày ngồi tụng những bài kinh không lời.

Đêm đến, thiền định nhưng lại không hành thiền.

Con chim cu gáy vang bên dòng suối, cạnh nơi gốc liễu đang rủ bóng.

Trong đêm một con chó sủa dưới trăng.

Đạo Pháp của Phật không đối nghịch với sự hài hoà của vạn vật.

Đâu có gì khác lạ để cho tôi truyền lại?

Báu vật ấy đã có sẵn từ muôn đời,

Ngày cũng như đêm, nó rạng ngời và xoá hết bóng tối trong thế gian này.

Dù cho đạt được, cũng không có cách nào để trao nó cho kẻ khác.

Hãy suy tư về không hoài nghi và không do dự,

Khi người tu hành trên đường Phật pháp chỉ cho điều ấy, kẻ mê làm sẽ đảo  
điên.

Khi đưa con gái của long thần nói lên điều ấy, những người tu hành gia nua sẽ bối rối.

Ha! Ha! Ha! Báu vật ấy đang hiện hữu bên dưới vòm trời và bên trên mặt đất này, nhưng có mấy ai biết được.

Chớ hỏi rằng nó xuất phát từ ngọn núi Kunlun hay ngọn núi Gepu,

Vì báu vật ấy đang ở trong ta,

Ánh sáng của nó che lấp cả ánh sáng của mặt trời lẫn mặt trăng,

Rạng ngời và vượt xa hơn cả bốn biên giới của vũ trụ này.

Màu sắc của nó rực sáng đến độ làm cho lòa cả mắt.

Đánh mất nó, ta sẽ rơi vào đại dương của khổ đau.

Đạt được nó, tức thời ta sẽ vượt sang được bờ bên kia.

Tôi trình ra đây vật báu ấy và sẵn sàng hiến dâng cho mọi người,

Nhưng biết phải làm thế nào, khi mà kẻ khác không muốn nhận.

Ngón tay chỉ mặt trăng,

Nhưng ngón tay mù loà cho đến khi nào trăng mọc.

Đâu là sự liên hệ giữa mặt trăng và ngón tay?

Chúng khác biệt hay liên hệ với nhau?

Thắc mắc ấy chỉ là chuyện của những kẻ mới tu hành,

Đang thu mình trong vô minh.

Nếu biết nhìn xa hơn quy ước của ngôn từ,

Sẽ hiểu rằng không có ngón tay, cũng chẳng có mặt trăng.

Nhờ ngón tay mới chỉ được mặt trăng

Nhờ mặt trăng mới hiểu được ngón tay

Mặt trăng và ngón ta không phải một thứ nhưng cũng không khác nhau

Câu châm ngôn ấy chỉ hữu ích đối với kẻ mới tu hành muốn đạt đến giác ngộ

Khi nào nhìn thấy vạn vật đúng với bản thể của chúng

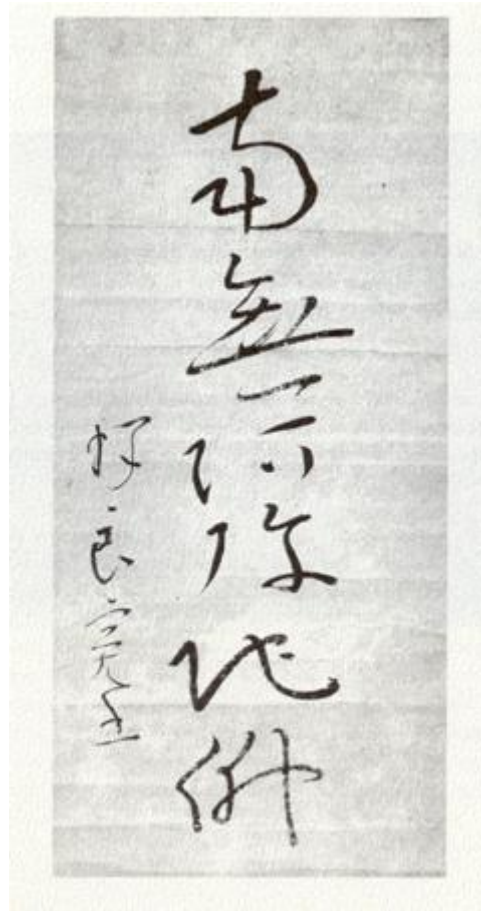
Lúc ấy mặt trăng sẽ không còn mà ngón ta cũng không có.

Huyền diệu thay!

Thoát khỏi mọi cảm nhận,

Vượt ra ngoài hiểu biết,

Sự tuyệt vời của Quán Thế Âm.



*“Nam Mô A-Di-Đà Phật”  
do nhà sư Ryokan viết*

Đây là câu tụng niệm rất phổ biến trong Tịnh độ tông, thanh âm mang tính cách thiêng liêng của câu tụng niệm sẽ trợ giúp cho tâm thức người tu tập. Tuy rằng Ryokan chọn con đường của Thiền học, nhưng ông vẫn quan tâm đến tất cả các tông phái khác và am hiểu rất tường tận về Tịnh độ.

Không tự buộc chặt vào bất cứ một giáo điều nào, Ryokan đã phóng bút viết câu man-tra trên đây để hướng tâm vào vị Phật Vô Lượng Ánh Sáng, tức là Phật A-Di-Đà. Sự phóng khoáng trong tâm thức của Ryokan hiển hiện một cách tuyệt vời trên những nét bút nhẹ nhàng và lưu loát, mở rộng ra tám hướng, tuy nhiên vẫn giữ được sự trang nghiêm và ngay ngắn của khổ chữ và cả từng nét chữ.

Những gì đúng ngày hôm qua,

Có thể là sai ngày hôm nay.

Làm thế nào có thể hiểu được những gì đang đúng ngày hôm nay,

Lại không phải là sai vào ngày hôm qua?

Vì thế không thể khẳng định cái đúng với cái sai  
Kẻ ngu dốt cố chấp vào một lời ghi chép duy nhất,  
Vì thế lúc nào hấn cũng rơi ra bên ngoài sự hài hoà.  
Kẻ hiểu biết thấm sâu vào cội nguồn của vạn vật,  
Sống thanh thoi trong an nhiên và tự tại.  
Khi nào không còn cố chấp vào hiểu biết lẫn vô minh,  
Thì mới gọi là bước vào con đường Đạo pháp.

Sự sống này của tôi từ đâu đến ?

Nó sẽ đi về đâu ?

Ngay cả trong từng giây phút của hiện tại, cũng chẳng có gì trường tồn.

Mọi vật đều biến động, mọi sự đều trống không.

Trong cái trống không ấy, cái “tôi” chỉ hiện hữu trong một khoảnh khắc phù du,

Vậy làm thế nào để biết được một cái gì đó thật sự hiện hữu hay không hiện hữu?

Tốt hơn chỉ cần đơn giản nghĩ rằng,

Cứ để cho mọi vật đi theo con đường của chúng,

Để giữ lấy sự an nhiên và thanh thản.

Ảo ảnh hay giác ngộ

Chỉ là hai mặt của một đồng tiền

Toàn cầu hay cá biệt cũng chỉ là những thành phần của tổng thể

Suốt ngày ngồi đọc những quyển kinh không lời

Suốt đêm thiền định cái phi thiền định

Trong khóm liễu bên bờ suối, tiếng côn trùng khóc than

Con chó sủa dưới trăng trong ngôi làng ngủ yên

Không có gì làm dao động được dòng cảm nhận thanh thoát của tôi

Xúc cảm trong những giây phút này, biết làm sao ghi lại?

Nơi nào có cái đẹp cũng có cái xấu

Nơi nào có cái đúng cũng có cái sai

Hiểu biết và vô minh làm nguồn cội lẫn cho nhau

Ảo ảnh và giác ngộ tạo tác ra nhau

Từ nghìn xưa đã là như thế

Đâu phải hôm nay mới có

Xô bỏ hay bám víu vào đây

Chẳng phải là ngu xuẩn lắm hay sao!

Nếu muốn đi tìm cái sự thực nội tại

Thì bận tâm làm gì cái bộ mặt vô thường của vạn vật chung quanh



Ai đó đã từng nói: “Danh xưng chỉ là những người khách tạm của hiện thực”

Câu ấy lưu lại từ nghìn xưa

Dù cho thiên hạ hiểu rằng danh xưng không phải là hiện thực

Những họ vẫn không nhận thấy được hiện thực không có cội nguồn

Danh xưng và hiện thực không phải là những gì hệ trọng đáng quan tâm

Cứ an vui và thanh thản trong dòng chảy của vô thường.

Phật là một sự tạo dựng của tâm thức

Con đường Đạo pháp cũng chẳng hề hiện hữu

Cứ tin vào lời tôi nói

Đừng hướng theo một chiều gió nào cả!

Đẩy cái xe về phương bắc nhưng lại muốn nó tiến về phương nam

Thì đến bao giờ cho đến đích?

Tiểu thay ngày nay những người tu Phật

Chỉ biết bám víu vào ngôn từ để già đi và trở thành lợm khộm

Những năm tháng lý luận quanh nào có ích lợi gì

Có phải mục đích của môn phái <sup>1</sup> là nắm bắt trực tiếp mọi

vật thể đúng với sự hiện hữu của chúng?

Trong thế giới vô tạo tác không có ảo giác cũng chẳng hề có giác ngộ

Qua những thời gian vô tận, phải chờ đến bao giờ mới

hiểu được nguyên thủy của Tánh không

Nếu không hiểu thì cứ hỏi!

Tôi sẽ trả lời rằng: “Gian nhà của Văn Thù Sư Lợi nằm vào hướng đông của lâu đài giác ngộ” <sup>2</sup>

---o0o---

## **8. Vài vần Haiku**

Suốt những ngày ròn rã  
dưới những cơn mưa lũ  
con người hoá thành già thêm.

Đi nhạt củi khô  
bước lên chiếc cầu  
trong sương mù buổi tối.

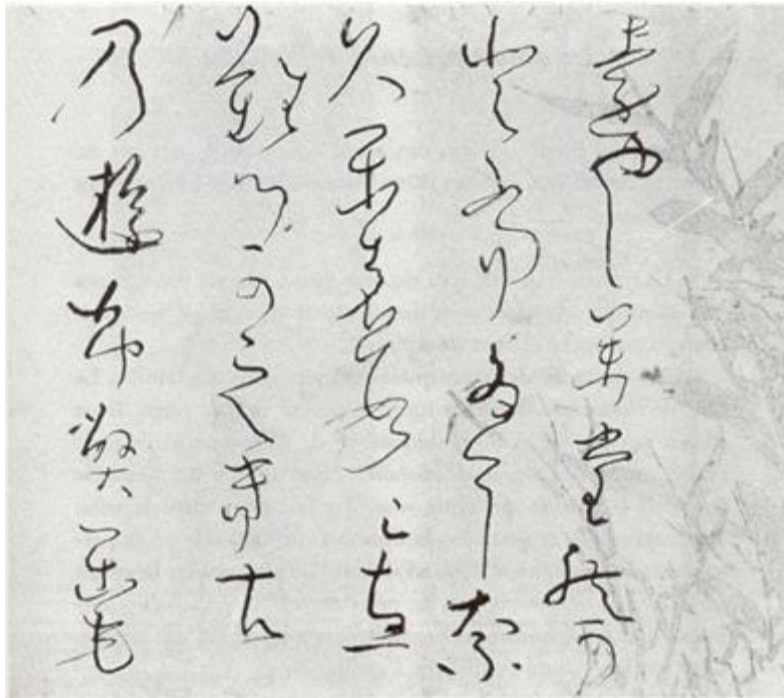
Giống như một người say  
đang bước đến  
kia một ngọn gió xuân.

Trong an bình mênh mông  
tôi gôi đầu lên cỏ ở một nơi nào đó  
xa lắm với túp lều của tôi.

Mùa thu đã hết rồi  
có mấy ai hiểu được  
những sầu muộn trong tôi?

Khắp mọi nơi chung quanh  
tràn ngập một vũ trụ  
của những gốc anh đào nở hoa.

Trong tĩnh lặng vô biên  
cả nơi này và mãi chốn Rozan  
kia những giọt mưa mùa thu.



*“Hôm nay đêm đầu hè  
từ chiếc am trong núi  
nghe vang lên êm ả  
tiếng nhái kêu  
trong thửa ruộng cạnh nhà”*

## 9. Vài vần thơ bằng Nhật ngữ

Sau đây là một vài bài thơ viết theo thể Waka. Waka là một trong những thể thơ tiêu biểu nhất của thi ca Nhật bản, trong thể thơ này không được dùng các chữ gốc Hán. Thơ Waka gồm có hai thể loại chính là tanka gồm năm câu với số vần mỗi câu là 5-7-5-7-7, và thể loại thứ hai là chōka có số câu không nhất định, nên bài thơ có thể rất dài, chỉ cần các câu thơ đi từng cặp với số vần là 5-7. Trong phần tuyển chọn dưới đây, các bài thơ nguyên bản tiếng Nhật sẽ được trình bày bên cạnh các bài thơ đã được chuyển ngữ, trong mục đích giúp người đọc nào muốn tìm hiểu âm điệu và nhạc tính của các bài thơ gốc.

Kua makura	Này suy tư bay bổng,
Yogoto ni kawaru	Hãy mang ta theo cùng,
Yadori ni mo	Và đừng lại mỗi đêm trong một nơi xa lạ.
Musubu wa onaji	Cơn mơ mà ta mơ,
Furusato no yume	Sao vẫn chỉ là một, từ lúc chưa xa nhà.
Yugure ni	Trong bóng hoàng hôn
Kugami no yama wo	Vất ngang
Koekureba	Ngọn Kugami
Takane ni shika no	Nghe vang rền tiếng hươu kêu
Koe wo kiki keru	Trên đỉnh núi
Yama kage no	Dưới bóng của ngọn núi
Kusa no ihori wa	Chiếc am cỏ của tôi
Ito samushi	Sao lạnh quá thế này
Shiba wo takitsutsu	Có lẽ phải ngồi dậy
Yo wo akashitemu	Đốt bếp suốt đêm nay
Kusa no iho ni	Buổi sáng đang hái rau
Nezamete kikeba	Trên luống đất bỏ hoang
Hisakata no	Trong khu vườn cạnh bếp
Arare tobashiru	Nghe con khướu hót vang
Auretake no ue ni	Hoá ra xuân đã về
Kasumi tatsu	Mãi hái hoa tím
Nagaki haru hi wo	Bên vệ đường mọc hoang
Kodomora to	Bỏ quên cả bình bát,
Temari tsukitsutsu	Con tôi đâu rồi
Kono hi kurashitsu	Thằng con bình bát của tôi ơi!
Hachi no ko wo	Trong bình bát của tôi
Waga wasurure domo	Hoa tím và hoa điệp

Toru hito wa nashi  
Toru hito wa nashi  
Hachi no ko aware

Yugiri ni  
Ochi no satobe wa  
Uzumorenu  
Sugi tatsu yado ni  
Kearusa no michi

Satobe ni wa  
Fue ya tsuzumi no  
Oto su nari  
Miyama wa sawa ni  
Matsu no oto shite

Waga machishi  
Aki wa kinu rashi  
Kono yube  
Kusa mura goto ni  
Mushi no koe suru

Mizu ya kumamu  
Tatagi ya koramu  
Na ya tsumamu  
Asa no shigure no  
Furanu sono ma ni

Aki no ame no  
Harema ni idete  
Kodomora to  
Yamaji tadoreba  
Mo no suso nurenu

Nani to naku  
Ura kanashiki wa  
Waga kado no  
Inaba soyogasu  
Hatsuaki no kaze  
Yuku aki no  
Aware wo tare ni  
Kataramashi  
Akuza ko ni irete

Lẫn lộn cả với nhau  
Xin hiến dâng chư Phật  
Tận Ba tầng Thế giới

Từ ngôi làng hẻo lánh  
Mờ khuất trong sương chiều  
Tôi quay trở về nhà  
Nơi có túp lều cỏ  
Phía rừng tùng xa xa

Nơi ngôi làng dưới kia  
Tiếng sáo lẫn tiếng trống  
Nhộn nhịp và ồn ào  
Nơi này trong núi thẳm  
Chỉ có tiếng thông reo

Mùa thu tôi chờ đợi  
Hình như đã đến rồi –  
Quanh tôi tới hôm nay  
Trong những khóm cỏ dại  
Tiếng côn trùng kêu vang

Sáng sớm, vừa kéo nước  
Vừa làm cỏ  
Lại vừa hái rau –  
Vào những lúc ngọt hạt  
Giữa những cơn mưa rào

Chờ lúc cơn mưa  
Vừa ngọt hạt  
Trong núi, cùng với đàn trẻ con  
Lần theo con đường mòn  
Mưa thu ướt sũng vạt cà-sa

Chẳng hiểu sao hôm nay  
Bỗng dưng tôi thấy buồn –  
Phía bên ngoài cửa am  
Những cơn gió đầu thu  
Xạc xào trên mái cỏ  
Những nỗi buồn ray rứt  
Của những ngày cuối thu –  
Nào biết tỏ cùng ai?  
Hái rổ rau dền dại

Kaeru yugure	Hoàng hôn trên đường về
Aki mo yaya	Những đêm dài mùa thu
Yosamu ni narinu	Càng đêm lại càng rét –
Waga kado ni	Này, hãy ngồi lên vá áo
Tsuzuresase	Tiếng côn trùng nhắc nhở
Mushi no koe suru	Phía bên ngoài cửa am
Akikaze no	Ngọn gió thu
Hi ni hi ni samuku	Mỗi đêm
Naru nabe ni	Càng thêm rét
Tomoshiku narunu	Tiếng đế kêu
Kirigirisu no koe	Mỗi đêm lại yếu dần
Aki no mu no	Trong cánh đồng mùa thu
Kusa mura goto ni	Đêm dài sương trĩu nặng
Oku tsuyu wa	Động trên từng khóm cỏ –
Yomosugara naku	Phải chăng là nước mắt
Mushi no namida ka	Của côn trùng khóc than?
Hito towaba	Nếu có ai nhắn hỏi
Otogo no mori no	Bảo tôi đang trong rừng
Ko no shita ni	Nơi am cỏ Otogo
Ochiba hiroite	Đi nhặt lá vàng khô
Iru to kotaeyo	Dưới bóng cây cổ thụ
Waga yado ni	Chung quanh chiếc am này
Uete sodateshi	tôi nâng niu và chăm sóc
Momokusa wa	hàng trăm loài cây cỏ –
kaze no kokoro ni	chỉ để gửi vào gió,
makasu nari keru	mặc tình cho gió bay.
Sono kami wo	Tôi tự hỏi những ngày xưa đó –
Omoeba yume ka	có phải chỉ là mơ
Utsutsu ka mo	hay là thật?
Yoru wa shigure no	Trong đêm, lặng nghe trên mái cỏ
Ame wo kikitsutsu	giọt mưa thu.
Yuku sa ku sa	Mỗi khi ra đi
Miredomo akanu	hãy mỗi khi quay lại
Ihamuro no	tôi vẫn đứng nhìn không biết chán
Tanaka ni tateru	một cội thông cô độc
Hitotsu matsu no ki	giữa cánh đồng Iwamuro
Iwamuro	Tuyết trắng ngập đầy

Shirayuki wa  
Chie ni furi shike  
Waga kado ni  
Suginishi kora ga  
Kuru to iwanaku ni  
Tarachine no  
Haha ga katami to :  
Asa yu ni  
Sado no shimake wo  
Achimitsuru ka mo  
Tori to moite  
Na uchi tamai so  
Misonou no  
Kaido no mi wo  
Hami ni kitsureba

đóng dày hàng nghìn lớp –  
một đũa bé lạc loài <sup>3</sup>  
không bao giờ quay lại  
gõ cửa chiếc am này  
Từ xưa có một thứ  
không bao giờ biến đổi:  
là cửa biển Arizo  
và bên kia bờ  
là hòn đảo Sado <sup>4</sup>  
Đừng nhầm với một con chim  
để ném đá vào tôi  
nếu lỡ ra  
tôi có ăn mất vài quả táo đỏ  
trong ngôi vườn của anh! <sup>5</sup>



*“Mây trên trời, nước trong suối, cứ thế mà trôi”  
do nhà sư Ryokan viết*

Nét bút lưu chuyển như mây trên trời, như nước trong khe suối, lưu loát, nhẹ nhàng và linh động, như quyện vào nhau, không thấy một sự đứt đoạn nào, liên tục và nối tiếp trừ trên xuống dưới.

Nước Nhật, suốt trong chuỗi dài lịch sử văn hoá, đã từng có nhiều nhà thư pháp nổi danh, nhưng quả thật hết sức khó để so sánh họ với Ryokan, nhất là sự lưu loát của nét bút. Ryokan sở trường về cách viết linh động, thoáng mát như một làn gió, nhẹ như một làn mây mỏng hay lưu loát như một dòng nước chảy. Thư pháp đối với ông là một thiên phú, nhưng đồng thời ông cũng chuyên cần và luyện tập không ngừng. Ông chép lại những thủ bút của các nhà thư pháp nổi tiếng để học, hoặc tự tập luyện để tìm một thư pháp riêng cho mình. Người ta tìm được sáu tờ giấy nháp mà ông dùng để tập viết, các tờ giấy này đầy cả chữ thảo, không còn một chỗ giấy trắng nào. Mỗi sáng thức dậy ông ra trước am đứng giăng chân thật vững chắc, ngừng đầu lên trời và dùng ngón tay để viết trong không trung, hoặc dùng chiếc gậy để vạch trên mặt đất.

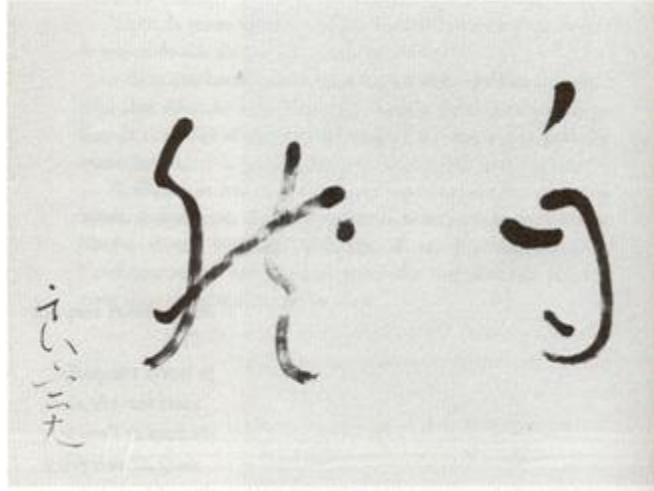
Người ta thường chia thư pháp thành ba loại: Shin hay kaisho là loại cô điển, rất công thức, ngay ngắn và vuông vắn, thông thường đây là loại dùng để viết các bản chữ Hán, rất minh bạch và dễ đọc; loại thứ hai gọi là Gyô hay gyôsho, ít công thức hơn và ít gò bó hơn, có thể xem là một loại trung gian; loại thứ ba gọi là Sô hay sôho hoàn toàn phóng khoáng và tự do; loại thứ ba là loại khó chủ động nhất, nhưng đồng thời cũng là thể loại tinh tế và cao siêu nhất. Ryokan đã đạt đến tột đỉnh của thể loại thư pháp thứ ba, tức thể loại Shô. Thư pháp là phương cách tu tập của Ryokan, đó là một trong những cách thức tập trung sự chú tâm và chủ động tâm thức. Bất chước cách viết một tờ thư pháp thì có thể thực hiện được, nhưng sinh khí, sức mạnh và sự chính xác của nét bút cũng như sự vận chuyển của khí lực, thì không bắt chước được. Ông có một người bạn thư pháp tên là Bosô rất kính phục ông, thường hay tập cách viết của ông, nhưng thật ra không thể nào bắt chước được những nét bút của Ryokan.

Một đêm nơi am cỏ trong rừng Kugami, Ryokan nằm mơ thấy người em là Yushi đến thăm, ông làm hai bài thơ sau đây để gửi về cho em:

Izuku yori	Từ đâu em đã đến
Yoru no yumeji wo	Giấc mơ nào đưa lối
Tadori koshi	Đến thăm anh trong đêm
Miyama wa imada	Hun hút xó núi này
Yuki no fukaki ni	Tuyết giăng đầy khắp lối

Ika ni shite  
Kimi imasuramu  
Kono goro no  
Yukige no kaze no  
Hibi ni samuki ni

Anh giật mình tự hỏi  
Làm sao em đi được  
Trời xuân tuyết đang tan  
Mấy hôm nay gió thổi  
Trời giá rét căm căm



“Tự Nhiên”

Tờ thư pháp trên đây gồm hai chữ, có thể tạm dịch là Tự Nhiên, tiếng Nhật gọi là Shizen. Chữ thứ nhất bên phải có nghĩa là tự một mình (không lệ thuộc vào bên ngoài), và chữ thứ hai bên trái có nghĩa là thể dạng. Dịch một cách từ chương thì hai chữ trên đây có nghĩa là thể dạng tự như thể. Nói chung tất cả những gì hiển hiện trong vũ trụ là những thể dạng tự như thể. Các thể dạng ấy là những biểu hiện bên ngoài của Hiện thực. Hội nhập với Hiện thực tức là Thiên.

Thiền sư Daisetz Teitaro Suzuki có viết như sau:

“Một vài nét mực thô sơ, có vẻ như được phóng bút một cách cầu thả, nhưng thật ra những nét phóng bút ấy có thể đánh thức trong ta những xúc cảm thật sâu xa và hướng ta vào tổng thể của những gì thuộc bản chất của chính ta. Cũng tương tự như thế, khi ta hội nhập vào tâm điểm của thiên nhiên, và khi sự hiện hữu của ta đã thâm nhập vào đấy thì ta sẽ cảm nhận được nhịp đập của thiên nhiên cũng chính là nhịp đập của tim mình”.

(Trích trong quyển Zen and Japanese culture,  
Bollingen series, Princeton, trang 377)

Yomosugara  
Kusa no ihori ni  
Shiba taite

Suốt đêm  
Trong am cỏ  
Ngồi đốt những cành khô



Katarishi koto wo	Làm thế nào để cùng nhau trò chuyện
Itsuka wasuremu	Phải đến bao giờ cho tôi quên?
Ashihiki no	Bên một triền dốc đứng,
Kugami no yama no	ngọn núi Kugami
Yama kage no	trong bóng râm vách đá,
Mari no shitaya ni .	một am cỏ dưới cây.
Iku toshi ka	Đã bao năm tháng rồi,
Waga su minishi wo .	là chốn ở của tôi.
Karakoromo n	Và cái ngày đã đến
Tachite shi kureba.	phải rời xa chốn này. <sup>6</sup> [6]
Natsugusa no	Mang nỗi buồn ử dật
Omoi shinaete ,	như cỏ dại mùa hè,
Yuzutsu no	tôi lang thang đi lại
Ka yuki kaku yuki	như một vì sao đêm –
Sono iho no	Khi nào chiếc am cỏ
Ikakuru made ,	chưa có ai tìm được,
Sono mori no	khi nào góc rừng này
Miezu naru made ,	không một ai biết đến,
Tamahoko no	từng mỗi đoạn quanh co
Michi no kuma goto	con đường mòn nho nhỏ
Kuma mo ochizu	tôi sẽ rẽ vào rừng
Kaerimi zo suru ,	quay trở lại chốn này,
Sono yama no be wo .	tìm về nơi núi thăm.

---o0o---

### **PHẦN III. BIẾN CỐ VÀ GIAI THOẠI TRONG CUỘC ĐỜI CỦA RYOKAN**

#### **1. Một vài biến cố trong cuộc đời của Ryokan**

Vào năm 1750, trên hòn đảo Sado ngoài khơi tây bắc nước Nhật, có một người con gái mười lăm tuổi tên là Nobu đi lấy chồng, người chồng tên là Shinjirô thuộc gia đình Yamamoto trong dòng họ Tachibana. Gia đình này gốc gác ở làng Izumozaki trên bờ biển, họ là những người có địa vị trong làng. Ngày nay ngôi làng Izumozaki đã trở thành một thị trấn nhỏ và từ bờ biển người ta có thể nhìn thấy hòn đảo Sado ngoài khơi khi tiết trời trong trẻo.

Nhưng chưa đầy ba năm sau, tức vào năm 1753, thì người con gái bỏ về nhà cha mẹ, không biết rõ là vì lý do ly dị hay ly thân. Năm 1755, người con gái được hai mươi tuổi lại đi lấy chồng dưới một tên mới là Hidé, người

chồng tên là Araki Junai và là một người con đỡ đầu trong dòng họ Tachibana. Người con gái trong câu chuyện trên đây chính là mẹ của Ryokan, bà sinh được mười người con, nhưng chỉ nuôi được bốn trai và ba gái. Cậu bé Eizo, tức Ryokan sau này, sinh vào năm 1758 và được xem là con cả trong gia đình, cái tên Eizo là do mẹ cậu đặt cho. Nhưng thật ra Eizo không phải là con cả, một vài tài liệu cho biết cậu bé Eizo có một người anh, nhưng người này đã chết khi Eizo lên mười tuổi, tức vào năm 1768. Năm 1759 cha của Eizo, Araki Junai kế nghiệp người trưởng họ trong dòng họ Tachibana và giữ chức giáo sĩ Thần đạo trong ngôi làng Izumozaki. Lúc ấy Araki Junai vừa được 23 tuổi. Araki Junai là người trí thức và sống có lý tưởng, ông làm thơ và lấy bút hiệu là Inan. Dòng họ Tachibana có nhiều hiềm khích với một dòng họ khác rất thế lực là Tsuruga.

Năm 1760 Eizo có thêm một người em gái tên là Mura và đến năm 1762 lại có thêm một người em trai là Yushi, còn gọi là Yoshiyuki. Năm 1764, theo tục lệ cha truyền con nối, cha của Ryokan được phong vào chức xã trưởng của làng.

Năm 1765 cậu bé Eizo lên bảy và được cha gửi vào học trong một ngôi chùa thuộc Thiên phái Tào động tại một thôn nhỏ gọi là Amaze, chùa nằm sát bên bờ biển và không xa ngôi làng Izumozaki bao nhiêu. Năm 1769, mẹ của cậu Eizo sinh thêm một người con gái thứ hai là Taka, và vào năm sau 1770, lại sinh thêm một người con trai là Yuchô.

Năm 1770, Eizo được 12 tuổi và cha cậu gửi cậu đi học trong một trường tư dành cho những gia đình khá giả, trường nằm trong ngôi làng Bunsui, cách làng Izumozaki khá xa. Cậu ở trọ trong gia đình Nakamura, và gia đình này có họ hàng với cha của cậu. Trường tên là Kyôsen-juku (trường trung học Kyôsen), do một vị nho học nổi tiếng thời bấy giờ là Omori Shiyô (1738-1791) sáng lập, Omori Shiyô không ham danh vọng và từ quan để về quê dạy học.

Năm 1771, mẹ cậu sinh người con trai út là Kaoru.

Năm 1772 Eizo bước vào tuổi trưởng thành gọi là seijin. Trong xã hội Nhật thời bấy giờ con trai được xem là “tự lập” vào tuổi 15 và con gái thì vào tuổi 13. Trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, người Nhật thường đặt thêm một tên mới, vì thế Eizo mang thêm một tên nữa là Bunkô. Đến năm 17 tuổi tức vào năm 1775, Bunkô (tức là Eizo) rời ngôi trường Kyôsen về làng giữ một chức tập sự trong xã để chuẩn bị làm xã trưởng thay cha sau này. Đây là truyền thống cha truyền con nối trong xã hội Nhật thời bấy giờ. Nhưng Eizo lại không thích các việc quản lý, thuế má, tranh chấp, an ninh trong làng. Nhìn thấy các việc như thừa kiện, hỏi cung, xử phạt... lại càng làm cho Eizô khiếp

sợ hơn nữa. Trong khi đó thì hai dòng họ Tachibana và Tsuruga lại tranh chấp ra mặt và quyết liệt hơn trước làm cho Eizo rất nản chí.

Trong cái bối cảnh căng thẳng, đầy lắt léo và mưu mẹo đó cậu thiếu niên Eizo đã nhận xét như sau: “cái thế giới này đã làm lạc rồi, khi xem nghệ thuật lừa đảo là biểu hiện của trí thông minh”. Ngày 18 tháng 7 âm lịch (tức vào tháng 8 dương lịch) năm ấy, Eizô tìm đến ngôi chùa Kôshôji, xin gặp vị thượng tọa trụ trì là Genjô Haryô để xin quy y. Eizo xin cạo đầu làm sa di và ở lại chùa để tập thiền và bốn năm sau thì được thụ phong tỳ kheo. Cũng xin nhắc thêm là cả ba em trai của Eizo về sau này cũng đều trở thành thi sĩ và cũng lần lượt xuất gia.

Năm 1777, mẹ của Eizo lại sinh thêm một người con gái nữa tên là Mika, đây là người con gái út trong gia đình. Vì Eizo xuất gia nên người em trai kế là Yushi phải thay Eizo tập sự ở xã để sau này kế nghiệp cha. Năm 1779, Eizo (tức Bunkô) được thụ phong qua một nghi lễ gọi là tokudo để chánh thức trở thành một tỳ kheo, ông được thầy ban cho pháp danh là Ryokan. Nhưng cũng vào năm ấy có một vị thiền sư khác đến viếng chùa, đây là thiền sư Dainin Kukonen (1723-1791), trước kia đã từng là vị trụ trì của ngôi chùa này và đồng thời cũng là vị thầy cũ của thượng tọa Haryô, tức là vị thầy của Ryokan. Thiền sư Dainin Kukonen lặn lội từ phương Nam lên để chủ trì một khoá tu học tổ chức tại đây. Nhân dịp này Ryokan xin theo thụ giáo với vị sư già Kukonen. Thế là hai thầy trò quay về phương Nam, một nơi cách ngôi làng Izumozaki hơn 1200 kilômét, họ đi từ tháng 6 đến tháng 11 mới đến nơi.

Năm 1783, mẹ của Ryokan qua đời, thọ bốn mươi tám tuổi, còn Ryokan thì được hai mươi lăm tuổi. Vì ở xa nên Ryokan không trở về làng được để chịu tang mẹ. Nhưng vào năm 1785 thì ông có trở về quê vài hôm để làm lễ mãn tang ba năm cho mẹ, sau đó lại quay về chùa.

Năm 1786, dòng họ Tsugura mượn thế các cấp lãnh đạo trên tỉnh để gây khó khăn cho cha Ryokan, vì thế ông phải từ chức trưởng làng, em của Ryokan là Yushi thay vào chức vụ ấy. Vào năm 1789, Yushi được 27 tuổi và sinh được một người con trai là Umanosuke.

Năm 1791, thầy của Ryokan là Kukonen qua đời lúc 68 tuổi. Sau khi thầy qua đời, Ryokan không còn muốn lưu lại chùa nữa vì hai lý do, thứ nhất là ông không thích việc quản lý và đời sống tập thể trong chùa, thứ hai là ông không chịu được áp lực điều hành từ các cấp trên áp đặt. Hình như trong thời kỳ này Ryokan có rời chùa trở về quê hương và ra thăm hòn đảo Sado, quê mẹ của ông, nhưng không có tài liệu nào thật đích xác về sự kiện này. Tuy nhiên những gì chắc chắn là sau khi thầy chết được một năm thì Ryokan từ

biệt tăng đoàn để ngao du và sống cuộc đời phiêu bạt trên hòn đảo Shikoku thuộc miền Nam nước Nhật.

Ngày 25 tháng 7 âm lịch (đầu tháng 9 dương lịch, 1795) cha của Ryokan nhảy xuống sông Katsuragawa ở Kyoto để tự tử, vì thất vọng hay là vì sợ phe quân phiệt Shogun đang cầm quyền sẽ thanh trừng, thì không ai biết rõ. Ông là một người rất trung thành với hoàng triều, vì thế cũng có giả thuyết cho rằng ông đã bị phe quân phiệt giết. Trong buổi lễ cầu siêu bốn mươi chín ngày của cha, chỉ có hai người em là Yushi và Kaoru hiện diện, lúc đó Ryokan ở xa và đang ẩn cư trong một ngôi chùa nhỏ trong vùng Kyoto.

Năm 1796, Ryokan được 38 tuổi, ông quyết định trở lại quê nhà nơi phương Bắc, nhưng trước khi đến làng và lúc đi ngang một thôn hẻo lánh tên là Gôtomo, ngày nay thuộc tỉnh Teradomari, ông thấy có một túp lều bỏ hoang và ông đã dừng chân để lưu lại đây suốt sáu tháng. Trong thời gian này ông trao đổi một ít thi phú với người em là Kaoru, lúc ấy đã 25 tuổi và đang ở Osaka.

Sang năm sau, tức là năm 1797, Ryokan về đến quê nhà và sống ẩn dật trong vùng núi Kugami. Năm 1798, người em trai của ông là nhà sư và thi sĩ Kaoru qua đời ở Kyoto khi mới 27 tuổi, và cũng trong năm đó ngôi chùa Kôshôji nơi mà ông xuất gia khi 17 tuổi bị thiêu rụi vì hỏa hoạn. Năm 1800, một người em khác của ông là Yuchô, cũng là nhà sư và thi sĩ, qua đời lúc 30 tuổi.

Trong khu rừng Gogôan có một chiếc am cỏ và là nơi ẩn cư của vị thượng tọa của ngôi chùa Kokujôji, thuộc học phái Chân ngôn tông. Vị này qua đời vào năm 1804, chiếc am bỏ không và Ryokan dọn về đây. Trước đó Ryokan sống rày đây mai đó, có lúc tá túc trong ngôi chùa Kokujôji. Cũng vào năm này em của ông là Yushi từ chức xã trưởng vì dân làng kiện thưa, cho rằng ông bất tài không quan tâm đến việc quản lý việc làng. Thật sự thì cũng đúng phần nào vì ông là người rất hiền lành và vô tâm, chỉ lo làm thơ.

Năm 1805, có một nhà sư trẻ là Dainin Rosen mà Ryokan đã từng gặp trước đây ở Kyoto, cho xuất bản một tập thơ có nêu lên trường hợp thi sĩ Ryokan và đã tán dương ông hết lời. Đây là lần đầu tiên người đương thời biết đến cái tên Ryokan.

Năm 1810 thì vợ của Yushi tên là Yasu qua đời lúc vừa 41 tuổi. Yushi ở vậy nuôi đứa con trai duy nhất là Umanosuke.

Năm 1811, nhà sư trẻ Dainin Rosen, người đã giới thiệu Ryokan trên thi đàn, qua đời lúc vừa 30 tuổi. Cũng vào năm này, Yushi em của Ryokan xuất

gia, và con trai là Umanosuke thay ông làm gia trưởng cho thị tộc Tachibana.

Năm 1812, em gái của Ryokan là Taka qua đời lúc 43 tuổi. Cũng trong năm ấy, thi phẩm của Ryokan bắt đầu xuất hiện nhiều nơi trên văn đàn, nhiều học giả và thi nhân tìm kiếm thơ của ông để giới thiệu và xuất bản. Năm đó ông được 54 tuổi. Thi phú của ông tiếp tục được nhiều người biết đến và nhiều thi tập của ông liên tiếp được xuất bản, một số thơ lẻ tẻ xuất hiện trên các tập san văn học, tất cả đều là công trình thu góp và sưu tầm của những người ngưỡng mộ ông. Các thi nhân và các nhà thư pháp nổi tiếng thời bấy giờ ai cũng muốn được làm quen với Ryokan. Nhưng ông vẫn tiếp tục sống cô đơn và ẩn dật. Tuy nhiên thỉnh thoảng cũng có những người ngưỡng mộ tìm đến tận nơi trong rừng Kugami để viếng thăm ông. Năm 1816, Ryokan dọn về một chiếc am khác là Otogo, cũng trong khu rừng Kugami nhưng khí hậu ít khắc nghiệt hơn.

Năm 1819, vị Vương công của thị trấn Nagaoka là Makino Tadakiyo dắt theo vài người tùy tùng đích thân tìm đến tận am để gặp Ryokan. Sau khi đàm đạo được một lúc, vị Vương công liền chấp tay vái ông thật cung kính và mời ông về trụ trì một ngôi chùa lớn do chính ông sáng lập. Ryokan yên lặng không hồi đáp một lời nào, một chập sau mới lẳng lẳng lấy bút viết một câu thơ haiku như sau:

*taku hodo ha  
kaze ga motekuru  
ochiba kana*

Tạm dịch như sau:

*Để thổi ấm  
gió thổi đến cửa am cũng đủ rồi  
những chiếc lá khô*

Sau khi nhìn ông viết câu thơ trên đây, vị Vương công liền hiểu ý và kín đáo ra hiệu cho những người tùy tùng cùng với mình khe khẽ đi giật lùi ra khỏi am một cách kính cẩn.

Năm 1821, Yushi mời anh và người em gái là Mura đến họp mặt tại nhà người con trai của ông là Umanosuke để từ biệt nhau trước khi Yushi rời làng vào tu trong một ngôi chùa khá xa tận miền đông bắc. Năm 1874 người em gái của Ryokan là Mura qua đời lúc 64 tuổi. Năm 1825 thì vợ của Umanosuke tên là Yu cũng qua đời lúc 34 tuổi. Mùa đông năm ấy thật khắc nghiệt, nhân dịp đó nhiều người khuyên Ryokan bỏ am về ngôi làng

Teradomari để ở, họ sẽ cất cho ông một chiếc am nhiều tiện nghi hơn, nhưng ông nhất định không nghe.

Năm 1826, vào độ cuối năm, Ryokan bỗng cảm thấy sức khoẻ kém hẳn đi, lúc đó ông đã 68 tuổi. Nhiều người lại tiếp tục khuyên ông nên rời khu rừng Kugami vì mùa đông sắp đến, lần này Ryokan đành phải nghe theo và rời am Gogôan để về sống trong một túp lều tranh bên bìa làng Shimazaki, túp lều do gia đình một người nông dân khá giả cấp cho ông. Túp lều ở thụt vào phía sau nhà của gia đình này và người trong gia đình cũng đứng ra chu cấp cho ông, vì thế Ryokan không còn phải đi xách nước và nhặt củi như khi còn ở trong rừng Kugami.

Mùa hè năm 1827 ông rời túp lều ở Shimazaki đến tá túc ít lâu trong ngôi chùa Mitsuzôin ở Teradomari để được gần với núi đồi và thiên nhiên hơn. Sang mùa thu, ông quay lại ngôi làng Shimazaki và vào dịp này ông gặp một ni cô còn trẻ pháp danh là Teishin mới 29 tuổi. Ni cô Teishin nhờ ông dạy thêm về các phương pháp thiền định, đồng thời cũng nhờ ông chỉ giúp về thi phú.

Năm 1828, người em là Yushi về thăm và cùng sống ít lâu bên cạnh ông trong túp lều tranh. Năm ấy mùa đông đến sớm, tuyết đổ nhiều, Yushi không quay về chùa được. Hai anh em uống saké và cùng nhau làm thơ. Vào tháng 11 (tháng chạp dương lịch) một trận động đất lớn xảy ra ở tỉnh Sanjo, cách làng chưa đầy 100 kilomet về phương bắc, giết hại 1400 người. Ryokan đến đây ủy lạo và làm nhiều bài thơ bày tỏ những xúc cảm sâu xa của ông trước cảnh khổ đau của con người.

Năm 1829, người ta thấy xuất hiện hai tập thơ, một tập gồm những bài thơ hồi tưởng lại thời gian khi Ryokan còn sống trong chiếc am cỏ ở núi rừng Kugami, và tập thứ hai thì viết chung với em ông là Yushi.

Sang mùa hè 1830, sức khoẻ của Ryokan kém hẳn đi, ông đau bụng liên miên, lắm khi liệt giường không đứng lên được. Ông có hứa với Teishin sẽ đi thăm bà, nhưng không thực hiện được vì sức khoẻ ngày càng sa sút thêm. Vào độ cuối năm thì bệnh tình của ông trở nên nguy kịch, theo các triệu chứng mô tả trong các tài liệu thì ngày nay người ta đoán có thể ông bị ung thư đại tràng. Yushi rời chùa về chăm sóc cho ông. Sang đầu tháng hai dương lịch năm 1831, Yushi báo tin với Teishin là Ryokan ốm nặng, bà cấp tốc đến ngay để giúp Yushi hầu hạ Ryokan. Nhưng cũng vào lúc đó thì chùa lại cho gọi Yushi về để chuẩn bị lễ nguyên đán. Teishin phải ngày đêm một mình chăm sóc cho Ryokan. Ông không chịu uống thuốc và cũng không còn ăn uống gì được nữa, tuy thế ông vẫn cố gắng làm thơ để đáp lại những vần mà Teishin sáng tác và đọc lên cho ông nghe. Những vần thơ trao

đôi này không ai hay biết cho đến ngày Teishin cho xuất bản tập thơ “Giọt sương trên cánh hoa sen” bốn năm sau đó. Mừng 4 tháng giêng (16 tháng 2 dương lịch), tức sau ba ngày Tết thì Yushi lại quay về để phụ giúp Teishin. Đến chiều mừng 6 (18 tháng hai dương lịch, 1831) thì Ryokan trút hơi thở, gối đầu trên cánh tay Teishin, bên cạnh có Yushi và người nông dân hàng xóm là Kimura Motouemon, người đã cấp cho Ryokan túp lều trong ngôi làng Shimazaki. Lễ hỏa táng được tổ chức vào ngày mừng 8, có hơn một ngàn người từ các làng mạc và thôn xóm trong vùng đến tham dự.

Năm 1834, người em của Ryokan là Yushi cũng qua đời lúc 72 tuổi.

Năm 1835, Teishin hoàn tất tập thơ “Giọt sương trên cánh hoa sen”, phần đầu gồm một ít thơ của Ryokan và phần sau là những vần thơ trao đổi giữa bà và Ryokan. Sau khi Ryokan chết, Teishin dạo hỏi khắp nơi, đi tìm những người còn cất giữ thơ của Ryokan để góp nhặt và sưu tập để lưu lại sau này. Teishin mất vào năm 1872, thọ 74 tuổi.

*Riêng Ryokan thì ông không để lại gì cả:*

*Ryokan ni NẾU NHỮNG AI MUỐN HỎI*

*Jisei aru ka to Ryokan có lưu lại một lời  
cuối cùng nào*

*Hito towaba cho thế gian này?*

*Namu Amida Butsu Thì cứ bảo với họ rằng:*

*To iu to kotaeyo Nam-Mô A-di-Đà Phật*

*Nhưng thật ra ông đã để lại cho chúng ta thật nhiều:*

*Gia tài nào*

*Tôi để lại?*

*Là hoa nở lúc mùa xuân*

*Tiếng con chim cu khi vào hạ*

*Chiếc lá phong rục đỏ*

*Của mùa thu...*

---o0o---

## **2. Xuất gia**

Năm mười bảy tuổi cậu Eizo thôi học và được cha đưa vào tập sự ở ủy ban hành chánh xã để chờ sau này giữ chức xã trưởng theo truyền thống gia đình. Nhưng trước những cảnh tranh chấp, thừa kiện, thuế má, dối gạt, kẻ cả mưu mẹo và những áp lực từ các cấp bậc hành chính bên trên đã làm cho Eizo khiếp sợ. Tất cả những thứ ấy chỉ đem đến khó khăn và hoang mang thêm cho sự sống, làm cho con người càng vương mắc thêm và không thể nào tìm thấy lối thoát.

Chiều hôm đó từ xã về, cậu ra vườn ngồi thiền thờ và nhìn ra khơi. Hòn đảo Sado, quê của mẹ cậu hiện ra ở chân trời trong bóng hoàng hôn đỏ thắm. Cậu nghĩ rất nhiều đến thân phận của cha mẹ cậu và trách nhiệm của chính mình. Bỗng tiếng chuông quen thuộc của ngôi chùa Kosho trong làng ngân vang, ý nghĩ đi tu có sẵn từ ngày bé chợt hiện hiện trở lại trong đầu. Cái ý nghĩ xuất gia cùng với tiếng chuông ngân vang thấm rất sâu vào tâm hồn cậu. Đêm hôm ấy Eizo không ngủ được và suy nghĩ rất nhiều.

Sáng sớm hôm sau, đúng vào ngày 18 tháng 7 âm lịch (cuối tháng 8 dương lịch, năm 1775), cậu đến thẳng ngôi chùa Kôshôji tìm vị thượng tọa trụ trì là Genjô Haryô để xin xuất gia. Vị thượng tọa hết sức bất ngờ, hạch hỏi cậu đủ mọi điều, đồng thời cũng cho cậu biết là việc xuất gia đòi hỏi rất nhiều hy sinh, rất cực khổ và phải thật chuyên cần. Sau khi hạch hỏi và cảnh giác cậu, vị sư trụ trì đã nhìn thấy quyết tâm của Eizo và hỏi thêm như sau:

– Nhưng cháu đã hỏi ý kiến của cha mẹ chưa?

– Thưa Thầy chưa, nhưng không có bất cứ một lý do nào có thể làm thay đổi được quyết tâm của con.

Vị trụ trì có nói gì thì cậu cũng không nghe, nhất định van xin ở lại chùa, dù có được nhận xuất gia hay không, vì cậu nghĩ rằng “thiên hạ trở thành người tu hành để thiên định, còn cậu thì nhất quyết thiên định trước đã, việc trở thành người tu hành sẽ tính sau”.

Tiếng đồn lan nhanh, khắp làng ai cũng biết. Mẹ cậu bàng hoàng và hốt hoảng, tất tả chạy lên chùa. Khi thấy Eizo đang ngồi trước mặt Thầy, yên lặng và bình thản, im lìm như một pho tượng, tim bà se thắt lại, bà đứng khựng và cúi đầu, không thốt được một lời nào. Chính Eizo cất tiếng trước với mẹ:

– Thưa mẹ, không có một lý do nào có thể bào chữa cho hành vi của con, nhưng con vẫn xin mẹ hãy tha thứ và cho phép con được bước theo con đường mà con đã chọn.

Nhìn thấy nét lo âu và bàng hoàng trên gương mặt mẹ, Eizo bật khóc, nước mắt ràn rụa, cậu chấp tay mọp xuống để lạy mẹ. Lúc đó mẹ cậu mới đủ can đảm để cất lời với cậu:

– Này con, cho mẹ xin, con đừng lạy mẹ như thế. Con đường con chọn là một con đường rất tốt, con bước vào con đường ấy đâu phải vì con và cho con. Trở thành một người tu hành không có gì cao quý hơn. Khi nào cha con về mẹ sẽ tìm lời giải thích và thay con để xin phép cha.

Bà quay sang nhà sư Genjô nói tiếp:



– Thưa Thầy, con xin Thầy dẫn giắt Eizo bước vào con đường Phật pháp.

Nhà sư Genjô khẽ gật đầu và cất lời:

– Nay Mẹ Eizo, cho Thầy được cảm tạ sự hiểu biết tốt lành ấy nhé.

Nước mắt tiếp tục ràn rụa trên gương mặt của Eizo.

Chùa tổ chức một buổi lễ thật trịnh trọng gọi là lễ xuống tóc (shuke) để cạo đầu cho cậu và một lễ khác gọi là lễ mặc áo (teihatsu-zenne) để khoác lên người cậu một manh áo sa di.

Một cuộc sống mới khắc khổ và kỷ luật mở ra với cậu, hoàn toàn khác hẳn với cuộc sống quý phái trong gia đình cậu trước đây. Cậu phải thức sớm để kéo nước, bõ củi, nhóm bếp..., đó là những công việc gần như bắt buộc đối với một người tu Thiền. Ngoài các công việc ấy cậu cũng phải lau dọn chùa, bần thờ Phật, phụ giúp trong bếp, làm vườn... Tất cả những công việc ấy được xem như những nghi lễ thiêng liêng trong một tu viện Thiền học. Mỗi ngày phải thực hiện những công việc giao phó, thậm trọng trong từng cử chỉ, giữ đúng giờ giấc dù cho trời mưa hay trời nắng, trong những ngày hè nóng bức hay dưới cái rét căm căm của mùa đông. Trước đây cậu chưa bao giờ phải chịu cực khổ như thế, nhưng không ai nghe thấy cậu than thở một lời nào. Thầy của cậu thường nói với mọi người là cậu từ bỏ chức tập sự xã trưởng và đời sống trưởng giả trong gia đình để chấp nhận đời sống khắc khổ của một sa di trong chùa thì quả thật là một quyết tâm đáng khen.

Eizo làm sa di ở chùa Kôshôji được bốn năm, tức đến năm 1779, thì được tặng đoàn công nhận cậu đã hội đủ tư cách một người tu hành, chùa liền tổ chức một buổi lễ gọi là lễ “hội đủ đức hạnh” (tukudo) thăng cho Eizo từ cấp bậc Sa di (Shami) lên cấp bậc Sa môn (Shamon), Thầy của cậu chính thức ban cho cậu Pháp danh là Ryokan. Năm ấy cậu được 21 tuổi.

Cũng trong năm này, có một vị sư già là Dainin Kukonen từ phương Nam lên để trụ trì một khoá tu học tại chùa. Vị sư này trước đây chính là người đã trụ trì ngôi của Kôshôji và cũng là thầy của nhà sư Genjô, tức là vị thầy của Ryokan. Tiếng đồn khắp vùng là có một vị sư khác thường trước đây đã từng trụ trì ngôi chùa Kôshôji, từ chùa Entsu thuộc vùng Tamashima tận phương nam lên giảng dạy. Tăng đoàn ở các chùa trong vùng cũng như nông dân và dân chài đều kéo đến nghe giảng. Có những lời giảng mà Ryokan đã từng nghe đi nghe lại nhiều lần, nhưng khi vị sư già Kukonen thốt lên những lời ấy thì hình như âm hưởng từ lời nói của ông đã làm rung động tâm hồn Ryokan và những người ngồi nghe. Tiếng của ông thật nhân ái và dịu dàng, tràn ngập lòng từ bi vô biên, như đi thẳng vào tâm hồn để xoa

địu những khổ đau trong lòng người nghe. Sau khoá tu học Ryoken rất kính phục và ngưỡng mộ vị sư già Kukonen và xin phép thầy của mình được theo làm đệ tử của vị sư này. Trước khi lên đường Ryoken có về nhà chào cha mẹ, và sau này ông có để lại một bài thơ tả cái phút từ biệt ấy. Đúng như ông tiên đoán, sau này ông không còn dịp nào gặp lại cha mẹ nữa:

*Ý thức được vô thường trong thế gian này, nên tôi rời tổ ấm,  
Bỏ lại mẹ cha và đàn em nhỏ.*

*Chẳng qua cũng giống như một đám mây trôi ngang,  
Giữa những đám mây khác, lang thang và vô định.*

*Tôi ngao du lầy cỏ làm gối,*

*Lúc già biệt mẹ, tôi nói với mẹ rằng:*

*“Biết đâu đây là lần cuối cùng, mẹ con ta nhìn nhau”.*

*Mẹ tôi khóc, nắm lấy tay tôi và nhìn tôi thật lâu.*

*Gương mặt mẹ vẫn còn đó trước mắt tôi.*

*Khi bước vào chào cha, cha nói với tôi rằng:*

*“Con nhớ đừng để cho thiên hạ bảo rằng con từ bỏ thế tục  
một cách vô ích”*

*Tiếng cha tôi vẫn còn văng vẳng bên tai.*

---o0o---

### **3. Con đường Thiền**

Năm 1779, Ryokan được 21 tuổi và được phong sa môn, và cũng vào cuối năm ấy có một vị thiền sư già từ xa đến và lưu lại để thuyết giảng vài hôm. Khi vị sư mới bước chân vào cổng chùa, thì hình như cả một chân trời mở rộng đang hiện ra trước mắt Ryokan, bóng dáng của ông vững chắc như một quả núi làm cho Ryokan có cảm giác được an tâm, được che chở và nương tựa.

Vừa nhìn thấy nhau, hình như tâm thức của ông đã bắt gặp tâm thức tôi, một sự cảm phục lẫn nhau phát hiện, gần như là một thứ xúc cảm của thương yêu và quý trọng, nhưng không vướng mắc một chút bám víu nào.

Sau những ngày nghe giảng và tham thiền dưới sự chủ trì của vị sư này, Ryokan càng thấy quyết tâm của mình rõ rệt hơn và rồi chính Ryokan đã thực sự trở thành bám víu, bám víu vào vị thiền sư xa lạ. Cũng có thể đây là một cái nghiệp đã đưa Ryokan bước vào một khúc quanh khác trên con đường tu tập, vì khi vị thiền sư từ biệt ra đi thì Ryokan nhất định xin theo, cứ nắm chặt lấy tay áo cà-sa của ông và nhất định không buông ra. Vị thầy của Ryokan đành cho phép, và vị sư già cũng nhận Ryokan làm đệ tử và cả hai cùng nhau đi về phương Nam.

Vị sư già tên là Kukonen, trụ trì ngôi chùa Entsuji thuộc vùng Tamashima tận miền Nam nước Nhật, cách ngôi làng của Ryokan hơn một nghìn cây số. Cuộc hành trình thật gian nan kéo dài nhiều tháng, hai thầy trò tuy có dịp thăm viếng nhiều chùa chiền, nhưng đồng thời cũng phải đi qua những nơi lan tràn bệnh dịch, những vùng đói kém, vượt qua những chỗ có nhiều giặc cướp. Trên đường phải tá túc trong các chùa chiền, nhưng cũng có khi phải ngủ giữa trời hay dưới gốc cây trong rừng.

Hai thầy trò mất nhiều tháng để về đến nơi, cả hai gầy nhom và kiệt lực. Đứng trước cổng chùa vị sư già cất lời với Ryokan như sau:

– Con quả là một niềm khích lệ cho ta trước những thử thách vừa qua. Mong rằng cuộc hành trình của một nhà sư phiêu bạt như con vừa thấy sẽ đủ để tượng trưng cho những gì con phải cố gắng kể từ hôm nay cho đến ngày chấm dứt cuộc hành trình của con trên hành tinh này. Con đã sẵn sàng chưa?

– Thưa Thầy, con đã sẵn sàng, dù phải gặp những khó khăn nào đi nữa, con cũng sẽ đi đến đoạn cuối của con đường và con sẽ không bao giờ lỗi hẹn.

Tuy miền Nam nắng âm, bầu trời thường trong trẻo, nhưng không phải vì thế mà Ryokan được hưởng một cuộc sống an nhàn của một người tu hành. Thức dậy vào ba giờ sáng, đi ngủ chín giờ tối, ngoài những buổi ngồi thiền, nào là việc đồng áng, bập núc, vườn tược và tu sửa trong chùa... Về việc tu học thì vị thầy Kukonen không phải là người ưa chuộng lý thuyết, nghiên cứu để chiêm ngưỡng những gì tinh anh và trong sáng của thiền tông, ông lại càng không thích những nghi thức và lễ lạc, kể cả việc say mê khía cạnh thuần lý của triết học.

Kukonen thường lôi Ryokan trở về với sự an bình trong tâm thức, bước vào chốn hoang vu của yên lặng. Hai thầy trò song hành bên nhau như thế cả bên trong tâm thức của hai người và cả trong thực tế của ngoại cảnh bên ngoài. Có những hôm Kukonen dẫn người đệ tử trẻ của mình đi bộ cả ngày dưới ánh nắng như thiêu đốt, đi ngang những nơi um tùm rần rít, bắt gặp muông thú trên đường. Họ chịu khát, chịu đói, có lúc hoa mắt và nhìn thấy những ảo giác khi mệt lã, nhưng tuyệt đối Kukonen không hé môi nói một lời nào. Nếu người đệ tử rút lại phía sau thì hẳn sẽ lạc đường, nếu hẳn cố đi cho nhanh để sớm đến đích thì hẳn sẽ kiệt sức, nếu dừng lại hẳn sẽ chết, nếu hẳn hỏi liên miên thì nước uống mang theo sẽ cạn. Chốn hoang vu không tha thứ và không nhân nhượng một ai cả, những ai bước vào con đường đó phải trông cậy nơi sức lực của chính mình. Chiều về đến cổng chùa, Kukonen mới thốt lên vài lời: “Thật là một ngày tuyệt vời, một ngày thật bình dị!”.

Nhưng những phút giây tuyệt vời nhất của Ryokan là có những hôm xong bữa phật, vào buổi tối được thêm một lúc rảnh rỗi để ngồi thiền. Những giây phút đó không có gì để suy nghĩ, không có gì để chờ đợi, Ryokan lắng chìm trong một sự yên lặng lạ lùng, sự yên lặng mà Thiền học gọi là “tiếng hát của sự giác ngộ lặng im”. Dù những gì xảy đến, cứ xảy đến, người ngồi thiền vẫn cứ ngồi im để lắng nghe tiếng hát vang lừng trong yên lặng mênh mông.

Nhưng thật ra mục đích của người ngồi thiền không phải chỉ để lắng nghe tiếng hát của yên lặng, nhưng để xoá hết những gì của chính mình để trải rộng từ bi đến muôn loài chúng sinh. Tiếng hát không phải vang lên từ bên ngoài mà từ nơi tận cùng của con tim người hành thiền, vì tiếng hát ấy chính là tiếng hát của từ bi.

Suốt mười một năm hai Thầy trò đi bên nhau trong yên lặng, khi già yếu Kukonen giao phó trọng trách hướng dẫn tăng đoàn cho Ryokan, với chức sư trưởng của chùa. Tuy nhiên sau khi thầy Kukonen mất được một năm, Ryokan cũng già từ tăng đoàn để chọn một cuộc sống phiêu bạt, lang thang khát thực hay ẩn dật trong những chiếc am cỏ nơi chốn rừng hoang.

---o0o---

#### 4. Cầu an

Thầy của Ryokan là Thượng tọa Kukonen viên tịch vào năm 1791, lúc ấy Ryokan được ba mươi ba tuổi. Và từ lúc đó, ngoài việc quản lý chùa, Ryokan còn phải hướng dẫn tăng đoàn và tiếp rước Phật tử xin cầu an, cầu siêu và tư vấn đủ mọi chuyện. Quả thật đây là những việc không phù hợp chút nào với ông.

Một hôm có một cụ già đến chùa xin cầu an. Cụ già nói với Ryokan như sau:

– Xin thầy làm lễ cầu an cho tôi. Quan họ thiên hạ thay nhau chết, tôi khiếp sợ vô cùng. Xin thầy làm lễ cầu an để tôi được sống lâu.

– Được, cụ cứ yên tâm, một khoá lễ cầu an thì cũng chẳng khó nhọc gì. Nhưng này, cụ được bao nhiêu tuổi rồi?

– Tôi đã được tám mươi.

– Cụ còn trẻ chán. Có một câu tục ngữ nói rằng từ bé đến bốn mươi hay năm mươi tuổi con người vẫn giống như một đứa hài nhi, từ sáu mươi đến tám mươi mới đúng là tuổi yêu thương.

– Đúng thế, vậy thầy giúp tôi một khoá cầu an thật trịnh trọng nhé.

– Thế cụ muốn sống đến bao nhiêu tuổi?

– Một trăm tuổi có lẽ cũng tạm đủ phải không thưa thầy?

– Tham vọng của cụ quả thật còn quá nhỏ. Nếu sống đến một trăm tuổi thì cụ chỉ còn hai mươi năm nữa thôi, như thế thì quả thật ngắn lắm đấy. Tôi mà cầu an thì linh ứng vô cùng, đúng một trăm tuổi thì tất cụ sẽ chết.

Cụ già bỗng hoảng hốt, sợ hãi hiện lên nét mặt, cụ run run nói với Ryokan:

– Nếu thế thì xin thầy cố gắng cầu an cho tôi sống đến một trăm năm mươi tuổi nhé.

– Cũng được thôi, nhưng hiện nay cụ đã tám mươi, thế thì cụ đã đi được hơn một nửa đoạn đường mà cụ muốn sống. Cụ có biết rằng nửa đoạn đường đầu tiên thì giống như trèo lên núi, vì thế phải ra sức rất nhiều và cũng mất nhiều thì giờ, nhưng nửa đoạn đường còn lại toàn là đồ dốc, nhanh lắm đấy? Nếu mà tuột dốc thì bảy mươi năm còn lại của cụ sẽ vụt qua như một giấc mơ mà thôi.

– Thế thì xin thầy cầu an cho tôi sống đến ba trăm tuổi vậy.

Ryokan đáp lời cụ già như sau:

– Tham vọng của cụ bé quá, chỉ vòn vẹn có ba trăm năm hay sao?

Người xưa bảo rằng loài hạc sống đến một vạn năm. Súc vật còn sống lâu đến thế, huống chi là người, có thật là cụ chỉ muốn sống có ba trăm năm hay sao?

– Nhưng sống được đến đây cũng là khó lắm rồi. Thế thầy cầu an cho tôi sống nhiều nhất được bao nhiêu tuổi?

– Hỏi như thế có nghĩa là cụ không muốn chết, có đúng vậy không? Sao cụ lại chỉ biết nghĩ đến một mình cụ như thế .

– Nhưng làm thế nào bây giờ? Thôi, thầy cứ cầu an cho tôi được sống mãi chẳng bao giờ phải chết.

– Cũng được, nhưng khó lắm đấy và phải kiên nhẫn vì mất nhiều thì giờ lắm.

Cụ già liền đáp:

– Khó cách mấy tôi cũng cố gắng, mất bao nhiêu thì giờ cũng được.

– Thế thì cụ tập đọc kinh với tôi ngay hôm nay xem sao và sau đó thì mỗi ngày cụ đến đây để tôi dạy cụ ngồi thiền và tụng niệm. Nếu cụ cố gắng và chuyên cần thì đến một ngày nào đó cụ sẽ cảm thấy mình không còn chết nữa.

Kết cuộc là Ryokan đã mượn sự sợ hãi cái chết của cụ già để hướng cụ bước vào con đường Thiền. Tuy nhiên người ta cũng có thể tự hỏi Ryokan có nói dối với cụ già về sự bất tử hay không? Nếu thật sự ta hiểu Thiền là gì thì ta sẽ không cho rằng Ryokan đã nói dối, vì đối với Thiền ta đang chết trong từng giây khắc một và ta cũng đang sinh ra trong từng giây khắc một. Mỗi khoảnh khắc của thời gian tuy tiếp nối nhau nhưng đồng thời cũng độc lập với nhau, khi ta nắm bắt được từng khoảnh khắc của thời gian ta sẽ cảm nhận được hiện thực. Cảm nhận được hiện thực tức là vượt ra khỏi yếu tố của thời gian, vượt lên trên cái sống và cái chết. Ryokan tin rằng một ngày nào đó, cụ già sẽ ý thức được việc ấy và thực hiện được việc ấy, tức cảm nhận được bản-thể-của-Phật sẵn có trong lòng cụ.

---o0o---

### **5. Một nhân chứng**

Kera Shukumon (1755-1819) là xã trưởng ngôi làng Makigahana nằm dưới chân núi Kugami, ngôi làng mà Ryokan thường đến khát thực. Vị này là một Phật tử rất thành tâm và rất mê say thi phú, vì thế ông đã làm bạn với Ryokan. Kera Shukumon nhờ Ryokan chép cho ông một bản Diệu pháp Liên hoa Kinh. Theo truyền thống bảo tồn Phật pháp thời bấy giờ, Kera Sukumon đem bản kinh ấy cất vào một cái hũ và đem chôn trước nhà nơi ông ở để cầu phúc và đem đến an lành cho gia đình. Bên trên nơi chôn dấu bản kinh Liên hoa thì đặt một khối đá lớn, trên khối đá lại đặt thêm pho tượng Bồ-tát Địa Tạng. Thỉnh thoảng ông mời được Ryokan đến ngụ tại nhà một vài hôm để ông hầu tiếp.

Con của ông là Kera Yoshishige (1810-1859) lúc đó còn bé và thường nhập bọn với đám trẻ con trong làng để nô đùa và ném bóng với Ryokan. Khi người cha mất vào năm 1819 thì cậu bé Yoshishige mới 9 tuổi nhưng không bao giờ quên những ngày Ryokan đến nhà cậu, Ryokan lúc đó đã 61 tuổi. Sau này khi lớn lên cậu sưu tập tài liệu, tìm lại những kỷ niệm và di cảo còn giữ trong gia đình và hỏi thăm những người lớn tuổi để viết lại tiểu sử của Ryokan và những giai thoại trong cuộc đời của ông. Quyển sách được viết vào khoảng năm 1845 hay 1846, tựa là “Ryokan zenji kiwa” (“Những chuyện kỳ thú trong cuộc đời của thiền sư Ryokan”), quyển sách này là một trong những nguồn tài liệu quý giá về cuộc đời của thiền sư Ryokan. Trong quyển sách ấy có một đoạn như sau:

*“Vị Thầy quả thật không giống với một ai cả. Tuy không có ai lại không nhìn thấy cái tâm thức vượt bậc của ông, nhưng thật ra thì tất cả mọi người lại bị thu hút mạnh hơn bởi một cái gì đó thật dịu dàng và êm ả thoát ra từ con người của ông.*

*Có một lần ông lưu lại trong gia đình chúng tôi vài hôm. Buổi tối khi hàn huyên, lời ông thốt ra thật tinh khiết, hình như trực tiếp thoát ra từ tim ông. Ông không giảng gì cả về Phật pháp, cũng không nói chuyện văn chương, những lời dạy bảo về đạo đức lại còn hiếm hoi hơn nữa. Tuyệt nhiên ông không nói đến những chuyện ấy. Có hôm ông vào bếp nhóm lửa, có hôm lại ngồi thiền rất lâu trong phòng khách. Luôn luôn bình thản và thư giãn, cái dịu dàng thoát ra từ con người ông lây sang cả mọi người chung quanh. Mỗi khi ông hiện ra, khung cảnh vụt trở nên êm dịu lạ thường. Mỗi người trong gia đình đều cảm thấy trong lòng phát hiện một sự hài hoà sâu xa toả lộ ra bên ngoài, cái không khí hài hòa đó vẫn tiếp tục tỏa rộng trong không khí gia đình dù rằng ông đã ra đi từ nhiều ngày trước đó. Thật là một điều hết sức khó để giải thích”.*

---o0o---

## **6. Cửa hiệu bán mì và nước tương**

Trong thôn Nagaoka gần làng Izumozaki có một cửa hàng bán mì sợi (miso) và nước tương. Người chủ quán tên là Denbei, rất say mê bút pháp của Ryokan, nhưng không dám xin, hoặc cũng không mấy khi có dịp để xin và cũng chưa chắc đã xin được, vì nhiều người nài nỉ và chạy theo Ryokan, ông không thể nào viết xuể hoặc có khi ông bảo rằng ông quên cả các chữ mà họ muốn ông viết. Thật vậy, viết thư pháp thông thường phải tập trung tâm thức, sức mạnh và sinh khí, đầu phải cứ cầm bút là viết được.

Người chủ quán nghĩ ra một kế, anh ta tự viết lấy nhãn hiệu của quán và cố tình viết thật vụng về rồi treo ở cửa. Một hôm Ryokan đi khát thực ngang đây, anh chủ quán chạy ra cố van nài Ryokan bước vào nhà và anh đã nói với ông như sau:

– Thưa ngài, quán của con mới mở được ít lâu, nhưng ít khách quá, có lẽ vì bảng hiệu vụng về. Ngài giúp con viết mấy chữ may ra có thể giúp thiên hạ chú ý đến cái quán của con. Ông do dự một tí rồi bảo người chủ quán mang giấy mực cho ông. Người chủ quán đem ra hai tờ giấy và nghiên mực mài sẵn, Ryokan giữ yên lặng vài phút để tập trung sự trầm tĩnh và viết lên hai tờ giấy: “Tiệm bán mì và nước tương”.

Một thời gian sau, có một vị viết thư pháp là Kameda Bosa, cũng là bạn của Ryokan, đi ngang đây và thấy nhãn hiệu của cửa tiệm, ông liền bước vào và gọi anh chủ quán ra rồi chỉ vào bảng hiệu của tiệm và hỏi:

– Có phải đây là thủ bút của nhà sư Ryokan không?

Anh chủ quán Denbei rất hãnh diện và trả lời rằng:

– Đúng thật như thế, đấy là thủ bút của Ryokan.

– Nay tôi bảo cho ông biết nhé, những tờ thư pháp như thế không phải để treo bên ngoài cửa hiệu. Nó là của vô giá đấy, phải quán lại để giữ gìn trong nhà. Ta viết cho chữ khác.

Denbei mừng lắm, đem giấy mực ra và Bosa viết cho tấm bảng hiệu khác: “Tiệm bán mì và nước tương”.

Vài năm sau đó, có một nhà thư pháp nổi danh là Maki Ryôkô từ thủ đô Edo về thăm làng quê của ông ở Echigo, và tình cờ đi ngang đấy. Ông thấy tấm bảng hiệu của quán, liền bước vào để gọi người chủ để hỏi:

– Có phải tấm bảng hiệu ngoài cửa là do vị thầy thư pháp là Kameda Bosa viết hay không?

Anh chủ quán liền đáp ngay:

– Đúng thế, đúng thật như thế, đấy là thủ bút của thầy Bosa.

– Nay ta bảo cho mà biết, không nên treo một tác phẩm như thế ở ngoài cửa. Dem vào nhà mà cất cho cẩn thận. Đưa giấy mực ra đây ta viết cho tờ khác.

Denbei mừng lắm, hối hả đem giấy mực ra. Miki Ryôkô phóng bút và viết: “Tiệm bán mì và nước tương”.

Nhiều năm sau đó, lại đến lượt một nhà thư pháp nổi danh khác là Tomikawa Taikui đi ngang tiệm và cũng giật mình vì cái bảng hiệu treo lủng lẳng trước cửa. Ông bước vào cửa hiệu và hỏi to lên rằng:

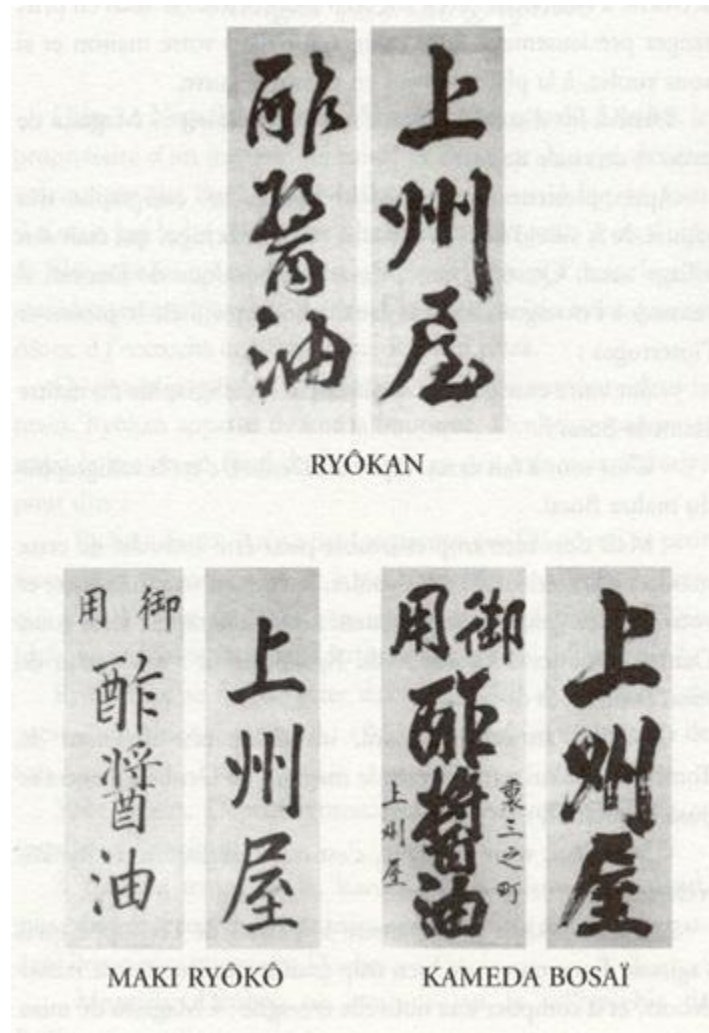
– Nay cái bảng hiệu ngoài kia có phải là thủ bút của Ryôkô hay không?

Taikui lại thuyết phục Denbei đem cất cái tác phẩm ấy đi để ông viết cho tấm khác: “*Tiệm bán mì và nước tương*”

Nhờ thế mà anh chủ quán bán mì sợi và nước tương có bốn tờ thủ bút của bốn nhà thư pháp danh tiếng nhất của nước Nhật thời bấy giờ. Ngày nay cả bốn tấm bảng hiệu “Tiệm bán mì và nước tương” người ta vẫn còn giữ được và đã trở thành gia tài văn hoá của nước Nhật.

Câu chuyện trên đây chỉ là một trong vô số giai thoại về những mẹo vặt mà người đương thời tìm cách để xin thủ bút của Ryokan. Tuy nhiên câu chuyện được chọn lọc không phải vì mục đích đề cao cái khôn khéo và mưu mô của một người chủ quán, nhưng cố ý nêu lên sự khiêm tốn và nhún nhường của những kẻ thực tài, họ chỉ nhìn thấy giá trị và sự tuyệt vời nơi kẻ khác, cũng giống như những vị Bồ tát đã quên cả chính mình và chỉ nhìn thấy cái Phật tính nơi tất cả chúng sinh để trân quý và ngưỡng mộ.





Ba tấm bảng hiệu “ Tiệm bán mì và nước tương ” do Ryokan, Bosai và Ryôkô viết (bảng thứ tư do Tomikawa Taikui viết không tìm thấy trong các tài liệu hiện có khi viết bài này).

---o0o---

### ***7. Giọt nước mắt***

Ngôi làng Izumosaki, nơi sinh trưởng của Ryokan, vào những năm sau này đã trở nên đông đúc và đổi thay nhiều. Người em út của Ryokan là Yushi làm xã trưởng phải từ chức vì dân làng không vừa lòng, khiến gia đình ngày càng nghèo túng, nhất là từ khi vợ ông qua đời trước đó không lâu. Tuy Ryokan sống ẩn dật trong núi rừng, nhưng cũng thương xót cho thân phận của người em và thỉnh thoảng hay viết thư thăm hỏi.

Yushi có một đứa con trai tên là Umanosuke mà ông đã đặt hết hy vọng là sau này sẽ kế nghiệp ông để bảo tồn truyền thống và phong cách gia đình. Thật vậy, gia đình Ryokan chỉ có bốn người con trai, hai người em của Ryokan về sau cũng đi tu. Một người trụ trì một ngôi chùa lớn, ông rất giỏi về văn chương và thi phú nhưng đã chết lúc vừa ba mươi tuổi. Người thứ hai cũng là một nhà sư thi sĩ nổi tiếng, đã từng được đích thân hoàng đế Nhật bản yêu cầu ông làm thơ, và vị này cũng đã mất lúc mới hai mươi bảy tuổi. Chỉ có Yushi lập gia đình và giữ chức vụ xã trưởng, nhưng không may người con trai là Umanosuke lại là một đứa trẻ vị thành niên ngộ nghĩnh và hư hỏng. Họ hàng rất lo buồn và có người nảy ra ý định nhờ Ryokan khuyên nhủ và dạy dỗ cho Umanosuke. Họ dò hỏi và tìm được Ryokan.

Khi nghe câu chuyện hư hỏng của cháu, Ryokan rất đau buồn và vì thương em nên đã quyết định rời am vài hôm để về làng xem sao. Ngày đầu tiên về nhà người em, Ryokan không nói một lời nào cả. Hôm sau, họ hàng đến thăm và xì xầm với nhau rằng: “Nhất định hôm nay Ryokan sẽ giảng cho thằng Umanosuke một bài học”, nhưng rồi ông vẫn tiếp tục giữ yên lặng và không hé môi một chút nào cả. Sang ngày thứ ba, mọi người lại hy vọng Ryokan sẽ ngỏ lời khuyên bảo đứa cháu, nhưng Ryokan lại vẫn bình thản và yên lặng.

Sáng ngày thứ tư, Ryokan chuẩn bị trở về am và trước khi đi ông chấp tay cáo biệt từng người rồi bước ra phía cửa. Ông cúi xuống cầm hai chiếc dép rom, ngồi vào một chiếc ghế và quay lại nói với Umanosuke rằng:

*“Này Umanosuke, con đừng phiền Bác nhé, con giúp Bác buộc lại đôi dép được không? Bác đã già rồi, sáng hôm nay Bác không khom xuống được để buộc dép”.*

Mọi người chờ đợi phản ứng vô lễ của Umanosuke, thì bất ngờ trước những lời nói ôn hòa và dịu dàng của Ryokan, Umanosuke đã quỳ xuống đất để buộc dép cho Ryokan. Bỗng nhiên cậu cảm thấy có gì ươn ướt trên gáy, đưa tay sờ cổ và ngẩng đầu lên, cậu chợt nhận thấy gương mặt của Ryokan chan hòa nước mắt. Ông đã khóc và một giọt nước mắt đã vô tình rơi lên gáy của Umanosuke. Cậu ta cúi xuống tiếp tục buộc dép. Ryokan đứng lên và lặng lẽ ra đi, không nói thêm một lời nào nữa.

Nhưng từ đó, gương mặt nhạt nhòa với đôi mắt tràn đầy từ bi và giọt nước mắt của Ryokan đã hoàn toàn biến cải Umanosuke. Cậu bé bỗng nhiên trở nên ngoan ngoãn và hiền lành, khiến cho gia đình và cả làng ai cũng mến yêu, nhất là cậu lại chịu khó học hành. Sau khi con thành đạt thì Yushi cũng cáo đầu đi tu. Thế là cả bốn anh em trai trong gia đình đều xuất gia. Sau này, khi

Yushi qua đời được vài năm thì Umanosuke được dân làng đề cử lên làm xã trưởng, giữ chức vụ giống như cha và ông nội của cậu khi xưa.

Lúc Ryokan hấp hối, ngoài ni sư Teishin, chỉ có Yushi và một người nông dân hàng xóm là Motouemon là những người thân chứng kiến những phút giây cuối cùng của đời ông.

---o0o---

### ***8. Teishin và những vần thơ trao đổi***

Teishin sinh vào năm 1798 trong một ngôi làng nhỏ tên là Nagaoka trong một gia đình thuộc dòng họ Okumura, tên cha mẹ đặt cho là Masu. Mẹ của Teishin sau khi sinh thì qua đời.

Vào năm 1814 hay 1815 thì không được rõ lắm, lúc ấy cô bé Masu của ngôi làng Nagaoka đã trở thành một người con gái của lứa tuổi mười sáu hay mười bảy, cô có tiếng rất xinh và rất mực thông minh, gia đình đem gả cô cho một y sĩ tên là Seki Chôn. Nhưng sau đó vào năm 1819, thì Masu ly dị hay trở thành goá bụa thì không có tài liệu nào ghi chép đích xác, người ta chỉ biết là bà đã quay về sống với cha trong gia đình.

Sang năm sau tức vào năm 1820, bà quyết định xuất gia và đi tu trong một ngôi chùa thuộc Thiên phái Tào Động ở Kashiwazaki, một thôn nhỏ bên bờ biển cách xa quê bà gần 50 kilômét về phía Tây nam, với pháp danh là Teishin. Vào những năm sau khi vào chùa bà có nghe đồn về một nhà sư ẩn dật làm thơ rất hay tên là Ryokan và bà mong có dịp gặp được nhà sư này. Cũng không biết trong dịp nào bà đã quen với một người phụ nữ tên Yu, lớn hơn bà vài tuổi, bà này là con dâu của Yushi và Yushi lại là em trai của Ryokan. Bà Yu có kể chuyện về người Bác chồng là Ryokan cho Teishin nghe, nhưng có lẽ không có dịp nào đưa Teishin đến gặp Ryokan, vì bà Yu qua đời rất sớm sau đó, vào năm 1825. Lúc ấy Ryokan còn sống ẩn dật nơi chiếc am Otogo trong khu rừng Kugami.

Năm 1826, người cha của bà Teishin qua đời. Năm ấy Ryokan đã sáu mươi tám tuổi và sức khoẻ đã kém nhiều, ông rời bỏ chiếc am cỏ trong khu rừng Kugami để về sống trong một túp lều ở bìa làng Shimazaki, do một nông dân khá giả tên là Kimura cấp cho ông.

Năm 1827, bà Teishin được hai mươi chín tuổi, và cũng vào mùa thu năm ấy bà đã gặp Ryokan. Tình bạn và sự tương kính phát sinh giữa bà và nhà sư Ryokan, họ trao đổi thi phú với nhau. Ngôi chùa của bà Teishin ở cách làng Shimazaki khá xa, nên không mấy khi hai người gặp nhau và họ chỉ biết làm thơ để gửi cho nhau.

Năm 1831, Ryokan qua đời lúc ông được bảy mươi ba tuổi. Bốn năm sau vào năm 1835, Teishin hoàn tất tập thơ “Giọt sương trên cánh hoa sen” (“Hachisu no tsuyu”), gồm một ít thơ của Ryokan và của bà.

Năm 1841, bà được bốn mươi ba tuổi và được chính thức thụ phong thiền sư qua một nghi lễ gọi là tokudo, chứng nhận bà đã đủ tư cách làm một vị thầy. Sau đó bà được cử đến trụ trì ngôi chùa Shakado. Nhưng vào năm 1851 chùa bị hỏa hoạn, bà lại chuyển sang tu ở chùa Fuguan.

Vào năm 1872, đúng vào ngày 11 tháng 2 âm lịch (cuối tháng 3 dương lịch) bà qua đời, năm ấy bà được bảy mươi bốn tuổi và đã để lại một tập thơ hơn 550 bài, tựa là “Moshihogusa”, tạm dịch là “Rong rêu của muối”. Bà chọn một bài thơ di chúc (jisei no ku) tượng trưng cho đời mình, đó là bài thơ haiku cuối cùng mà bà đã làm và đọc lên cho Ryokan nghe trước khi ông nhắm mắt trên cánh tay bà:

*Những gợn sóng ngoài khơi  
Chúng đến gần  
Rồi lại ra xa*

Trên đây là cách dịch theo các bản thường thấy đã được chuyển dịch sang các ngôn ngữ Tây phương, nhưng nếu dịch một cách từ chương hơn, đúng với bài thơ gốc trong quyển “Giọt sương trên cánh hoa sen” thì sẽ như sau:

*Hình như chúng đến gần bao nhiêu  
thì chúng lại ra xa bấy nhiêu  
những gợn sóng ngoài khơi.*

Dịch từ chương thì kém thi vị nhưng có lẽ đúng với xúc cảm của bà hơn: Ryokan rất gần và đang gói đầu lên cánh tay của bà, nhưng nếu càng gần bao nhiêu thì chính lúc ấy lại là lúc càng xa bấy nhiêu.

Dưới đây là một bài thơ của Ryokan trong tập “Giọt sương trên cánh hoa sen” do bà Teishin sưu tập:

*Suteshi mi wo Như thế đó tôi từ già  
ikani to tohaba thế giới này, hình như  
hisakata no trong cõi mệnh mong đó,  
ame huraba hure mưa vẫn còn đầy để mưa rơi,  
kaze hukaba huke gió vẫn còn đầy cho gió thổi.*

Sau đây là một đoạn trích từ lời tựa của tập thơ “Giọt sương trên cánh hoa sen” do chính bà Teishin viết:

“.....

*Thơ của Ryokan bị phân tán khắp nơi, giống như những cành khô chôn vùi*

*trong khe suối và thật đáng tiếc nếu những vần thơ ấy sau này sẽ mai một đi trong quên lãng, vì thế tôi đã dò hỏi và tìm kiếm khắp nơi để gom thành tập, góp chung với những bài thơ mà chúng tôi đã trao đổi với nhau trong khoảng thời gian trước đây khi tôi ghé thăm tác giả nơi túp lều ẩn dật của ông, tôi chép lại những bài thơ ấy vào quyển sách này. Đây là kỷ niệm của một vị thầy mà tôi luôn luôn giữ bên mình để đọc khi cần, những bài thơ ấy mang tôi trở về một thời quá khứ thiết tha nhất của tôi!”.*

(Viết vào năm thứ 6 triều đại Tenpô (1835), ngày mùng một tháng năm, Teishin)

---o0o---

### **9. Ryokan và Teishin**

Teishin và Yu là hai người bạn gái thân nhau từ lâu, Yu là vợ của Umanosuke, con trai của Yushi và Yushi lại là em ruột của Ryokan. Mỗi khi gặp nhau, Yu thường kể cho Teishin nghe những mẩu chuyện kỳ thú về người bác chồng là Ryokan. Tuy chưa được gặp lần nào nhưng qua các câu chuyện do Yu kể, Teishin hết sức kính phục Ryokan. Yu thì rất ngưỡng mộ Teishin vì sắc đẹp và trí thông minh của bà. Theo Yu thì “đôi mắt của Teishin trong vắt, nước da trắng, tầm vóc trung bình và dáng người thật quý phái”. Yu qua đời sau đó vào năm 1825, khi mới ba mươi bốn tuổi, lúc ấy Ryokan vẫn còn sống ẩn dật trong vùng rừng núi Kugami, và có lẽ cũng vì thế mà Yu không có dịp nào đưa Teishin đến gặp Ryokan.

Năm 1826, khi Ryokan được sáu mươi tám tuổi thì sức khỏe đã kém nhiều. Ông buộc lòng phải rời bỏ chiếc am Otogo để dọn về một túp lều tranh trong ngôi làng Shimazaki, do một người nông dân tên là Kimura cung cấp. Người nông dân này rất mến mộ và kính phục ông.

Teishin vẫn thường nghĩ đến Ryokan và hy vọng có dịp gặp ông để học hỏi thêm về Phật pháp và các phương pháp thiền định. Một hôm vào năm 1827, bà tìm đến nhà của người nông dân Kimura để hỏi thăm, nhưng hôm ấy Ryokan lại không có nhà. Có lẽ lúc đó vào mùa hè và Ryokan đang tá túc trong ngôi chùa Mitsuzôin ở Teradomari. Teishin có khâu sẵn một quả bóng ném để làm quà tặng cho Ryokan, nhưng vì không gặp ông nên bà viết một bài thơ lên quả bóng và gửi lại. Bài thơ như sau:

*Vui chơi trên con đường của Phật  
đưa tay đánh quả bóng liên hồi  
phong phú thay  
trong hai tay gặt hái  
tôi đoán chắc không sai*

Bước sang mùa thu thì Ryokan trở về và nhận được quà của Teishin, ông liền viết một bài thơ như sau để mời bà đến thăm:

*Đánh tay vào quả bóng để thấy rằng*

*1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10*

*đến mười*

*thì ta lại đếm lại*

Đánh tay tung quả bóng lên không để nhắc đến món quà của Teishin. Đếm là một phương pháp chú tâm của Thiền học và cũng tượng trưng cho sự vô tận. Khi đếm đến 10 thì đếm lại, giản dị như sự xoay vần trong sự sống, và đây cũng là lời mời Teishin cứ quay lại để gặp ông.

Trong Thiền học Nhật bản có câu I shin den shin, có nghĩa là dĩ tâm truyền tâm, có thể đây là những gì duy nhất mà người ta cho rằng hai người đã trao đổi với nhau. Ryokan nhận lấy “cái gánh nặng của yêu thương” để trao lại cho Teishin những gì “tinh khiết và trong sáng nhất” trong lòng ông. Những xúc cảm ấm áp đó là một sức mạnh, một sức mạnh thoát ra từ bản năng, thấm sâu vào tiềm thức và trái tim của con người. Lòng yêu mến của một người thầy đối với đệ tử là một động lực mang đến quyết tâm, rộng lượng và hân hoan. Đó là những gì thật cần thiết trên đường tu tập, nhất là con đường của Thiền. Để có thể đi suốt con đường, lắm khi mỗi người trong chúng ta cũng cần đến một sức mạnh nào đó.

Teishin đã dành một phần lớn cuộc đời tu tập của mình để tìm kiếm và gom góp những bài thơ của Ryokan, nhờ thế mà hôm nay chúng ta cũng gián tiếp được thừa hưởng một chút sức mạnh đó trong tim bà. Nếu Ryokan đã đi hết con đường của ông, thì Teishin cũng đã đi trọn con đường của bà. Yên lặng như một gợn sóng lặn xa, Teishin nhắm mắt trong một ngôi chùa khi bà được bảy mươi bốn tuổi.

*Đến gần bao nhiêu*

*Thì lại lặn xa bấy nhiêu*

*Những gợn sóng ngoài khơi*

Di chúc của đời bà vốn vẹn chỉ có ba câu thơ haiku trên đây, để hồi tưởng lại một gợn sóng tràn lên bãi cát và đã lặn xa, lặn xa từ lâu rồi, từ bốn mươi lăm năm về trước, tuy rằng gợn sóng đã xoá mất vết chân của thời gian trên cát nhưng vẫn còn lưu lại trong lòng bà một sức mạnh. Cái sức mạnh ấy có thể là một sức mạnh tàn phá, đày đọa và buộc chặt con người trong thế giới luân hồi, nhưng cũng có thể biến thành một sức mạnh thiêng liêng mở ra một thế giới vô biên của giải thoát, một sức mạnh đưa một gợn sóng cuối cùng ra xa, lặn thật xa và hoà mình vào đại dương mênh mông. Thiền sư Deisetz Teitaro Suzuki có viết như sau: “Người ta thường bảo rằng tất cả mọi

vật thể, kể cả vật chất, đều hàm chứa bản-thể-của-phật, tức là Phật tính, nhưng chỉ có con người mới thực hiện được cái bản thể ấy”. Một trong những sức mạnh có thể giúp con người thực hiện được cái bản thể ấy chính là lòng yêu thương.

Đề đánh dấu buổi gặp gỡ đầu tiên, Teishin đã viết như sau:

*Tương ngộ hạnh phúc này,  
Có phải chỉ là mơ?  
Trong cái giấc mơ ấy,  
Tôi mong rằng, chẳng bao giờ tỉnh giấc.*

Thơ đáp lại của Ryokan:

*Đấy chỉ là một giấc mơ,  
Khi mà chúng ta đang ngủ mê trong thế giới của ảo mộng.  
Nói đến giấc mơ, cũng đã là một giấc mơ rồi.  
Đã là mơ, thì cũng chỉ là một giấc mơ thôi.*

Teishin ước mơ cuộc hội ngộ với Ryokan sẽ trở thành vô tận:

*Chớ bao giờ hỏi trăng,  
Phải từ biệt lúc nào.  
Cứ đối mặt nhìn nhau,  
Cho đến phút thiên thu.*

Ryokan đáp lại như sau:

*Dây hoa đại quần cao,  
Không bao giờ đứt đoạn.  
Với tâm lòng son sắt,  
Cứ nhìn nhau cho đến mãi thiên thu.*

Một hôm Teishin đến thăm, nhưng Ryokan vắng nhà, Teishin để lại một bài thơ như sau:

*Đến thăm, không có ai,  
Chỉ thấy một cành sen,  
Im lìm hương ngát tỏa,  
Một đài hoa trang nghiêm.*

Sau đó Teishin nhận được bài thơ hồi đáp như sau:

*Đón chờ ai,  
Chẳng có gì,  
Ngoài cánh sen đang nở.*

*Cứ giữ làm kỷ vật,  
Kỷ vật này của tôi.*

Khi bệnh tình của Ryokan có vẻ đã nguy kịch, em của ông là Yushi cho người nhắn với Teishin. Lúc đó bà ở cách xa làng Shimazaki nhiều ngày đường, nhưng nghe tin liền vội vã đi ngay. Khi Teishin đến, Ryokan viết một bài thơ như sau:

*Khi nào? Cho đến khi nào đây?  
Đã từ lâu ta chờ.  
Bỗng hôm nay vụt đến, ta được thấy tận mắt...  
Còn ước vọng nào hơn?*

Và trong những giây phút cuối cùng, Teishin đã thốt lên rằng:

*Dù không còn vướng mắc,  
Trong sự sống và cái chết.  
Nhưng đau buồn biết mấy,  
Những giây phút chia ly.*

---o0o---

## LỜI CUỐI SÁCH

Có lẽ chỉ có một thiền sư mới hiểu được một thiền sư, nhất là đối với một thiền sư khác thường như Ryokan, vậy ta hãy lắng nghe một trong những đại thiền sư trong thời cận đại là D.T. Suzuki (1870-1966) đã nhận xét như thế nào về Ryokan. Trong một buổi thuyết trình trước Hiệp hội Phật giáo Á châu vào năm 1938, D.T. Suzuki đã nói về Ryokan như sau:

*“Trên quan điểm tâm thường của con người nói chung, thì quả thật ông là một “gã đại ngu”, một kẻ bất thường. Ông thiếu một cái gì đó mà người ta gọi chung là sự hợp lý thông thường, trong khi chúng ta đây là những người bình thường thì lại chất chứa quá nhiều sự hợp lý thông thường đó. Mặc dù thế, Ryokan vẫn được mọi người chung quanh quý mến và kính trọng thật sâu xa. Ông chỉ cần hiện ra là mọi tranh luận và bất đồng chính kiến đang bao trùm sự hiện hữu của chúng ta sẽ tan biến hết.*

*Ông là một thi nhân có thực tài, cả về tiếng Hán cũng như tiếng Nhật, và nhất là một nhà thư pháp ngoại hạng.*

*Những người từ thành thị cho đến thôn quê khi thấy ông là chạy theo để xin thủ bút bằng bất cứ giá nào, nhưng ông không làm sao viết xuê cho tất cả mọi người, lắm khi họ phải bày ra đủ thứ mẹo để xin cho được thủ bút của ông.*



*Sự bén nhạy và lòng từ bi của ông đối với nhân loại và tất cả chúng sinh trong thiên nhiên thì thật không bờ bến. Ông chính là hiện thân của tình thương, là sự hiển lộ của Bồ-tát Quán thế âm”.*

Gần đây hơn, một thiền sư người Pháp là Dominique Blain có viết một quyển sách về Ryokan, và sau đó trong một buổi thuyết trình về vị thiền sư này tại thiền viện của Tông phái Tào Động ở thủ đô Paris, vào lúc 20 giờ 30 ngày 12 tháng 12 năm 2007, ông đã phát biểu như sau:

*“Có rất nhiều sách viết về Ryokan, và dù đã đọc nhiều nhưng tôi vẫn cảm thấy chưa thoả mãn, mỗi lần đọc thêm một quyển sách, tôi vẫn có cảm giác đây vẫn còn là một khía cạnh nào đó trong con người của Ryokan, nhưng tuyệt nhiên không phải là ông. Nếu như có một quyển sách viết về Ryokan có thể gọi là “toàn vẹn” hơn cả thì đây là loại sách ghi chép tiểu sử của Ryokan qua những mốc thời gian và những gì ông đã làm, nhưng tuyệt nhiên những nét quyến rũ trong thi phú của ông thì tôi không tìm thấy [.....]. Vì thế, tôi đã đặt thi phú của ông làm trọng tâm cho quyển sách của tôi, vì lý do ông đúng thực là một thi nhân, tôi phác họa lại cuộc đời ông bằng cách chọn lọc một số thi phẩm trong chủ đích đem đến một chút thú vị cho người đọc”.*

Những lời phát biểu trên đây cho thấy dù đã có nhiều sách viết về Ryokan nhưng khó có tác giả nào thật sự hiểu được con người Ryokan là gì, kể cả thiền sư Dominique Blain, vì chính ông đã tự thú nhận chỉ đặc biệt quan tâm đến khía cạnh thi vị trong thi phú của Ryokan mà thôi. Trường hợp của một tác giả người Mỹ là Burton Watson cũng tương tự như vậy, ông là một người say mê Ryokan, đã sang Nhật tìm về làng quê của Ryokan và những nơi ông từng sinh sống hoặc từng đi qua, viếng các bảo tàng viện còn cất giữ những di tích của Ryokan, sống lại những mùa thu và mùa đông trong vùng rừng núi Kugami..., nhưng sau cùng ông đành kết luận là ông không hiểu hết con người Ryokan, và ông đã tự thú nhận mình là một nhà thơ nên chú trọng nhiều hơn đến các thi phẩm của Ryokan mà thôi, dù rằng các bài thơ về Phật pháp ông cũng không hiểu hết. Những gì Burton Watson phát biểu khá thành thực và cũng dễ hiểu. Trong quyển sách và các bài báo ông viết, Burton Watson dùng quá nhiều lý luận và phân tích, nêu lên quá nhiều thắc mắc, một cách tiếp cận như thế không thể nào giúp ông hiểu được một thiền sư nói riêng và thiền học nói chung.

Tóm lại sách dịch các thi phẩm của Ryokan thì nhiều lắm, có những dịch giả tuyển chọn những bài thơ “thi vị” nhất, vài dịch giả khác thì thích loại thơ haiku, chẳng hạn như Joan Titus-Carmel, hai dịch giả Cheng Wong Fun và Hervé Collet thì cho xuất bản đến ba quyển sách trích dịch toàn những bài

thơ bằng Hán ngữ. Trong khi đó những bài thơ về Phật pháp của Ryokan rất phong phú thì ít người chú ý, có lẽ vì các bài thơ ấy không “hấp dẫn” và có thể khó hiểu cho một số người đọc và biết đâu cho cả người dịch (?). Những gì vừa trình bày trên đây cho thấy tính cách phiến diện trong cách chọn lựa các thi phẩm. Trong quyển sách này, số thơ tuyển chọn tuy giới hạn nhưng được phân bố theo nhiều thể loại và đề tài khác nhau trong đó có cả thơ về Phật pháp, trong mục đích giúp người đọc tìm hiểu Ryokan một cách trung thực hơn.

Mặt khác sách viết về tiểu sử của Ryokan cũng thường rơi vào tính cách phiến diện và chủ quan như vừa kể, phần lớn các tác giả dựa vào giai thoại nhiều hơn là những sự kiện có thể kiểm chứng được, chẳng hạn như John Stevens, Claire S. Fontaine, và cả Dominique Blain, v.v... Giai thoại thì không thể nào tránh khỏi những thêm thắt và phóng đại, hơn nữa giai thoại về Ryokan thì nhiều lắm, có lẽ vì ông là một con người khá “khó hiểu”, nên người đương thời và cả về sau này thường phóng đại và tạo ra đủ mọi thứ giai thoại về ông. Những biến chế ấy có thể nhận thấy dễ dàng vì cùng một sự kiện hay một giai thoại nhưng không có sách nào ghi chép giống nhau, đôi khi lại còn mang tính cách mâu thuẫn với nhau nữa, các tác giả Tây phương có khi còn làm lẫn cả ngày tháng âm lịch và dương lịch khi nghiên cứu các tài liệu bằng Nhật ngữ. Các loại sách căn cứ quá nhiều vào giai thoại sẽ mang đến hoang mang và làm lẫn vì thông thường người đọc dễ bị thu hút và mê hoặc bởi những gì thêm thắt và biến chế, không nhìn thấy những gì đích thực. Có thể một vài tác giả tin rằng những phóng đại sẽ làm tăng thêm giá trị cho Ryokan, nhưng thật ra chỉ biến ông thành một con người kỳ quặc và khó hiểu hơn. Dù sao thì một số sách gốc tiếng Nhật được chuyển dịch sang các ngôn ngữ Tây phương cho thấy có ít nhiều giá trị.

Như đã nêu lên trong phần dẫn nhập, viết tiểu sử của Ryokan không phải là một việc quá khó vì tài liệu phong phú, nhưng chọn lọc những sự kiện chính xác và những giai thoại đích thực để viết thì không phải là một việc dễ. Trong quyển sách này một số biến cố và một vài giai thoại tiêu biểu cũng đã được chọn, tuy nhiên những biến cố và giai thoại ấy đã được cân nhắc cẩn thận qua nhiều tài liệu khác nhau.

Thực ra Ryokan không hẳn là một thi sĩ vì ông đã từng bảo rằng “thơ tôi đâu phải là thơ”, nhưng mặt khác ông cũng không hẳn là một nhà sư vì ông không hề thu nhận đệ tử và cũng không thuộc vào một tăng đoàn nào cả, ông chỉ là một người tu hành phiêu bạt: “những người đi đường không hề biết tôi, đối với họ tôi chỉ là một kẻ ăn mày khác mà họ bắt gặp ở ngã tư đường”. Tuy ông đã thú nhận như thế, nhưng chúng ta lại nhất định bắt ông phải là một thi nhân và một thiền sư. Dù bắt ông phải là một thi nhân và một thiền

sư nhưng chúng ta vẫn chưa hài lòng, vì chúng ta muốn ông phải là một thi nhân có thực tài và đồng thời lại tìm đủ mọi cách để chứng minh ông là một thiên sư “đại ngu”. Đây là thái độ chung của nhiều người khi đánh giá Ryokan, việc đánh giá ấy căn cứ vào “sự hợp lý thông thường” chắt chứa quá nhiều trong sự hiểu biết công thức và quy ước của chúng ta, như thiên sư D.T. Suzuki đã từng nói.

Có người nhìn Ryokan như một nhà sư đàn độn và ngô nghê, có người lại xem ông là sự tượng trưng tốt đẹp nhất của trí thông minh con người, có kẻ gọi ông là nhà sư chơi bóng ném, kẻ khác thì gọi ông là nhà sư có tâm hồn trẻ con, nhưng cũng có người đánh giá ông một cách đơn giản là một gã sư khùng. Những thể dạng ấy chỉ là những biểu hiện bên ngoài dưới mắt của những kẻ “bình thường” như chúng ta, không mấy ai nhìn thấy cái bản chất đích thực bên trong của ông. Ryokan không phải là một nhà sư đàn độn, nhưng cũng không tượng trưng cho trí thông minh của con người, ông không phải là một nhà sư biết làm thơ, cũng không phải là một lão già ngô nghê chỉ biết chơi bóng ném và ú tim. Ông là một chúng sinh đã đạt được giác ngộ.

Cái giác ngộ ấy ông không mô tả ra được, cũng không thể trao lại cho bất cứ ai. Ryokan đã nói lên điều đó trong rất nhiều bài thơ:

.....

*Hân hoan tràn ngập trong tôi,  
Nhưng không sao mô tả được bằng lời.*

.....

*Trong cái khoảnh khắc đó, một xúc cảm tuyệt vời lan rộng  
trong tôi,  
Và chỉ riêng tôi mới ý thức được cái xúc cảm ấy mà thôi.*

.....

*Nấn lại chiếc gối, lắng lắng nghe tiếng mưa rơi  
trên những tàu lá chuối  
Biết chia sẻ với ai xúc cảm của những giây phút này?  
Một buổi tối an bình, ra phía sau am cỏ,  
Ngồi dạo một khúc hát với cây đàn không dây.*

.....

*Chỉ có kẻ nào ngăn được những tiếng động bên ngoài,  
Mới có thể nghe thấy tiếng nhạc huyền diệu ấy mà thôi.*

*Đạo Pháp của Phật không đối nghịch với sự hài hoà của vạn vật.  
Đâu có gì khác lạ để cho tôi truyền lại?  
Báu vật ấy đã có sẵn từ muôn đời,*

*Ngày cũng như đêm, nó rạng ngời và xoá hết bóng tối trong thế gian này.  
Dù có đạt được, cũng không có cách nào để trao lại cho kẻ khác.*

Sự giác ngộ mà ông đã đạt được ông không thể mô tả bằng lời, cũng không thể trao lại cho kẻ khác mặc dù ông yêu thương tất cả chúng sinh:

.....

*Đạt được nó, tức thời ta sẽ vượt sang được bờ bên kia.  
Tôi trình ra đây vật báu ấy và sẵn sàng hiến dâng cho mọi người,  
Nhưng biết phải làm thế nào, khi mà kẻ khác không muốn nhận.*

Thật vậy, chúng ta chỉ nhận thấy cái “đại ngu” của ông và những “rung động” trong các vần thơ của ông, nhưng có mấy ai nhìn thấy cái “giác ngộ” trong ông để cho ông trao lại, hoặc một số người dù cho có nhìn thấy sự giác ngộ mà ông sẵn sàng hiến dâng, nhưng đồng thời họ vẫn tiếp tục bị thu hút bởi những lo toan của thế tục và không nhận ra cái “báu vật” mà ông đang nâng trong hai tay.

Người ta có thể trách ông không thuyết giảng gì cả, cũng không lo Phật sự ở chùa, nhưng thật sự ông đã hiến dâng tất cả đời mình, từ những xúc cảm thanh cao trong ông cho đến lối sống hoàn toàn tinh khiết của ông để làm một tấm gương cho chúng ta soi: ông không giảng dạy bằng lời nhưng bằng hành động. Một hôm đi khát thực trong một ngôi làng ông bị dân làng vu oan là kẻ trộm và định đem ông chôn sống theo tục lệ thời bấy giờ, nhưng ông vẫn thản nhiên không hé răng tự bào chữa. Ông nghĩ rằng nếu là một cái nghiệp từ kiếp trước mà ông phải trả thì đây đúng là dịp để trả, nhưng nếu cái nghiệp không có thì dù cho cơ duyên có thuận lợi thì quả cũng không thể nào xảy ra được. Quả đúng như thế, một người dân làng đã đứng ra minh oan cho ông.

Người ta có thể trách ông đã tự chọn cho mình một cuộc sống cô đơn và khổ hạnh, tự tách rời khỏi xã hội tập thể của con người, nhưng thật ra ông đã đưa cuộc sống của ông hội nhập vào hiện thực, trực tiếp với khổ đau để nhìn thấy bản chất đích thực của thế giới luân hồi. Trong khi ông sống thực với chính ông trong cõi vô thường này, thì chúng ta lại chối bỏ hiện thực, tránh né khổ đau và tự lừa dối mình bằng những ảo giác của hạnh phúc, của trường tồn và bất biến, tự trói mình trong những khái niệm quy ước và những hiểu biết của ngôn từ.

Bằng những kinh nghiệm trong cuộc sống của chính mình, ông đã nêu lên cái Sự thật thứ nhất mà Đức Phật đã thuyết giảng, tức là Khổ đế của thế gian này, để chúng ta nhìn thấy. Cảm nhận được cái Khổ đế đó sẽ giúp chúng ta nhận ra con đường đưa đến giác ngộ, và chính ông đã từng

nhìn thấy được sự giác ngộ đó trên mặt nước cháo trong đáy bình bát của ông:

*Ngay cả những lúc  
Tôi còn đói  
Nhưng mặt nước cháo trong đáy bình bát  
Vẫn hiện lên hình bóng của tôi.*

Trên mặt nước cháo ở đáy bình bát đã hiện lên cái bản thể đích thật của con người Ryokan, cái Phật tính trong ông. Cái bản thể giác ngộ đó thật hết sức tuyệt vời:

*Dù nâng bằng hai tay, nhưng hôm nay trở về,  
Lại thêm một lần, chiếc bình bát trống không.  
Trong Thiền đâu có gì là lạ,  
Một chiếc bình bát, một mảnh cà-sa,  
Tôi ngao du trên con đường tuyệt vời, tận phương trời phía Tây.*

Mặc dù sau một ngày khát thực, nhưng chiếc bình bát vẫn trống không. Tuy thế trên đường về, ông vẫn cảm thấy đang ngao du trong cảnh giới tuyệt vời của Tây phương Cực lạc.

Mùa xuân năm 1994, thủ đô Paris tổ chức năm Nhật Bản, trong dịp này một bảo tàng viện lớn của thành phố đặc biệt triển lãm tranh, thư pháp và thơ của một thiền sư Nhật đương thời với Ryokan là Sengă Gibon (Tiên Nhai Nghĩa Phạm, 1750 – 1837). Sengă Gibon là một đại thiền sư trụ trì một trong những ngôi chùa danh tiếng và lớn nhất của nước Nhật thời bấy giờ là Shôfukujî thuộc tông phái Lâm tế. Nếu trong bảo tàng viện người ta đọc được bài thơ haiku sau đây của Sengă:

*Một khuôn trăng tảo bạo giữa đêm thu  
toả sáng trong không gian  
vô biên và trống rỗng*

Thì đồng thời người ta cũng tìm thấy trong các trạm đường hầm xe điện của thành phố Paris những tấm bích chương thật lớn ghi lại câu thơ haiku bất hủ của Ryokan:

*Tên trộm đã bỏ quên  
khuôn trăng  
bên thềm cửa sổ*

Mỗi ngày có khoảng hai triệu lượt người di chuyển trong các đường hầm xe điện dưới lòng đất của thủ đô Paris. Phần đông họ hối hả, lo âu và mệt mỏi, ngồi im trong những con tàu xuyên qua những đoạn đường hầm tối om,

dừng lại ở những sân ga đông đúc và chói loà ánh điện. Mấy người trong số họ được cái may mắn nhìn thấy ánh trăng rạng rỡ bên thềm cửa sổ của một chiếc am cỏ nơi rừng núi Kugami? May mắn thay, con trăng tuyệt vời và vô giá mà tên trộm đã bỏ quên gần hai trăm năm trước hôm nay đang soi sáng những đường hầm xe điện dưới lòng đất Paris. Nhưng tiếc thay, trong số những hành khách đang hồi hả có mấy người bỗng cảm thấy lòng mình rung động để dừng lại trên sân ga ngắm nhìn những tấm bích chương để thưởng thức vần thơ haiku của Ryokan, hay là họ cũng chỉ là những tên trộm bị thu hút bởi những giá trị vật chất, hồi hả và bỏ quên trong đường hầm cái ánh trăng tinh khiết của núi rừng Kugami? Họ bị cuốn trôi theo những dòng thác của lo toan thế tục trong lòng đất tối om. Dù sao thì ý kiến của ban tổ chức năm Nhật Bản chọn câu thơ haiku của Ryokan để triển lãm trong các trạm đường hầm cũng là một ý kiến tuyệt vời và táo bạo, táo bạo như vàng trắng thu soi sáng cả bầu không gian vô biên và trống rỗng trong câu thơ của thiền sư Senga.

Những sinh linh giác ngộ trong quá khứ đã để lại cho chúng ta rất nhiều, thật nhiều, nhưng thông thường thì chúng ta không nhận thấy hoặc không muốn nhận thấy mà thôi:

*Nếu những ai muốn hỏi  
Ryokan có lưu lại một lời cuối cùng nào  
cho thế gian này?  
Thì cứ bảo với họ rằng:  
Nam-Mô A-di-Đà Phật*

Tuy rằng Ryokan chỉ niệm một câu A-di-Đà Phật và giữ yên lặng, nhưng thật ra trong sự yên lặng của câu tụng niệm ấy ông đã để lại cho chúng ta thật nhiều, từ tấm gương của cuộc đời ông cho đến những xúc cảm của giác ngộ trong ông. Ông đã trao lại cho chúng ta hôm nay vàng trắng bên thềm cửa sổ nơi chiếc am cỏ của ông trong rừng núi Kugami và cả hình bóng ông trên mặt nước cháo ở đáy chiếc bình bát khát thực. Ông không mang theo với ông bất cứ một thứ gì, ông đã để lại tất cả cho chúng ta trong thế gian này:

*Gia tài nào  
Tôi để lại?  
Là hoa nở lúc mùa xuân  
Tiếng con chim cu khi vào hạ  
Chiếc lá phong rực đỏ  
Của mùa thu...  
Chúng ta có nhìn thấy cái gia tài ấy hay không?*

*Hoang Phong, 18.02.09*

---o0o---

### **SƠ LƯỢC THƯ MỤC THAM KHẢO**

Blain Dominique – Ryokan l’oublié du monde. Ed. Les deux Océans, Paris, 2007.

Burton Watson – Zen monk-poet of Japan, translated from Japanese by Burton Watson. Columbia Univ. press, 1977.

Cheng Wong Fun & Hervé Collet – Le moine fou est de retour. Editions Moundaren, 1988.

Cheng Wong Fun & Hervé Collet – Recueil de l’ermitage au toit de chaume. Editions Moundaren, 1994.

Cheng Wong Fun & Hervé Collet – Pays natal, Editions Moundaren, 1994.

Fontaine Claire S. – Contes zen Ryokan (1758-1831), le moine au coeur d’enfant, Traduction du Japonais. Ed. Le courrier du Livre, Paris, 2002.

Ishigami Iagolnitzer Mitchiko – Ryokan, moine zen. Editions du CNRS, Paris 1991

Kaô Kiichi – Ryokan’calligraphy. Ed. Kôkôdo, Niigata, Japon, 1977

Kodama Maisao & Yanagashima Hikosaku – The Zen Fool Ryokan.

Charles E. Tuttle publishing, 1999.

Les 99 haikus de Ryokan – Traduits du Japonais par Joan Titus-Carmel, Ed. Verdier, 1980.

Ryokan & Teishin – La rosée d’un lotus, traduction du japonais par Alain-Louis Colas. Ed. Gallimard, Paris, 2002.

Ryuchi Abé & Peter Haskell – Great fool: poems, letters and other writings, Zen Master Ryokan. Honolulu University of Hawaii’ press, 1996.

Sablé Erik – Ryokan, le chemin vide, Vie et poèmes d’un moine zen. Editions Dervy, Paris, 2003.

Stevens John – One robe, one bowl, the zen poetry of Ryokan. John Wutherhill Publishing, 1977.

Yuasa Nobuyuki – The zen poems of Ryokan. Princeton University Press, 1981.

***Ryokan Gã thiền sư Đại Ngu cô đơn trên con đường trống không***

*Chịu trách nhiệm xuất bản: Đỗ Thị Phan*

*Biên tập: Ngô Liêm Khoan*

*Sửa bản in: Phát Quang*

*Vi tính: Cẩm Hà*

*Bìa: Đặng Văn Thành*

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN**

**90 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM**

---o0o---

**HẾT**

---

<sup>1</sup> Có lẽ Ryokan muốn nói đến tông phái Tào động.

<sup>2</sup> Người ta thường đề cập đến Tây phương Cực lạc, nhưng gian nhà của Văn Thù Sư Lợi lại nằm vào hướng đông của lâu đài giác ngộ. Câu này có ý đánh đổ những hiểu biết công thức và quy ước, tức nguồn gốc sinh ra bám víu và vô minh.

<sup>3</sup> Ryokan viết bài thơ trên đây cho cha mẹ một đứa bé vừa qua đời.

<sup>4</sup> Ngày Ryokan còn bé, vào những ngày đẹp trời mẹ cậu thường dắt cậu ra ngồi ở bãi biển để nhìn ra hòn đảo Sado ngoài khơi và kể cho cậu nghe những kỷ niệm nơi làng quê của bà trên đảo.

<sup>5</sup> Khi đi ngang một ngôi vườn với những cây táo đỏ đang chín rộ, Ryokan thèm quá không nhịn được nên hái trộm vài quả và cài lại ở cổng vườn bài thơ trên đây.

<sup>6</sup> Vì già yếu Ryokan phải rời bỏ chiếc am cỏ Gogōan để trở về tá túc trong một túp lều trong ngôi làng Shimazaki.